

# KINH PHẬT BÁT NÊ HOÀN<sup>[1]</sup>

*Hán Dịch:* Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ

*Việt dịch:* Thích Chánh Lạc

*Hiệu-chú:* Tuệ Sỹ – Đức Thắng

--- o0o ---

## QUYỀN THƯỢNG<sup>[2]</sup>

Nghe như vậy<sup>[3]</sup>:

Một thời Phật ở trong núi Diêu sơn<sup>[4]</sup>,  
nước Vương-xá<sup>[5]</sup> cùng với một nghìn  
hai trăm năm mươi Tỷ-kheo.

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt<sup>[6]</sup> tên là A-  
xà-thế<sup>[7]</sup>, không hài lòng với nước  
Việt-kỳ<sup>[8]</sup>, muốn đem quân sang chinh  
phạt. Nhà vua triệu tập quần thần để  
cùng nhau nghị luận:

“Nước Việt-kỳ giàu có, nhân dân đông đúc, sản xuất nhiều châu báu, không chịu thần phục ta, vậy hãy đem binh chinh phạt nước ấy.”

Trong nước có một hiền thần tên là Vu-xá<sup>[9]</sup> thuộc dòng dõi Thệ Tâm<sup>[10]</sup>. Ông Vũ-xá tâu:

“Xin tuân lệnh!”

Vua bảo Vũ-xá:

“Đức Phật ở cách đây không xa. Hãy đem lời của ta đến chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài, hỏi thăm sức khỏe Ngài, ‘Thân thể có bình an không? Ăn uống có bình thường không?’ Hỏi thăm và đánh lễ đức Phật xong, hãy đem ý của ta mà bạch Ngài, ‘Việt-kỳ nước lớn, khi dễ vua. Nhà vua

muốn đem quân sang chinh phạt. Vậy có thể đắc thắng không?””

Ông Vũ-xá nhận lệnh vua, liền chuẩn bị năm trăm cỗ xe, hai ngàn người cỡi ngựa, hai ngàn người đi bộ, đến nước Vương xá. Tới con đường đi bộ liền xuống xe, đến trước đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài. Đức Phật chỉ cái ghế bảo ông ngồi, rồi hỏi:

“Thừa tướng từ đâu đến đây?”

Ông thưa:

“Nhà vua bảo con đến đây, lạy dưới chân đức Phật, hỏi thăm sức khỏe của Ngài, thân thể có bình an không, ăn uống có bình thường không?”

Đức Phật liền hỏi:

“Nhà vua và nhân dân trong nước có an hòa không? Được mùa hay mất mùa?”

Ông thưa:

“Nhờ ơn đức Phật nên tất cả đều được bình an, hòa thuận, mưa gió đúng thời, nước nhà giàu có.”

Đức Phật bảo:

“Ông đi đường, người ngựa đều bình an không?”

Ông thưa:

“Nhờ ơn đức Phật, tất cả đi đường đều bình an không có gì xảy ra.”

Rồi ông bạch Phật:

“Nhà vua và nước Việt-kỳ có sự hiềm khích nên nhà vua muốn đem quân chinh phạt, tiêu diệt nước đó. Vậy ý Phật như thế nào? Có thể thắng được không?”

Đức Phật dạy:

“Nhân dân nước Việt-kỳ nếu thọ trì bảy pháp này, nhà vua không thể chiến thắng được; nếu không thọ trì bảy pháp này, nhà vua có thể chiến thắng được.”

Đức Phật dạy:

“Ngày trước ta từng đến nước Việt-kỳ. Nước này có Thần xá Cấp-tật<sup>[11]</sup>, thỉnh thoảng ta dừng chân trong ấy. Các trưởng lão trong nước Việt-kỳ đều đến nói với ta: ' Vua A-xà-thế muốn đến chinh phạt nước chúng con. Vậy

chúng con phải phòng thủ nước thật cẩn thận’.”

Đức Phật nói:

“Ta liền bảo các trưởng lão chớ có sầu lo, chớ có sợ sệt. Nếu thọ trì bảy pháp sau đây vua A-xà-thế có đến cũng không thể chiến thắng được các người.”

Vũ-xá hỏi đức Phật:

“Bảy pháp đó là những gì?”

Khi ấy đức Phật đang ngồi, tôn giả A-nan đứng quạt hầu phía sau, đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Người có nghe người nước Việt-kỳ thường cùng nhau tụ hội, giảng giải,

luận bàn về chính sự, tu chính, dự bị đề tự phòng thủ không?”

A-nan thưa:

“Con có nghe họ thường cùng nhau tụ hội, giảng giải, luận bàn về chính sự, tu chính, dự bị đề tự phòng thủ.”

Đức Phật dạy:

“Như vậy nước ấy không thể suy thoái được.”

“Người có nghe vua tôi nước Việt-kỳ, thường hòa thuận, quan lại trung lương giúp đỡ lẫn nhau không?”

Thưa:

“Con có nghe ở nước ấy vua tôi thường hòa thuận, quan lại trung lương, giúp đỡ lẫn nhau.”

“Người có nghe dân chúng nước Việt-kỳ cùng nhau tôn trọng luật pháp, hiểu rõ điều quốc cấm, không dám trái phạm không?<sup>[12]</sup>”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước ấy cùng nhau tôn trọng luật pháp, hiểu rõ điều quốc cấm, không dám trái phạm.”

“Người có nghe dân chúng nước Việt-kỳ kính cẩn lễ hóa, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ thờ kính lẫn nhau không?”

Thưa:



“Con có nghe dân chúng nước Việt-kỳ kính cẩn lễ hóa, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ thờ kính lẫn nhau.”

“Người có nghe dân chúng nước Việt-kỳ hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, nghe lời dạy bảo không?”

Thưa:

“Con có nghe rằng dân chúng nước ấy hiếu thuận cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, nghe lời dạy bảo.”

“Người có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn trọng đất trời<sup>[13]</sup>, kính sợ xã tắc, phụng sự bốn mùa không?”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn trọng đất trời, kính sợ xã tắc, phụng sự bốn mùa.”

“Người có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn thờ đạo đức, có các Sa-môn, những vị ứng chơn<sup>[14]</sup> ở trong nước hoặc từ các nơi đến, thì được cúng dường áo quần, giường nằm, ngựa cưỡi và thuốc men không?”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước ấy tôn thờ đạo đức, có các Sa-môn, những vị ứng chơn ở trong nước hoặc từ các nơi đến, thì được cúng dường quần áo, giường nằm, ngựa cưỡi và thuốc men.”

Đức Phật dạy:

“Hễ nước nào thực hành bảy pháp này, khó có thể làm cho nguy hại được.”

Vũ-xá thưa:

“Giả sử nước Việt-kỳ chỉ thực hành một pháp thôi, còn không thể công phạt nổi, huống chi là thực hành bảy pháp.”

Rồi ông bạch Phật:

“Vì việc nước quá đa đoan, vậy con xin kiếu từ Thế Tôn.”

Phật dạy:

“Ông nên biết thời.”

Vũ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Phật rồi lui ra. Ông đi chưa bao lâu, đức Phật bảo A-nan:

“Hãy đến trong Diêu sơn gọi tất cả các Tỳ-kheo Tăng tập họp tại giảng đường.”

A-nan liền vâng lời dạy, đến Diêu sơn bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Đức Phật cho gọi các Tỳ-kheo.”

Các Tỳ-kheo đều đến đánh lễ đức Phật, đức Phật liền đi trước, vào trong giảng đường, tất cả đều trải tòa rồi ngồi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy thọ trì bảy giới pháp<sup>[15]</sup>. Những gì là bảy?

“Tỳ-kheo nên thường xuyên cùng nhau tụ tập để tụng đọc kinh điển thì chánh pháp được lâu dài<sup>[16]</sup>.

“Lúc ngồi, lúc đứng, trên dưới vâng thuận lẫn nhau<sup>[17]</sup>, thì chánh pháp được lâu dài.

“Khi ngồi, khi đứng không được nghĩ đến nhà cửa, vợ con, thì chánh pháp được lâu dài<sup>[18]</sup>.

“Hoặc trong hốc núi, hoặc ở rừng sâu, dưới bóng cây, nơi gò mả, phải tự suy tư về năm điều hủy diệt<sup>[19]</sup>, thì chánh pháp được lâu dài.

“Người học đạo tuổi nhỏ, trước phải hỏi các Tỷ-kheo trưởng lão, kính nể, thừa sự<sup>[20]</sup>, học hỏi không mệt mỏi, thì chánh pháp được lâu dài.

“Trong tâm phải vâng giữ pháp, kính sợ kinh giới, thì chánh pháp được lâu dài.

“Gìn giữ hai trăm năm mươi giới, cứu cánh đắc đạo A-la-hán. Ai muốn đến học hỏi thì đừng từ chối; các bạn đồng tu<sup>[21]</sup> thì giúp đỡ lẫn nhau. Người mới đến thì chia xẻ dùng chung áo, chăn, ẩm thực; bệnh hoạn ốm yếu phải chăm sóc cho nhau.

“Tỳ-kheo trì bảy pháp này thì chánh pháp được lâu dài.

“Lại có bảy pháp, hãy lắng nghe.”

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

“Tỳ-kheo không được ham nằm. Khi nằm không được nghĩ đến chuyện khác<sup>[22]</sup>, thì chánh pháp được lâu dài.

“Thích giữ sự thanh tịnh, không thích pháp hữu vi<sup>[23]</sup>, thì chánh pháp được lâu dài.

“Ưa ngồi chung với người hiền, giữ hạnh nhẫn nhục, cẩn thận không tranh tụng, thì chánh pháp được lâu dài.

“Không được mong người đến lễ kính. Giảng kinh cho người không được coi đó là điều ân huệ, thì chánh pháp được lâu dài.

“Hiểu được chút đạo, hay có tài năng chớ tự kiêu mạn, thì chánh pháp được lâu dài.

“Không được nghĩ đến các dục tình, tâm không bị tác động bởi hành nghiệp hữu dư<sup>[24]</sup>, thì chánh pháp được lâu dài.

“Không tham lợi dưỡng, thường ưa ở ỉn, lấy cỏ rơm làm giường. Tỳ-kheo giữ như vậy thì chánh pháp được lâu dài.<sup>[25]</sup>”

“Lại có bảy pháp, các người hãy lắng nghe.”

Các Tỳ-kheo nói:

“Kính vâng lời dạy.”

“Có người bố thí tài vật cho người khác, không vì thế khởi tâm oán hận, thì chánh pháp được lâu dài.

“Phải biết xấu hổ thì chánh pháp được lâu dài.

“Không biếng nhác đối với kinh giới<sup>[26]</sup> thì chánh pháp được lâu dài.



“Khi đứng, hay ngồi tâm không quên kinh pháp<sup>[27]</sup> thì chánh pháp được lâu dài.

“Lúc ngồi, hay đứng không nhằm chán khổ thì chánh pháp được lâu dài.

“Lúc ngồi, hay đứng đều hiểu rõ kinh pháp thì chánh pháp được lâu dài.

“Khi đọc, học kinh điển nên đọc lấy nghĩa sâu của nó, thì chánh pháp được lâu dài<sup>[28]</sup>.

“Lại có bảy pháp:

“Lúc Phật ở thế gian làm thầy các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cung kính giới cấm của Phật dạy, thọ trì giới pháp, luôn luôn nhớ ơn thầy, trì giới pháp của thầy, thì chánh pháp được lâu dài.

“Chưa đạt được đạo bậc thấp<sup>[29]</sup>, hãy tùy theo Phật pháp mà ước thúc thì chánh pháp được lâu dài.

“Cung kính Tỳ-kheo Tăng, thọ nhận lời giáo giới của các ngài, phải cung kính, thừa sự<sup>[30]</sup>, không có nhàm chán, thì chánh pháp được lâu dài.

“Tôn trọng người giữ giới, hay nhẫn nhục, thì chánh pháp được lâu dài.

“Tùy thuận kinh giới, tâm không tham ái, phải nghĩ mạng người là vô thường, thì chánh pháp được lâu dài.

“Ban ngày không được ham ăn uống, ban đêm nằm ngủ nghỉ không được ham giường tốt, thì chánh pháp được lâu dài.

“Tự mình thường xuyên tư duy, thế gian là rối loạn, tâm niệm không biếng trễ, không theo ác tâm, không theo tâm tà; lúc tâm tà đến phải tự kiềm chế, không để bị chi phối, hãy giữ tâm đoan chánh. Người thế gian bị tâm lừa dối, Tỳ-kheo chớ có đua theo tâm của người ngu trong thiên hạ.

“Thọ trì bảy pháp này thì chánh pháp được lâu dài.”

“Lại có bảy pháp.”

Chúng Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng lời dạy.”

“Tỳ-kheo hãy quý trọng kinh<sup>[31]</sup> như người ngu quý trọng châu báu, và xem kinh như cha mẹ vì kinh là cha mẹ sinh

ra ta. Người ta sống có một đời nhưng kinh điển độ thoát vô số đời, khiến cho người được đạo Nê-hoàn. Do vậy mà chánh pháp được lâu dài.

“Không được ham chuộng mùi vị ăn uống, không được ăn nhiều, ăn nhiều làm người ta sanh bệnh, ăn ít thì bị đói, ăn vừa no thì thôi; không được tham đắm thức ăn, thì chánh pháp được lâu dài.

“Nên xem thân như đất, ban ngày ưu tư về sự chết, không thích ở trong đường sanh tử. Đời sống có nhiều ưu lo: lo cho cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, nô tỳ, quen biết, súc sanh, ruộng nhà. Những ưu tư như vậy đều là ưu tư của kẻ ngu si. Như người có tội bị quan

bắt giữ, tuy có những người thân thuộc cũng không thể nhờ cậy được. Bằng sự ô uế ấy, so sánh thân này với đất, đơn độc đến, đơn độc đi<sup>[32]</sup>; hãy ganh đua với thân này, thì chánh pháp được lâu dài.

“Tinh tấn siêng tu, đoan nghiêm nơi thân, khẩu, ý, hành động không lỗi lầm, giữ đạo không cho là khó khăn, thì chánh pháp được lâu dài.

“Lo sợ mà hàng phục tâm ý, không nghe theo sáu tình<sup>[33]</sup>, kiềm chế dâm, nộ, si, không có tà hạnh, thì chánh pháp được lâu dài.

“Ngồi giữa chúng hội mà không thấy xấu hổ với chúng hội, được người đời kính trọng. Nhờ tâm đoan chánh, thanh

tĩnh nên không sợ sệt, giữ đạo không làm điều tà vạy. Như có người bị người khác vu cáo, quan bắt giữ. Tuy bị quan cầm giữ nhưng người ấy không sợ, vì không có phạm tội. Trì giới thanh tịnh, sợ giới ngữ của Phật, ngồi ở trong đại chúng mà không lo sợ vì tâm thanh tịnh. Nhờ vậy mà chánh pháp được lâu dài.

“Thận trọng không kiêu mạn, theo người trí tuệ thọ trì kinh giới. Thấy người ngu si nên dạy giới kinh cho họ.

“Tỳ-kheo trì bảy pháp này thì chánh pháp được trụ thế lâu dài.

“Lại có bảy pháp.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng lời dạy.”

“Tỳ-kheo phải thường niệm kinh, xả bỏ tánh tham dâm, thường nghĩ đến con đường giải thoát khỏi thế gian. Phải tự tư duy về thân thể thì chánh pháp được lâu dài.

“Luôn luôn thọ trì kinh của Phật dạy, giữ mãi trong tâm; đã giữ trong tâm rồi hãy khiến tâm mình luôn đoan chánh, bỏ tâm xấu, giữ tâm tốt. Giống như áo của người ta có nhiều cái bẩn, dùng nước tro tẩy giặt hai ba lần, làm cho tất cả cái bẩn sạch hết. Nhớ nghĩ lời Phật dạy, phải trì giới, bỏ ác theo thiện thì chánh pháp được lâu dài.

“Hãy khuất phục tâm<sup>[34]</sup>, không nên thuận theo tâm; tâm hướng tới dâm, nộ,

si thì đừng nghe theo; thường tự cấm chế tâm mình, không được theo tâm. Như người tòng quân, kẻ mạnh thì dẫn đầu mọi người, làm quân tiên phong, khó mà quay lui; nếu có ý hồi muốn thối lui liền thấy xấu hổ với người ở sau mình. Người đã thọ tịnh giới phải nên giữ tâm đoan chánh, ý ngay thẳng, hãy đứng trước mọi người, chớ có đứng sau, vị ấy có thể đắc đạo trước tiên. Như vậy thì chánh pháp được lâu dài.

“Nên biết chỗ thâm nhập của đạo hạnh mình nhiều hay ít, sâu hay cạn, thành thực tâm chí ban đầu. Hãy nên càng ngày càng vui với kinh giáo; không sợ khổ, không kén thức ăn, không chọn giường nằm. Hãy lấy đạo,



tự khuyến khích mình và tự ưa thích, nhờ đó chánh pháp được lâu dài.

“Nên tôn kính người đồng học, hãy xem bạn đồng học như anh em; hãy đoan chánh cả trong, ngoài; bên ngoài là lỗi của thân, miệng, bên trong là lỗi của tâm. Hãy suy tư về hai việc này thì chánh pháp được lâu dài.

“Lúc ngồi hãy tự suy nghĩ: chín lỗ bài tiết đầy đầy chất dơ. Một lỗ đóng vai chủ bên trong, chín lỗ đều bài tiết đồ bất tịnh; đói, no, nóng, lạnh đều làm cho ta đau khổ cùng cực; thân thể khó làm cho thích nghi, đều là bất tịnh; bên trong chứa đồ bất tịnh; gió nóng, gió lạnh hiện ra bên ngoài; đều là bất tịnh mà tự che đậy; lỗ mũi hiện ra sự lạnh

nóng thì trong tâm đều không hoan hỷ; nếu có mùi hôi thối cũng không ghét, không mừng. Tỳ-kheo nên giữ tâm đoan chánh trong và ngoài như vậy thì chánh pháp được lâu dài.

“Hãy quán xem những người trong thiên hạ, vua chúa cũng chết; kẻ nghèo, người giàu, kẻ sang người hèn không ai thoát khỏi cái chết, đồng ở trong con đường sống chết như nhau. Như người nằm mộng thấy nhà đẹp, vườn xinh, giàu sang sung sướng, đến lúc tỉnh giấc thì chẳng thấy gì cả. Những sự giàu, nghèo, sang, hèn ở thế gian cũng như người nằm mộng. Hãy tự suy tư về thế gian, ví như người chiêm bao mà thôi.

“Tỳ-kheo thọ trì bảy pháp này, tư duy không quên thì chánh pháp được lâu dài.”

“Lại có bảy pháp:

“Tỳ-kheo Tăng<sup>[35]</sup> phải có tâm từ đối với mọi người, có tâm từ đối với đức Phật. Người ta chửi mắng thì không chửi mắng lại, không sân hận. Hãy giữ tâm từ đối với mọi người. Ví như người ở trong tù thường có lòng từ đối với nhau. Người ta ở trên thế gian cũng nên bằng từ mà chiêu cố cho nhau. Tỳ-kheo hãy giữ tâm, bị người chửi mắng mà không giận, bình thản không mừng rỡ, sanh tâm như vậy, khả dĩ không lo lắng, do đó không tranh chấp với người thế gian. Thí như con trâu cái ăn cỏ

non thì sanh ra sữa, từ sữa tạo ra lạc, từ lạc tạo ra tô, từ tô thành đề hồ. Hãy giữ tâm như đề hồ mà phụng trì giới pháp của Phật, có thể được tồn tại lâu dài.

“Lưỡi không nói dối; lời nói không làm thương tổn người khác; ý và lưỡi phải đoan chánh. Lưỡi không đoan chánh khiến người ta không thể đắc đạo. Do lưỡi đưa đến việc dao gậy hoặc đưa đến sự tàn diệt. Cho nên người học đạo phải luôn luôn nói lời đoan chánh thì chánh pháp được lâu dài.

“Hãy giữ tâm mình được đoan chánh, chớ có nghĩ ác, chớ nghĩ đến dâm; nếu có tâm dâm dục thì không thành đạo A-la-hán. Ban đêm nằm ngủ mà tâm dâm

dục muốn khởi lên thì hãy nghĩ đến sự nhơ nhớp của người nữ, ý dâm liền được loại bỏ. Khi tâm sân hận khởi lên, hãy nghĩ: “Con người sống trên mặt đất này có bao lâu đâu”. Làm như vậy thì chánh pháp được lâu dài.

“Nếu có người mời Tỳ-kheo thọ trai, những người khác không được thì nghĩ rằng: ‘Chỉ có Tỳ-kheo này được mời, còn ta thì không.’ Chớ có những ý nghĩ như vậy. Có Tỳ-kheo bệnh, có người mang thuốc đến cho; những Tỳ-kheo khác không được như vậy, bèn nghĩ: ‘Chỉ chăm sóc người kia mà không chăm sóc mình.’ Chớ có ý nghĩ như vậy. Có người mang y phục đến cho Tỳ-kheo, những người khác không được, không nên nghĩ: “Riêng ta thì

không được, sao lại phải đi xin mới có?”. Khi tín thí bỏ đồ ăn vào trong bát, không được nói nhiều hay ít. Giữ tâm như vậy thì chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Hãy thọ trì giới pháp, thận trọng giới pháp. Nếu đối với giới pháp mà không biết thì nên hỏi vị Tỳ-kheo biết giới. Hãy niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ-kheo Tăng không phút nào nghỉ. Cung kính thừa sự lẫn nhau. Nếu trong y phục có chí rận nên khởi lòng thương đối với chúng, như vậy thì chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Lúc thấy người chết, ta nói: ‘Người này đã chết, mà không biết kinh đạo, cả nhà khóc lóc, các thân thuộc tri thức

đều không biết người chết ấy đi về đâu', nhưng Tỳ-kheo đã đắc đạo có thể biết người chết ấy, thần thức đi về đâu. Đối với kinh điển thì cần phải đọc, đối với đạo thì cần phải học. Con đường tắt trong thiên hạ thì nhiều, nhưng đường của vua là lớn nhất. Phật đạo cũng thế, là đạo tối thượng. Giống như vài chục người, ai ai cũng cầm cung tên bắn vào ụ đất để tập bắn; có người bắn trúng trước, có người bắn trúng sau. Cứ bắn liên tục, sẽ có mũi tên trúng ngay giữa ụ đất. Người thực hành kinh đạo của Phật cũng giống như thế, chớ biếng nhác, chớ suy nghĩ rằng người trước đã đắc đạo, nay ta không đắc đạo; không được có sự hối tiếc này. Giống như người bắn tên không dừng nghỉ rồi

được trúng đích. Hành đạo Tỳ-kheo không ngừng, thì chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Khi đi, khi đứng phải luôn tôn trọng, cúng dường kinh Phật; hãy đọc tụng và tư duy về nghĩa kinh.

“Tỳ-kheo<sup>[36]</sup>, thanh tín sĩ, và thanh tín nữ thực hành bảy pháp như vậy thì chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Phụng trì bảy bảy bốn mươi chín pháp này, như nước từ trên trời đổ xuống, nước của khe nhỏ chảy vào khe lớn, nước của khe lớn chảy vào sông, nước của sông chảy vào biển. Tỳ-kheo hãy như dòng nước chảy vào biển; hành đạo không bao giờ dừng nghỉ sẽ được đạo quả A-la-hán.”



Đức Phật từ thành Vương xá bảo A-nan:

“Chúng ta hãy đến xóm Ba-lân<sup>[37]</sup>.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ.”

Rồi từ nước Ma-kiệt-đà, đi chưa tới xóm Ba-lân, giữa đường là xóm La-trí<sup>[38]</sup>, ở đó đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo vâng lời dạy. Đức Phật bảo:

“Trong thiên hạ có bốn sự thống khổ<sup>[39]</sup>, đức Phật biết rõ nhưng con người lại không biết. Do con người không biết cho nên cứ bị sanh tử mãi không lúc nào dừng nghỉ. Những gì là bốn? Đó là, sanh là thống khổ, già là

thống khổ, bệnh là thống khổ, chết là thống khổ. Vì con người không biết suy tư để chấp nhận bốn sự thống khổ này một cách dũng mãnh nên mới chịu sự sanh tử mãi mãi không bao giờ dừng nghỉ. Đức Phật vì vậy nêu lên bốn sự thống khổ này cho mọi người biết. Tuy có cha mẹ, vợ con, nhưng đều sẽ bị biệt ly, cùng nhau lo buồn, khóc lóc không thôi. Những việc xấu xa hằng ngày hiện ra ngay trước mắt<sup>[40]</sup>. Do đó đức Phật công bố giáo pháp để dứt trừ bốn sự thống khổ, phụng trì tám giới, thân này đáng nhàm chán.

Đức Phật dạy:

“Một là họ lãnh lời Phật dạy. Hai, xa lìa ái dục, đến với đạo không có ham

tranh cãi. Ba, không nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và nói lời độc ác. Bốn, không được sát sanh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ của người khác. Năm, không được ganh tị, sân hận và ngu si. Sáu, khi ngồi, tự mình tư duy về bốn sự thống khổ ở trong tâm. Bảy, nghĩ tưởng thân thể đều là nhơ nhớp. Tám, quán sự sanh tử, thân này rồi sẽ trở thành đất.

“Đức Phật cũng nghĩ về sự hiện hữu của bốn thống khổ và sự ra đi của chúng. Đức Phật cũng đã nói tám giới này và Phật cũng sẽ nói về tám giới. Hãy suy niệm ý nghĩa sâu xa của kinh Phật.

“Các Tỳ-kheo nếu có nghĩ tưởng về cha mẹ, vợ con, nghĩ về sự sanh hoạt của thế gian thì không thể đạt được đạo giải thoát khỏi thế gian. Nếu ưa thích thế gian thì tâm không ưa thích đạo. Đạo từ tâm mà có, chánh tâm mới có thể đắc đạo. Có chút chánh tâm thì có thể sanh lên cõi trời; hiểu kinh pháp có thể được làm người. Hãy đoạn trừ con đường địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Đức Phật vì thiên hạ mà sửa trị con đường sanh tử. Các Tỳ-kheo hãy nên suy tư về việc này.”

Đức Phật từ xóm La-trí<sup>[41]</sup> bảo tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Ba lân<sup>[42]</sup>. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Liên đi theo sau đức Phật. Bảy giờ Tý-kheo Tăng có một ngàn hai trăm năm mươi vị. Đức Phật đi đến xóm Ba-lân, ngồi bên gốc cây. Quỷ thần<sup>[43]</sup> của xứ Ba-lân liền báo cho cư sĩ<sup>[44]</sup> biết, tất cả đều mang hoặc ghế, nệm lông, đèn đi đến chỗ đức Phật, đánh lễ trước đức Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo các cư sĩ:

“Con người ở thế gian, những ai tham dục, tự mình buông lung, thì có năm điều xấu ác<sup>[45]</sup>. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một hao mòn. Hai, không biết ý đạo. Ba, mọi người không kính nể; lúc chết bị hỏi hận. Bốn, tiếng xấu đồn khắp, thiên hạ đều nghe. Năm, lúc chết đọa vào địa ngục, trong ba đường ác.

“Nếu ai có thể hàng phục tâm mình, tự mình không buông lung, thì có năm điều lành. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một tăng. Hai, có đạo hạnh. Ba, mọi người kính nể, lúc chết không hối hận. Bốn, tiếng tốt đồn khắp ai cũng nghe. Năm, lúc chết được sanh đến cõi trên, đầy đủ phước đức.

“Tự mình không buông lung có năm điều lành như vậy, các người hãy tự mình suy tư về việc ấy.”

Đức Phật thuyết pháp cho cho các gia chủ cư sĩ, tất cả đều hoan hỷ, lay Phật rồi đi.

Đức Phật đi đến xóm A-vệ<sup>[46]</sup>, ngồi bên một gốc cây, dùng đạo nhãn thấy chư thiên trên trời sai các thần Hiền

thiện<sup>[47]</sup> bảo hộ vùng đất này. Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi xóm A-vệ, lại ngồi xuống một chỗ khác. Hiền giả A-nan sửa lại y phục ngay thẳng, từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật xong đứng qua một bên. Đức Phật hỏi A-nan:

“Ai tính toán ở xóm Ba-lân này xây dựng thành quách?”

Thưa:

“Ông đại thần Vũ-xá nước Ma-kiệt xây dựng thành này nhằm ngăn chặn quân nước Việt-kỳ.

Đức Phật nói:

“Lành thay! Này A-nan, ông Vũ-xá là người hiền mới biết mưu kế ấy. Ta thấy các vị trời thần diệu ở trên cõi trời

Đao-lợi đều hộ trì đất này. Ai có đất đai mà được chư thiên trên trời hộ trì, vùng đất ấy chắc chắn sẽ được an ổn, giàu có. Lại nữa, vùng đất này là trung tâm của trời. Vị trời làm chủ bốn phân dã<sup>[48]</sup> này tên là Nhân Ý<sup>[49]</sup>. Nước nào được Nhân Ý hộ trì, nước ấy càng lâu bền, lại càng hưng thịnh. Nước đó chắc chắn có nhiều bậc thánh hiền, mưu trí mà các nước khác không thể bì kịp, cũng không thể phá hoại được. Thành Ba-lân này sẽ bị phá hoại bởi ba việc: Một, lửa lớn; hai, nước lớn; ba, người trong và ngoài thành thông mưu với nhau.”

Đại thần Vũ-xá nghe đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo từ nước Ma-kiệt du hành đến đây, bèn nương uy củavua,



trang nghiêm năm trăm cỗ xe mà ra khỏi xóm Ba-lân, đi đến chỗ đức Phật; đến phía trước đánh lễ rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Ngày mai mong ngài cùng đông đủ Tỳ-kheo đến nhà con để dùng bữa ăn nhỏ<sup>[50]</sup>.”

Đức Phật yên lặng không trả lời. Ông Vũ-xá nói như vậy đến ba lần. Sự yên lặng trong Phật pháp tức là nhận lời. Vũ-xá liền trở về nhà sửa soạn, đặt bày giường ghế, thắp đèn dầu, đồ ăn thức uống đầy đủ để đón rước đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng. Sáng mai, Vũ-xá đến thỉnh Phật. Bảy giờ đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi

vị Tỳ-kheo Tăng đi đến. Ăn uống xong, đức Phật liền chú nguyện:

“Mong tín chủ được đắc đạo, không ham thích địa vị quốc công. tuy đời này không thể từ bỏ quan lại<sup>[51]</sup>, nhưng nay tín chủ cúng cơm cho Phật và Tỳ-kheo Tăng, mong cho đời sau được thoát khỏi việc quan lại. Thế gian có người sáng suốt nên cúng thức ăn cho đạo nhân hiền thiện, đạo nhân chú nguyện, nếu không bỏ được tâm muốn làm quan, thì quan không nên có tâm tham lam, tâm khốc hại, tâm cầu cạnh, tâm ham thích dục lạc, tâm khuyến làm điều ác<sup>[52]</sup>. Bỏ năm tâm này, người giữ việc triều chính có thể sẽ không có lỗi; sau khi chết có thể trừ được tội ác nơi

địa ngục. Nay Vũ-xá, hãy tự suy nghĩ lấy.”

Ông thưa:

“Dạ, con xin thọ giáo.”

Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng đều đứng dậy ra đi. Đức Phật đi ra cửa thành, Vũ-xá liền đi theo sau Phật quan sát xem đức Phật đi ra cửa thành nào để đặt tên cửa thành ấy là Phật thành môn<sup>[53]</sup>. Còn cái khe nước nhỏ mà đức Phật đi qua thì gọi là Phật khe<sup>[54]</sup>.

Đức Phật đi đến bên bờ sông. Bảy giờ dân chúng nhiều người muốn qua sông; có người dùng thuyền lớn, có người dùng thuyền nhỏ, có người dùng bè tre để vượt qua. Đức Phật ngồi suy nghĩ: “Lúc ta chưa thành Phật, qua

sông này, cỡi lên bè tre để đi qua. Nay thân ta không còn cỡi lên bè tre để qua sông”. Đức Phật lại tự nghĩ: “Ta là thầy đưa đò người, đưa người vượt qua nẻo đường thế gian, không còn để ai đưa đò nữa”. Nghĩ như vậy rồi các Tỳ-kheo đều vượt qua.

Đức Phật gọi A-nan:

“Tất cả hãy đi đến xóm Câu-lân<sup>[55]</sup>.”

A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo liền đến xóm Câu-lân. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy lắng nghe. Hãy khéo giữ gìn tâm, không tranh cãi với thiên hạ;

tự suy tư, để biết vô thường; hãy bằng trí tuệ mà lo cho thân<sup>[56]</sup>. Hãy khéo giữ tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, thì liền được sáng suốt. Người sáng suốt liền trừ bỏ được trạng thái tham dâm, sân nhuế, ngu si. Trừ bỏ được ba trạng thái này rồi liền được vượt khỏi con đường thế gian, không còn sanh trở lại, tâm không còn dong ruổi nữa. Nhất tâm, không bị vướng mắc. Ví như quốc vương vui thích độc tôn<sup>[57]</sup>, suy nghĩ: ‘Trong quần chúng đông người này, ta là ông chủ độc nhất.’ Người đắc đạo, đã vượt qua khỏi thế gian, cũng tự nghĩ trong lòng: ‘Dù có trăm ngàn vạn mối rối ren, chỉ có tâm là chủ, giống như quốc vương làm chủ coi sóc muôn dân’.”

Đức Phật lại từ Câu-lân bảo A-nan:

“Tất cả hãy đến nước Hỷ dự<sup>[58]</sup>.”

A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đồng đến nước Hỷ dự, ngồi bên gốc cây Kiên-đề<sup>[59]</sup>. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Các người hãy đi khát thực ở nước Hỷ dự.

Lúc khát thực xong trở về, các Tỳ-kheo bạch đức Phật:

“Nước Hỷ dự có nhiều bệnh tật nên dân chúng có nhiều người chết, trong đó có các Ưu-bà-tắc<sup>[60]</sup> tên là Huyền Điều, Thời Tiên, Sơ Động, Thức Hiền,

Thục Hiền, Khoái Hiền, Bá Tông, Kiêm Tông, Đức Cử, Thượng Tịnh. Mười vị này<sup>[61]</sup> đều là Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới, nay đều qua đời.”

Các Tỳ-kheo hỏi đức Phật:

“Các Ưu-bà-tắc này chết rồi sanh về đâu?”

Đức Phật trả lời:

“Huyền Diệu v.v... cả thảy mười người này, chết rồi được sanh vào trong đạo Bất hoàn<sup>[62]</sup>.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Các người chỉ biết về cái chết của mười người này. Phật bằng thiên nhãn quán sát xem thấy năm trăm Ưu-bà-tắc đã chết đều sanh trong đạo Bất-hoàn.

Lại có ba trăm Ưu-bà-tắc như Nan-đề, lúc còn sống đã không còn trạng thái dâm, trạng thái phần hận và trạng thái ngu si<sup>[63]</sup>, thì lúc chết được sanh lên cõi trời Đao-lợi, đắc đạo quả Câu cảng<sup>[64]</sup>, chỉ còn bảy lần sanh, bảy lần tử nữa là chúng được đạo quả A-la-hán. Còn Huyền Diệu v.v... cả bảy năm trăm người đều được đạo quả Bất hoàn, tự mình ở nơi cõi trời đạt được đạo Ứng chơn<sup>[65]</sup>.”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người đi khát thực<sup>[66]</sup> về, có gì lại hỏi đến mười vị Ưu-bà-tắc ấy? Nếu các người muốn cố ý quấy rầy Phật, cho rằng Phật không muốn nghe điều xấu này. Nhưng Phật đâu có gì e sợ. Đã



có sanh thì ai cũng phải chết. Các đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều Bát-nê-hoàn. Nay ta đã thành Phật, cũng sẽ Bát-nê-hoàn. Nhờ thân này mà được làm Phật. Trải qua nhiều kiếp cầu Phật để chấm dứt con đường sanh tử. Khi làm Phật thì nhổ sạch gốc rễ của sanh tử. Biết gốc rễ con người vốn từ si<sup>[67]</sup>, từ si là hành; từ hành là thức; từ thức là danh sắc<sup>[68]</sup>; từ danh sắc là lục nhập; từ lục nhập là xúc<sup>[69]</sup>; từ xúc là thọ<sup>[70]</sup>; từ thọ là ái; từ ái nên thủ<sup>[71]</sup>; từ thủ là hữu; từ hữu là sanh; từ sanh là già chết, lo, buồn, khổ não, buồn bã, chẳng như ý. Như là sự tập khởi của khối lớn đau khổ hợp lại<sup>[72]</sup>.

“Phật do vậy suy tư về nguồn gốc sanh tử, như chiếc xe có bánh, khi xe

chạy thì bánh xe không thể ngừng. Con người từ si cho nên mới bị sanh tử. Nếu từ bỏ si thì si diệt, do si diệt thì hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, nhờ xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già chết diệt, do già chết diệt nên ưu bi khổ não, bất như ý diệt. Như vậy sự tập khởi của khối lớn đau khổ hợp lại được chấm dứt.

“Cho nên trước tiên đức Phật nói cho các người biết, do si mê nên có sanh tử; người có trí giữ đạo thì không còn sanh tử nữa.”

Đức Phật dạy:

“Hãy nghĩ tưởng phụng trì Phật, Pháp, Thánh chúng, và tịnh giới. Cung kính, thừa sự lẫn nhau mà dạy dỗ kinh Phật. Hãy tư duy, giữ tâm chánh niệm, thì chẳng còn trở lại nẻo sanh tử, không còn nổi lo lắng ưu sầu.”

Đức Phật từ xóm Hỷ dự gọi A-nan đi đến nước Duy-da-lê<sup>[73]</sup>, tôn giả A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật từ xóm Hỷ dự đi đến nước Duy-da-lê, chưa tới bảy dặm, thì dừng chân nơi vườn Nại<sup>[74]</sup>. Có một dân nữ tên Nại nữ<sup>[75]</sup>, với năm trăm đệ tử là dân nữ, ở trong thành nghe đức Phật đi đến hiện ngụ nơi vườn Nại, liền bảo

đám đệ tử dâm nữ phải lo trang điểm mặc y phục và chuẩn bị xe cộ, rồi từ trong thành đi ra, đến chỗ Phật, muốn yết kiến cùng lễ bái đức Thế Tôn.

Bấy giờ đức Phật ở nơi vườn Nai cùng với hàng ngàn vị Tỳ-kheo, đang thuyết giảng kinh cho các vị ấy. Đức Phật thấy Nai nữ cùng năm trăm đệ tử dâm nữ đang đi tới, tất cả đều mặc những bộ y phục đẹp đẽ, có trang điểm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các người đã thấy Nai nữ cùng với năm trăm dâm nữ đệ tử, thấy đều hãy cúi đầu, tâm đoan chánh. Họ tuy trang điểm, ăn mặc đẹp đẽ đến đây, ví như cái bình vẽ, bên ngoài tô vẽ rất đẹp, nhưng bên trong chứa toàn là đồ nhơ

nhóp, đã được phong kín không đáng để mở ra; nếu ai mở ra thì toàn là những thứ bất tịnh xú uế. Đó chính là Nại nữ; cả đám đều là những cái bình vẽ. Vậy các Tỳ-kheo phải có khả năng quán sát<sup>[76]</sup>. Quán sát những gì? Đó là bỏ ác theo thiện, không chạy theo trạng thái ham muốn của lòng dâm, thà tự mình bị chẻ xương, phá tim, thiêu đốt thân thể chớ quyết trọn đời không bao giờ đồng lõa với vọng tâm làm ác. Không chỉ là lực sĩ mới có nhiều sức mạnh, mà tự mình giữ tâm chánh niệm thì còn hơn cả lực sĩ. Đức Phật chế ngự tâm mình đến nay đã trải qua vô số kiếp, không chạy theo vọng tâm, siêng năng tinh tấn để tự đạt đến quả Phật. Vậy các Tỳ-kheo hãy tự làm cho tâm

mình ngay thẳng, đoan nghiêm. Tâm từ lâu ở trong chỗ bất tịnh, thì hiện tại cũng có thể tự mình nỗ bỏ. Hãy tự tư duy năm tạng trong thân thể cũng có thể đình chỉ được pháp sanh tử. Hãy quán xem bên ngoài cũng khổ, bên trong cũng khổ, hãy khiến cho tâm mình luôn chính đáng<sup>[77]</sup>.”

Nại nữ đến nơi, xuống xe đến chỗ đức Phật, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Các Tỷ-kheo đều cúi đầu. Đức Phật hỏi:

“Do nhân duyên gì mà đến đây?”

Nại nữ thưa:

“Con thường nghe Phật là bậc tôn quý hơn chư Thiên nên con đến để lễ bái.”

Đức Phật nói:

“Này Nại nữ! Có thích làm thân người nữ chăng?”

Nại nữ thưa:

“Trời bắt con làm thân người nữ, nhưng con không thích.”

Đức Phật dạy:

“Nếu cô không thích làm thân người nữ, vậy ai khiến cô nuôi tới năm trăm đệ tử dâm nữ?”

Nại nữ thưa:

“Họ đều là những dân nghèo, con nuôi dưỡng và bảo hộ cho họ.”

Đức Phật nói:

“Chẳng phải như thế! Nếu không nhàm chán về bệnh khổ của người nữ, hoặc như kinh nguyệt bất tịnh, lại bị nhiều thứ ràng buộc, đánh đập, không được tự tại. Đã không nhàm chán thân nữ của cô lại còn nuôi chứa đến năm trăm người nữ nữa?”

Nại nữ thưa:

“Con ngu si nên mới như vậy. Người có trí thì không làm như vậy.”

Đức Phật nói:

“Biết suy xét như thế là tốt.”

Nại nữ liền quỳ mọp, bạch Phật:

“Sáng mai con mời đức Phật và chúng Tỷ-kheo Tăng đến nhà con thọ trai.”



Đức Phật yên lặng không trả lời. Nại nữ rất sung sướng, liền đứng dậy đánh lễ đức Phật rồi đi ra.

Nại nữ ra khỏi chưa bao lâu thì các Lý gia<sup>[78]</sup> thuộc dòng họ danh giá của thành Duy-da-ly, nghe đức Phật cùng đông đủ các Tỳ-kheo Tăng đang đi đến đây, cách thành bảy dặm, ở trong vườn Nại, liền dựa vào oai lực của nhà vua, sửa sang xe cộ rồi ra đi, muốn đến yết kiến để cúng dường đức Phật. Trong đó có toán cỡi ngựa xanh, xe xanh, áo xanh, dù lọng xanh, tràng phan cũng xanh, các viên quan đều mặc màu xanh. Toán cỡi ngựa vàng, xe vàng, y vàng, lọng vàng, tràng phan vàng, quan thuộc đều mặc màu vàng. Có toán thì cỡi ngựa đỏ, xe đỏ, áo đỏ, lọng đỏ,

tràng phan đỏ, quan thuộc đều dùng màu đỏ. Có toán thì cỡi ngựa trắng, xe trắng, áo trắng, dù lông trắng, tràng phan trắng, quan thuộc đều dùng màu trắng. Có toán thì cỡi ngựa đen, xe đen, áo đen, lông đen, tràng phan đen, quan thuộc đều mặc màu đen. Đức Phật từ xa trông thấy đoàn xe ngựa khoảng chừng mười vạn người đang đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các người muốn thấy trong vườn của Đế Thích, trên cõi trời Đao-lợi, đám thị tùng ra vào đông đúc ra sao, thì hãy nhìn các Lý gia này. Chúng giống nhau, chẳng khác gì cả.”

Các Lý gia tới đầu đường đều xuống xe, đi đến chỗ đức Phật. Người đến

trước gần đức Phật thì quỳ, người ở giữa đều cúi đầu, còn đám người sau cùng thì đều chấp tay rồi ngồi xuống.

Đức Phật hỏi:

“Các vị từ đâu đến đây?”

Các Lý gia thưa:

“Chúng con nghe đức Phật ở chỗ này cho nên đến đây để lễ bái.”

Trong đoàn có một người tên là Tân Tụ<sup>[79]</sup>, đứng dậy đi đến trước đức Phật, nhìn Ngài thật kỹ. Đức Phật hỏi:

“Ông nhìn những gì ở nơi ta?”

Tân Tụ thưa:

“Khắp trên trời dưới đất đều rung động hướng về Ngài, cho nên con nhìn đức Phật không hề biết chán.”

Đức Phật nói:

“Này Tân Tụ, ông hãy nhìn Phật thật kỹ. Về lâu xa lại có Phật ra đời nữa. Lúc có Phật nên theo lời Phật dạy.”

Trong nhóm có bốn năm trăm Lý gia nói:

“Tân Tụ có phước đức lớn, cùng được hầu chuyện đức Phật.

Tân Tụ nói:

“Từ xa tôi được nghe nói tới kinh Phật. Tôi nghĩ kinh ấy từ lâu rồi, cho đến hôm nay tôi mới được gặp. Tôi có tâm từ hiếu đối với đức Phật.”

Đức Phật nói:

“Người trong thiên hạ ít có ai như Tân Tụ, từ hiếu đối với thầy.”

Đức Phật bảo Tân Tụ:

“Phật xuất hiện trong thiên hạ, biết rõ con đường sanh tử của muôn người, thuyết giảng kinh để mở bày, giáo hóa. Trên trời dưới trời và các loài quỷ, rồng v.v... không ai là không nghiêng mình. Đó là oai thần thứ nhất của Phật.

“Nếu ai đọc tụng kinh Phật, tự mình giữ tâm ngay thẳng, thì đạt được đạo. Đó là oai thần thứ hai của Phật.

“Phật thuyết giảng kinh cho muôn người. Những người hiền trí thấy đều hoan hỷ. Những người đến nghe không

ai là không vui mừng. Những người tu học cùng chỉ dạy lẫn nhau, cùng nhau dẫn dắt, cùng nhau giúp cho tâm được ngay thẳng. Đó là oai thần thứ ba của Phật.

“Ai học kinh Phật cũng đều hoan hỷ, như người ngu được vàng. Kẻ thượng trí được đạo Ứng chơn. Hạng thứ hai có thể được quả Bất hoàn, hạng thứ ba có thể được quả Tần lai<sup>[80]</sup>, hạng thứ tư có thể được Câu cảng,<sup>[81]</sup> hạng thứ năm là giữ năm giới của ưu-bà-tắc, có thể được sanh lên cõi trời, giữ ba giới thì có thể được làm người. Đức Phật xuất hiện ở thế gian, nhân đó mới xuất hiện đạo này. Đó là oai thần thứ tư của đức Phật.”

Đức Phật bảo Tân Tụ:

“Ông đến nhìn Phật thật kỹ. Ông nói rằng đã từng nghe danh hiệu của Phật nhưng ít thấy Phật. Lúc bảy giờ, trong số hàng chục vạn người đang ngồi ở đó, đều không hỏi Phật, mà chỉ riêng ông hỏi Phật. Đó là oai thần thứ năm của Phật.”

Đức Phật bảo Tân Tụ:

“Người có trí huệ trong thiên hạ rất ít, người không hiểu đạo<sup>[82]</sup> thì nhiều. Thọ trì kinh giáo của Phật, thọ trì những lời hay của thầy, giữ giới pháp của thầy, thì các loài quỷ, thần, rồng không ai là không hộ vệ, chăm sóc, khiến không ai dám phỉnh phờ, dối gạt<sup>[83]</sup>. Hãy từ hiếu đối với thầy. Làm

thầy không nên theo những yêu sách của đệ tử. Trước mặt thầy phải nên cung kính, sau lưng thì nên khen ngợi thầy. Thầy chết thì luôn luôn tưởng nhớ. Hiện nay Tân Tự là người tài giỏi trong loài người, khéo ưa thích pháp, giới thanh tịnh.”

Các vị Thệ tâm Lý gia<sup>[84]</sup> ở Duy-da-lê mời đức Phật sáng mai cùng các Tỷ-kheo vào thành để cúng dường. Đức Phật nói:

“Sáng mai Nại nữ đã thỉnh Phật và Tỷ-kheo Tăng rồi.”

Các Thệ tâm Lý gia đều trở về.

Sáng sớm, Nại nữ đi đến chỗ đức Phật, thưa:



“Con đã đặt tòa ngòì, đồ ăn uống cũng đã dọn xong, mong đức Thiên Tôn thể hiện oai thần hạ cố.”

Đức Phật nói:

“Hãy về đi, ta sẽ đến!”

Đức Phật đứng dậy, mặc y ôm bát cùng đông đủ Tỳ-kheo đi vào thành. Ở trong thành có mấy mươi vạn người đến xem, trong đó có các ưu-bà-tắc hiền thiện, họ đều khen: ‘Đức Phật như trăng sáng, các đệ tử ngài như sao sáng vây quanh mặt trăng.’

Đức Phật đến nhà Nại nữ, ngòì xuống, dùng nước rửa tay chân. Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng thọ trai, rửa tay xong xuôi, Nại nữ lấy một chiếc

ghế nhỏ ngồi trước đức Phật. Đức Phật bảo Nại nữ:

“Các bậc Thánh nhơn và những người giàu có, phú quý được tôn kính trong thiên hạ chỉ thích tịnh giới, rõ biết các kinh của Phật; những điều họ nói ra trong chúng hội, ai cũng ưa nghe; những việc họ làm, ai cũng kính yêu. Nay được làm người trong thiên hạ, đừng tham tiền, sắc, vâng theo sự giáo hóa của Phật, lúc chết tất được sanh lên cõi trời.”

Đức Phật bảo Nại nữ:

“Hãy khéo giữ mình, thọ trì năm giới.”

Đức Phật và chúng Tỳ-kheo ra đi.

Đức Phật ra khỏi nước Duy-da-lê, bảo A-nan:

“Tất cả hãy đến xóm Trúc phương<sup>[85]</sup>.”

Tôn giả A Nan thưa:

“Dạ vâng.”

Lại nghe ở xóm Trúc phương bảy giờ lúa thóc khan hiếm, các Tỳ-kheo đi khát thực khó khăn, đức Phật ngồi suy nghĩ: ‘Nước Duy-da-lê đang hội đói kém, lúa thóc ít ỏi, đất đỏ, còn ở xóm làng này thì nhỏ hẹp, không đủ để các Tỳ-kheo đi khát thực.’ Đức Phật nghĩ, muốn bảo các Tỳ-kheo hãy phân bố ra nước khác, nơi lúa thóc dồi dào hơn để khát thực. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Ở xóm Trúc phương này lúa thóc không nhiều, việc khát thực khó khăn, còn bên nước Sa-la-đề<sup>[86]</sup> thì khá giả, sung túc hơn. Chung quanh nước Duy-da-lê này thì lúa thóc rất đắt đỏ. Riêng ta cùng A-nan thì ở lại xóm Trúc phương.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều đi đến nước Sa-la-đề, còn đức Phật và A-nan thì đến xóm Trúc phương. Lúc này, đức Phật bị bệnh nặng, muốn nhập Niết-bàn. Đức Phật tự nghĩ: “Các Tỳ-kheo đều đi khỏi cả, riêng ta nhập Niết-bàn, không có lời dạy dỗ nào sao?”

A Nan ở bên một gốc cây, đi đến chỗ đức Phật hỏi thăm:

“Thánh thể không điều hòa, nay có bớt không?”

Phật nói:

“Chưa bớt. Bệnh rất nặng. Ta muốn nhập Nê-hoàn.”

A-nan thưa:

“Xin Phật hãy khoan nhập Niết-bàn. Hãy chờ các Tỳ-kheo tụ tập đông đủ đã.”

Phật bảo tôn giả A Nan:

“Ta có kinh điển và giới luật<sup>[87]</sup>. Các người hãy vâng theo kinh, giới mà tu hành thì cũng như ta hiện có trong chúng Tỳ-kheo Tăng. Các Tỳ-kheo Tăng đều đã biết sự chỉ dạy của Phật. Ta đã dạy cho đệ tử phép thờ thầy. Các

đệ tử hãy nên thọ trì, dốc tâm tu học. Nay toàn thân ta đau đớn. Ta đã vận dụng oai thần của Phật, trị bệnh không cho tái phát; trụ tâm nhiếp phục bệnh, như có phần thuyên giảm.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Nay ta đã già rồi, tuổi đã tám mươi. Ví như chiếc xe cũ kỹ không còn cứng cáp. Thân thể ta cũng như vậy, không còn cứng cáp nữa. Ta há chẳng từng nói với các người: ‘Không có cái gì trên mặt đất này mà không chết. Có một cõi trời thật cao tên là Bất tướng nhập<sup>[88]</sup>, thọ đến tám mươi ức bốn ngàn vạn kiếp, cuối cùng cũng phải chết.’ Do đó nên ta mới giảng kinh chỉ dạy cho mọi người để đoạn trừ cội gốc của

sanh tử. Sau khi ta đã Bát-nê-hoàn<sup>[89]</sup>, các người không được lìa bỏ kinh giới này; hãy cung kính, tôn trọng nhau; hãy tự quán sát nội thân; giữ tâm chánh niệm, thực hành chân chánh; hãy giữ giới pháp, khiến cho trong và ngoài vẫn như thường. Trong bốn chúng đệ tử, ai thọ trì giới pháp, thấy đều là đệ tử Phật. Nếu ai học kinh giáo của Phật cũng đều là đệ tử của Phật. Đức Phật đã bỏ ngôi vị Chuyển Luân vương lo cho mọi người trong thiên hạ; cũng tự lo bệnh tật của chính mình; luôn xả bỏ mọi trạng thái dâm, nộ, si.”

Đức Phật từ xóm Trúc phương, bảo A-nan:

“Chúng ta hãy trở lại nước Duy-da-lê<sup>[90]</sup>.

A-nan vâng theo lời dạy. Đức Phật trở lại nước Duy-da-lê, ôm bát vào thành khát thực, tìm đến ngồi ở khoảng đất trống dưới một gốc cây Cấp tạt thần<sup>[91]</sup> ở khoảng đất trống suy tư về việc sanh tử. A-nan thì ngồi dưới một gốc cây khác cách xa đó mà suy nghĩ về những điều ám ảnh<sup>[92]</sup>; rồi đứng dậy đi đến chỗ đức Phật; đánh lễ Phật xong, đứng bạch Phật:

“Sao Ngài chưa nhập Niết-bàn<sup>[93]</sup>?”

Đức Phật bảo A-nan:

“An vui thay nước Duy-da-lê. An vui thay nước Việt-da.<sup>[94]</sup> An vui thay đất của thần Cấp Tạt. An vui thay cửa



thành Sa-đạt-tránh. An vui thay những con đường trong thành. An vui thay đèn thờ Danh-phù-phát. An vui thay thiên hạ Diêm-phù-lợi. An vui thay nước Việt-kỳ. An vui thay nước Giá-ba. An vui thay cửa Tát-thành. An vui thay nước Ma-kiệt. An vui thay Mãn-phát. An vui thay Uất-đề. An vui thay suối Tây-liên. An vui thay núi Xuất kim. Năm sắc<sup>[95]</sup> sanh ra trong nội địa Diêm-phù-lợi như bức họa; an vui thay những ai sanh trong đó.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào, thọ trì bốn pháp<sup>[96]</sup>, tư duy cho thuần thực, chánh tâm, không lệ thuộc vào vọng tâm, bên ngoài cũng nghĩ tốt, bên

trong cũng nghĩ tốt, tâm không còn tham đắm dục lạc, không kinh sợ, cũng không còn dong ruổi nữa, thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni đó đã giữ vững ý chí mình. Tu tập bốn pháp như vậy gọi là bốn thần túc <sup>[97]</sup>; nếu muốn sống đến một kiếp cũng có thể được.”

Bảy giờ, Ma đã nhập vào bụng <sup>[98]</sup> của A-nan. Đức Phật lại bảo A-nan:

“Như vậy hãy còn có thể được.”

A-nan lại nói:

“Vì sao Phật chưa nhập Niết-bàn? Bây giờ là đúng lúc Niết-bàn!”

Đức Phật lại nói:

“An vui thay Diêm-phù-lợi. Nếu ai biết bốn thần túc này thì có thể sống

trong trời đất này một kiếp, hoặc hơn thế nữa.”

Ngài lại bảo A-nan như vậy cho đến lần thứ ba mà A-nan vẫn không trả lời về việc bốn thần túc. Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy nên ngồi bên gốc cây mà tự suy tư.”

Đức Phật đứng dậy đi đến bên dòng suối Hê-liên<sup>[99]</sup>, ngồi cạnh gốc cây. Ma<sup>[100]</sup> đi đến chỗ Phật nói:

“Tại sao Ngài không nhập Niết-bàn?”

Đức Phật bảo:

“Này Tệ Ma<sup>[101]</sup>, ta chưa thể nhập Niết-bàn, vì còn chờ bốn chúng đệ tử của ta có trí tuệ sáng suốt, đặc đạo; còn

chờ chư thiên trên trời, dân chúng nơi thế gian và các hàng quý thần đạt được trí tuệ, đắc đạo; chờ cho kinh pháp của ta được truyền bá khắp mọi nơi chốn, cho nên ta chưa thể nhập Niết-bàn.”

Ma biết Phật sẽ nhập Niết-bàn nên vui mừng ra đi. Đức Phật ngồi tự suy tư: ‘Ta nay có thể xả bỏ tuổi thọ<sup>[102]</sup>.’ Khi ngài muốn xả bỏ tuổi thọ, bấy giờ trời đất chấn động mạnh, hàng quý thần thấy đều kinh hãi. Lúc đó, A-nan đang ngồi bên gốc cây lo sợ vội đứng dậy đi đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

“Con đang ngồi bên gốc cây, bỗng nhiên trời đất chấn động mạnh. Con

kinh hãi đến nổi lông tóc trong người đều dựng đứng. Con không biết vì lý do gì mà đại địa chấn động như thế?”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Phàm đại địa rung động có tám nhân duyên. Những gì là tám? Vì đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió duy trì nước. Như từ mặt đất mà nhìn lên trời, hoặc có lúc gió làm rung động nước, nước làm rung động đại địa, đại địa nhân đó bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Hoặc có bậc A-la-hán tôn quý, muốn thử oai thần của mình, ý muốn khiến cho đại địa chấn động, nên lấy hai ngón tay ấn trên mặt đất làm cho

đất trời bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Trong khoảng không có vị trời oai thần lớn lao ý muốn làm cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Khi đức Phật còn làm Bồ tát từ cõi trời Đâu-thuật<sup>[103]</sup> nhập mẫu thai, lúc đó đất trời bị chấn động mạnh.

“Khi Bồ tát từ hông bên hữu của mẹ hạ sanh thì đất trời bị chấn động mạnh.

“Khi Bồ tát đắc đạo thành Phật, đất trời bị chấn động mạnh.

“Lúc Phật bắt đầu thuyết giảng kinh giáo hóa chúng sinh thì đất trời bị chấn động mạnh.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Sau ba tháng nữa thì Phật sẽ Bát-nê-hoàn, trời đất sẽ lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho đại địa chấn động.”

A-nan nghe đức Phật nói thời hạn là ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn liền khóc lóc, hỏi:

“Phải chăng Ngài đã xả bỏ thọ mạng?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta đã xả bỏ thọ mạng rồi.”

A-nan bạch Phật:

“Con từng nghe từ kim khẩu của Phật nói: Nếu Tỳ-kheo nào có bốn pháp này,

gọi là bốn thần túc, nếu muốn kéo dài mạng sống trong một kiếp cũng có thể được. Uy đức của đức Phật còn cao hơn bốn thần túc nữa, tại sao không kéo dài mạng sống hơn một kiếp?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đó là do lỗi của người, là điều người đã làm. Vì ta đã ba lần nói với người: ‘An vui thay trong cõi Diêm-phù-lợi!’ nhưng người vẫn im lặng không trả lời. Ta thấy người tài năng<sup>[104]</sup>, tại sao lại để cho Tệ Ma nhập vào trong người mình? Ta không thể dừng lại được, sau ba tháng ta sẽ nhập Niết-bàn.”

A-nan liền đứng dậy nói với các Tỷ-kheo Tăng:



“Sau ba tháng nữa đức Phật sẽ nhập Niết-bàn.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy tập hợp tất cả các Tỳ-kheo lại trong đại hội đường.

A-nan bạch:

“Tất cả các Tỳ-kheo Tăng đã ở trong đại hội đường rồi.”

Đức Phật liền đứng dậy đi vào đại hội đường. Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, cung kính đánh lễ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Mọi vật trong trời đất đều vô thường, không có gì vững chắc. Con người vẫn ham muốn sanh tử, không mong tìm con đường giải thoát khỏi thế

gian, thấy đều do si mê cả. Cha mẹ rồi cũng phải biệt ly, tưởng nhớ đến mà buồn thương. Người càng ân ái, tham luyến nhau càng nhiều bi ai. Trong thiên hạ, không có cái gì có sanh mà không có chết. Ta từng giảng nói nơi kinh: Hễ có sanh thì phải có chết; chết rồi lại sanh, sầu khóc lẫn nhau chẳng lúc nào thôi. Núi Tu-di rồi cũng sụp đổ. Chư thiên trên trời cũng phải chết. Làm vua cũng chết; nghèo, giàu, sang, hèn, cho đến loài súc sanh cũng vậy. Không có gì sanh mà không chết. Đừng kinh ngạc khi biết đức Phật sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn. Dù Phật không còn, hãy thọ trì giới kinh. Phật còn tại thế cũng phải thọ trì giới luật kinh pháp, mong cầu thoát khỏi cuộc đời

không còn trở lại nẻo sanh tử nữa, cũng không còn ưu sầu khổ nữa. Để cho kinh Phật được trường tồn, sau khi Phật diệt độ, các bậc hiền giả trong khắp mọi nơi hãy cùng nhau thọ trì giới, kinh. Người trong thế gian mà tự làm cho tâm mình được ngay thẳng chính đáng thì chư thiên trên trời thấy đều hoan hỷ hỗ trợ, khiến người đó được phước. Đối với kinh của Phật phải đọc phải tụng, phải học, phải thọ trì, phải tư duy, phải khiến cho tâm ý luôn chơn chánh, hãy cùng truyền dạy cho nhau.

“Có bốn việc: đoạn nghiêm thân, đoạn nghiêm tâm, đoạn nghiêm chí, đoạn nghiêm miệng.

“Lại có bốn việc: lúc muốn sân hận thì nhẫn, niệm ác khởi lên thì diệt trừ, có tham dục thì diệt bỏ, phải nên luôn luôn lo nghĩ về sự chết.

“Lại có bốn việc: tâm muốn tà vạy thì đừng nghe theo, tâm muốn dâm dục thì đừng nghe theo, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, tâm muốn sự giàu sang, phú quý cũng đừng nghe theo.

“Lại có bốn việc: tâm phải nên lo nghĩ về sự chết, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, phải kiềm chế tâm; tâm phải tùy thuộc người, người đừng tùy tâm; tâm làm mê hoặc người; tâm giết thân, tâm làm bậc La-hán, tâm lên trời, tâm làm người, tâm làm súc sanh,

trùng kiến chim thú, tâm vào địa ngục, tâm làm ngạ quỷ. Tất cả hình dạng tướng mạo đều do tâm làm ra cả.

“Tâm, thọ và mạng, ba thứ theo nhau. Tâm là vị thầy dẫn đầu. Mạng tùy tâm, thọ tùy mạng. Đó là ba thứ theo nhau. Nay ta làm Phật, được trên trời dưới trời tôn kính, cũng đều do tâm mà ra. Hãy nên nghĩ đến sự thống khổ của sanh tử, lìa bỏ mọi sự ràng buộc của gia đình. Nên nhớ nghĩ đến tám việc để suy tư về kinh Phật:

“Một, hãy lìa bỏ vợ con mà tìm con đường vượt khỏi thế gian; không tranh cãi với người đời; không có tâm tham.

“Không được nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, thêu dệt, ngâm vịnh ca hát.

“Không được sát sanh, trộm cắp tài vật người khác và nhớ nghĩ đến sự dâm dục.

“Không được ôm lòng sân hận, ngu si và tham lam.

“Không được ganh ghét, khinh mạn người khác.

“Không được nghĩ tưởng làm ác, làm cho người khác thêm đau khổ.

“Không nên có thái độ buông lung; không được biếng trễ, nằm dài, nghĩ tới chuyện ăn uống.

“Hãy nên lo lắng, thân sanh rồi sẽ già, bệnh và chết.

“Thọ trì tám việc này, tự đoan nghiêm tâm, không tranh cãi cùng mọi người, được giải thoát khỏi thế gian.

“Này các Tỳ-kheo! Hãy nên suy tư về tám việc này và bốn nguồn gốc thống khổ thì kinh Phật được tồn tại lâu dài.”

Đức Phật từ nước Duy-da-lê, bảo A-nan, hãy đi đến xóm Câu-lân<sup>[105]</sup>. A-nan bạch:

“Dạ vâng!”

Đức Phật từ nước Duy-da-lê ra đi, ngoái nhìn lại thành. A-nan liền đến trước thưa:

“Đức Phật đâu có vô cớ xoay người để nhìn lại thành này?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta không hề vô có xoay người lại để ngắm. Phàm làm Phật thì không vô có quay lại để ngắm.”

A-nan thưa:

“Vậy đức Phật quay nhìn như vậy là ý gì?”

Đức Phật nói:

“Hôm nay tuổi thọ của ta đã dứt, không còn trở lại để vào thành này nữa, cho nên ta quay lại nhìn.”

Có một vị Tỳ-kheo tiến đến trước, gần chỗ Phật hỏi:

“Từ hôm nay Thế Tôn không còn đi vào trong thành này nữa sao?”



Đức Phật nói:

“Ta sắp nhập Niết-bàn, không còn thấy lại nước Duy-da-lê nữa. Ta sẽ đi đến đến quê hương Hoa thị<sup>[106]</sup>.”

Đức Phật đến xóm Câu-lân, trong đó có khu vườn tên là Thi-xá-hoàn<sup>[107]</sup>.  
Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy giữ tâm tinh khiết, an tọa luôn tự tư duy, biết trong cuộc sống người có trí tuệ khiến cho tâm đoạn chánh, do tâm chánh trực mà ba thứ độc là dâm, nộ, si được trừ sạch. Tỳ-kheo ấy tự nói rằng đã đoạn trừ cội gốc của sanh tử, đắc quả A-la-hán, nhất tâm không còn gì để lo lắng, lại không còn lo sợ về sanh tử. Tuy còn khổ<sup>[108]</sup> nhưng vẫn đạt được con đường không sanh tử<sup>[109]</sup>.”

Đức Phật từ xóm Câu-lân bảo tôn giả A-nan đi đến xóm Kiên-lê<sup>[110]</sup>.

Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng đi đến xóm Kiên-lê. Từ xóm Kiên-lê đức Phật bảo A-nan đồng đi đến Kim tự<sup>[111]</sup>, cùng với đông đủ Tỳ-kheo Tăng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm có trí tuệ, tâm tự tư duy, thì người đó có trí biết kinh, đó là gốc của tâm trí tuệ; và tâm dâm, tâm hận, tâm si đều được trừ diệt. Ba tâm đã thanh tịnh, nếu muốn thoát khỏi cuộc đời thì không phải là chuyện khó. Khi đắc quả A-la-hán thì các thứ dâm,

nộ, si đều được tiêu trừ. Nên tự nói: ‘Đã trừ diệt ba thứ này thì không còn tạo pháp sanh tử nữa’.”

Đức Phật từ Kim tự bảo A-nan lại đến xóm Thọ thú<sup>[112]</sup>. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Liên cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Thọ thú. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy để tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ<sup>[113]</sup>. Nếu ai tâm ý được thanh tịnh thì tâm liền ngay thẳng, tâm trí tuệ liền sanh, trí tâm liền hiểu rõ, khai mở, không nghĩ về dâm, không nghĩ đến hận, không còn si mê nữa, tâm đã được khai mở.”

Các Tỳ-kheo tự nói:

“Những điều mong ước của ta đã đạt được, nhưn đó thấy được đạo A-la-hán.”

Đức Phật từ xóm Thọ thủ bảo A-nan đi đến xóm Yêm-mãn<sup>[114]</sup>, A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Tôn giả liền cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Yêm-mãn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng<sup>[115]</sup>:

“Phương pháp của tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí huệ dẫn tới việc dứt hết các thứ dâm, nộ. Đạt được con đường của tâm thanh tịnh, cùng với tâm tư duy, tâm trí huệ liền sanh ra con đường để tâm tư duy<sup>[116]</sup>. Nếu có tâm

thanh tịnh, tâm trí huệ liền khai mở được con đường của tâm trí huệ. Có tâm thanh tịnh, tâm tư duy liền được sáng suốt<sup>[117]</sup>. Người đời dùng vải da để nhuộm màu, nếu vải da sạch sẽ thì màu nhuộm đẹp, đó là do da sạch. Tỳ-kheo có ba tâm: tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí huệ. Tâm thanh tịnh là thi-đại<sup>[118]</sup>, tâm tư duy là tam-ma-đề<sup>[119]</sup>, tâm trí huệ là băng-mạn-nhã<sup>[120]</sup>. Tâm thi-đại là không dâm, không giận dữ, không tham. Tam-ma-đề là tâm được thu nhiếp khiến không còn dong ruổi. Băng-mạn-nhã là tâm không còn ái dục.

“Người thọ trì kinh giới của Phật ví như người có tấm vải da. Tấm vải ấy nếu bị bẩn, muốn nhuộm lấy để có màu

sắc thì màu sắc không được tươi tốt. Tỳ-kheo nếu chẳng an định đối với tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí huệ mà muốn đạt đạo thì thật là khó. Vì tâm của vị ấy không được cởi mở. Tỳ-kheo tâm tự cởi mở, bằng tâm tư của mình vị ấy liền thấy cả việc trên trời, biết rõ ý niệm của tâm người, cũng thấy họ sẽ sanh vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiện, ác. Giống như dưới nước trong có cát, đá màu xanh, vàng, trắng, đen ... tất cả đều hiện rõ do nhờ nước trong. Cầu con đường giải thoát khỏi thế gian, phải để tâm thanh tịnh như vậy. Thí như khe nước đục ngầu thì cát, đá ở dưới không thể thấy được, cũng không thể biết là nước cạn hay sâu. Tâm Tỳ-kheo mà không thanh tịnh

thì không thể đạt được con đường giải thoát, vì tâm của Tỳ-kheo ấy luôn bị ô trược.”

Đức Phật từ xóm Yêm-mãn bảo tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Hỷ dự<sup>[121]</sup>. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Rồi cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hỷ dự. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí huệ thì đối với những điều thầy truyền dạy, đệ tử phải nên học. Nếu không những điều suy nghĩ của thầy không thể đi vào trong tâm của đệ tử, làm cho tâm của đệ tử được đoan nghiêm. Tỳ-kheo hãy tự làm thanh tịnh

lấy mình, tâm đoan nghiêm mới là tâm. Tâm đoan nghiêm thì được giải thoát khỏi thế gian. Hãy tự nói: ‘Ta đã được giải thoát khỏi thế gian, đoạn trừ cội gốc của sanh tử’.”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Hãy đi đến xóm Hoa thị<sup>[122]</sup>.”

A-nan thưa: “Dạ vâng!” Liên cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hoa thị. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tâm có ba thứ cấu uế, đó là cấu uế về tham dâm, cấu uế về giận dữ và cấu uế về si mê. Giữ tâm thanh tịnh thì trừ được cấu uế về tham dâm, giữ tâm tư duy thì trừ được cấu uế về giận dữ, giữ tâm trí tuệ thì trừ được cấu uế về si mê. Bấy giờ Tỳ-kheo tự tuyên bố: Đã thoát



khỏi thế gian, đoạn trừ được cội gốc của bao thứ khổ não nơi sanh tử.”

Đức Phật lại từ xóm Hoa thị bảo A-nan cùng đi đến thành Phu diên<sup>[123]</sup>.

A Nan thưa: “Dạ vâng!” Rồi cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến phía Bắc thành Phù-diên, ngồi dưới một gốc cây. A-nan ngồi kế bên gốc cây, dốc tư duy quán tưởng nội tâm, thì đại địa rung động mạnh. A-nan liền đứng dậy đi đến chỗ đức Phật, thưa:

“Đại địa vì sao lại chấn động mạnh?”

Đức Phật đáp:

“Đại địa chấn động có bốn nguyên nhân:

“Đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió động làm nước chuyển động, nước chuyển động làm cho đất chấn động. Nhân đó đại địa rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Nếu có bậc A-la-hán muốn tự thử đạo lực của mình, dùng hai ngón tay ấn xuống mặt đất, khiến đại địa rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Ở trong khoảng không có một vị trời với oai thần lớn lao muốn khiến cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Đức Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn, đại địa lại chấn động mạnh.

Đó là bốn nguyên nhân làm đại địa rung động<sup>[124]</sup>.

A-nan thưa:

“Do oai thần của Phật, đức Phật nhập Niết-bàn nên đại địa mới chấn động mạnh như vậy?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Oai thần của Phật vồ vọi, rất tôn quý, hóa độ soi sáng cho vô lượng chúng sanh. Vậy người có muốn biết oai thần của Phật chăng?”

A-nan thưa:

“Con mong muốn được nghe biết điều ấy.”

Đức Phật nói:

“Ta đi khắp mọi nơi chốn. Dân chúng trong quận huyện mà Ta đến, ai biết thì đi đến chỗ đức Phật. Thân Phật tự biến hóa theo ngôn ngữ, y phục của dân nước ấy. Ta xem thấy dân chúng ở nước ấy thực hành những pháp gì, biết những kinh, giới gì; Phật liền thuyết giảng kinh giới để đem lại lợi ích cho họ. Nhưng những dân chúng ấy đều chẳng biết Ta là ai, cũng chẳng biết Ta từ trên trời hay dưới đất đến. Dân chúng đều hết sức cung kính Ta.

“Ta lại biến hóa đến chỗ các quốc vương, quốc vương hỏi Ta: ‘Khanh là ai?’ Ta đáp: ‘Tôi là đạo nhân ở trong nước này.’ Quốc vương lại hỏi: ‘Ngài nói kinh gì?’ Ta nói: ‘Ngài muốn hỏi kinh gì, xin cứ hỏi, tôi đều trả lời tất

cả.’ Quốc vương rất hoan hỷ. Ta vì nhà vua thuyết giảng rộng khắp xong, Ta liền biến mất, không thấy. Quốc vương sau đó đều chẳng biết Ta là ai.

“Ta đến các nước Thệ tâm<sup>[125]</sup>, Ta cũng biến hóa thành người Thệ tâm với y phục, ngôn ngữ của như họ. Ta hỏi: ‘Các người nói những giới kinh gì?’ Ta biết tâm của các hội, biết tiếng nói của họ, Ta đem kinh và giới ra giáo hóa họ rồi biến mất. Những người ấy sau đó suy nghĩ về lời nói và hình tướng của Ta, họ hỏi: ‘Đó là người gì? Là trời, là quỷ hay là thần?’ Họ đều chẳng biết Ta là ai. Ta cũng không nói với họ Ta là Phật.

“Ta đã du hành khắp thiên hạ, truyền trao kinh, đạo mọi nơi rồi lên cõi trời thứ nhất chỗ ở của Tứ Thiên Vương, Ta cũng mặc y phục như trời và nói tiếng của trời. Ta hỏi trời: ‘Ngài thọ trì kinh gì?’ Trời thưa: ‘Tôi chẳng biết kinh.’ Ta liền thuyết giảng kinh cho họ nghe xong rồi biến mất, trời cũng chẳng biết Ta là ai.

“Ta lại lên cõi trời thứ hai là Đao-lợi thiên, hóa ra như y phục và tiếng nói của cõi trời Đao-lợi. Ta hỏi trời Đao-lợi: ‘Ngài đã nói những kinh gì?’ Trời Đao Lợi thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta liền thuyết giảng kinh cho họ nghe xong rồi biến mất. Trời cũng chẳng biết Ta là ai.

“Ta lại lên cõi trời thứ ba là Diêm<sup>[126]</sup>, hóa ra y phục và tiếng nói của cõi trời Diêm. Ta hỏi trời Diêm: ‘Ngài thọ trì kinh gì?’ Trời thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta thuyết giảng kinh cho họ nghe.

“Ta lại lên cõi trời thứ tư là Đâu-thuật<sup>[127]</sup>, hóa ra y phục và tiếng nói của trời ấy. Ta hỏi: ‘Ngài thọ trì những kinh gì?’ Vị trời ấy thưa: Ngài Di-lặc nói kinh cho tôi nghe.’ Ta cũng lại nói kinh cho họ nghe.

“Ta lên cõi trời thứ năm là Bất kiêu lạc<sup>[128]</sup>, cũng mặc y phục và nói tiếng của cõi trời ấy. Ta hỏi trời ấy: ‘Ngài có biết kinh không?’ Vị trời ấy thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta liền giảng nói

kinh cho vị ấy nghe rồi biến mất, vị trời ấy cũng chẳng biết Ta là ai.

“Ta lại lên cõi trời thứ sáu là Ứng hóa thanh<sup>[129]</sup>, cũng mặc y phục và nói tiếng của cõi trời ấy. Ta hỏi trời: ‘Ngài thọ trì những kinh gì?’ Trời thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta bèn giảng nói kinh cho họ nghe rồi lại biến mất. Sau đó, những vị ở cõi trời thứ sáu đều chẳng biết Ta là ai và Ta cũng không nói với họ Ta là Phật.

“Ta lại lên các cõi Phạm thiên, Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại Phạm thiên, Thủy hành thiên, Thủy vi thiên, Vô lượng thủy thiên, Thủy âm thiên, Ước tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Tịnh minh thiên, Thủ diệu thiên, Cận tế



thiên, Khoái kiến thiên, Vô kết ái thiên<sup>[130]</sup>. Các vị trời ấy đều đến gặp Ta. Ta hỏi: ‘Các vị có ai biết kinh không?’ Trong số đó có người biết kinh, có người không biết kinh. Ta đều thuyết giảng về con đường sanh tử cho họ nghe, lại thuyết giảng về con đường đoạn trừ cội gốc của sanh tử. Ai thích nghe kinh, Ta đều giảng nói cho họ nghe. Ta cũng mặc y phục và nói tiếng giống như các cõi trời ấy.

“Ngoài ra còn có bốn cõi trời không thể dùng ngôn ngữ<sup>[131]</sup>. Ta muốn lên các cõi ấy nhưng họ không thể trả lời những điều ta hỏi; đó là cõi trời thứ hai mươi lăm là Không huệ thiên, cõi trời thứ hai mươi sáu là Thức huệ nhập, cõi trời thứ hai mươi bảy là Vô sở niệm

huệ nhập và cõi trời thứ hai mươi tám là Bất tướng nhập.<sup>[132]</sup>”

Đức Phật dạy:

“Chẳng có nơi nào mà ta không thấy biết, nhưng chỉ có Niết-bàn là an lạc tốt bậc.”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Oai thần của Phật không chỉ làm cho đại địa chấn động, mà còn khiến cho cả hai mươi tám tầng trời<sup>[133]</sup> kia cũng rung động mạnh. Đức Phật nhờ chánh tâm mà được như vậy.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Sau khi Ta nhập Niết-bàn rồi, những kinh giới pháp, sư pháp, mà A-nan đã nghe từ miệng Phật, A-nan nên nói

rằng: ‘Tôi nghe pháp này từ miệng của đức Phật<sup>[134]</sup>’. Hãy nói lại cho các Tỳ-kheo Tăng đời sau như vậy. Này A-nan, không được cất giấu kinh Phật, phải dốc sức nêu bày phổ biến, trong kinh không có gì phải nghi ngờ. Sau khi ta nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo hãy nên cùng nhau giữ gìn chánh pháp. Nếu có những Tỳ-kheo khác, dỗi muốn làm pháp sư. Trong kinh những kẻ đó không có giới cấm, nên bỏ chẳng nên giữ, vì nó hủy hoại Phật pháp. Hoặc có các Tỳ-kheo khác tùy tiện thêm bớt kinh giới của Phật. A-nan người nên nói như vậy: ‘Tôi từng theo Phật nhưng không nghe đức Phật giảng nói kinh pháp này. Tại sao lại tùy tiện thêm bớt kinh pháp của Phật?’ Nếu có Tỳ-kheo

không hiểu kinh Phật thì nên hỏi Tỳ-kheo tôn lão là A-nan. Vì đã nhận biết đầy đủ về kinh giới của Phật, đã nghe chính từ miệng đức Phật nói ra và nói cho các Tỳ-kheo Tăng nghe, chớ có thêm bớt. Nếu ai muốn thêm bớt kinh giới thì người hãy sửa lại cho đúng; điều là phi pháp thì hãy bỏ đi chớ dùng.

“Này A-nan, nếu có người nói: ‘đức Phật không nói lời này, thì hãy nói với kẻ ấy: ‘Tại sao ông muốn hủy hoại giới kinh của Phật?’. Hoặc có các Tỳ-kheo ngu si không hiểu giới kinh thì nên hỏi các Tỳ-kheo tôn lão, Tỳ-kheo không được tức giận. Nếu có Tỳ-kheo không hiểu kinh ấy, trong số đó có Tỳ-kheo biết kinh giới, biết những điều Phật dạy

thì hãy nên tới đó mà học hỏi. Nếu có Tỳ-kheo nghi ngờ đối với kinh giới đến hỏi Tỳ-kheo Tăng, thì nên nói với vị ấy: ‘ Ông theo thầy nào mà nghe như vậy?’. Vị ấy tự nói tên của thầy mình. Tỳ-kheo nói giới kinh không được nghi: ‘Đó không phải do Phật chỉ dạy ngăn cấm.’ Tỳ-kheo Tăng đều có mặt trong lúc kiết tập kinh. Những kinh nào ở trong cuộc kiết tập thì dùng, còn những gì ở ngoài sự kiết tập thì bỏ đi đừng dùng. Ai không hiểu kinh giới, nên hỏi nơi nào có Trưởng lão Tỳ-kheo thông suốt về kinh giới, sẽ đến đó để hỏi nghĩa kinh. Khi hỏi kinh không được nói đúng, sai. Nếu ai có nghi ngờ, A-nan hãy giải thích: ‘Chính tôi được nghe đức Phật dạy.’ Kinh không thuộc

trong cuộc kiết tập, các Trưởng lão Tỳ-kheo đã không nói thì bỏ đi chớ dùng. Các Tỳ-kheo nên nói cho đúng giới kinh. Các Tỳ-kheo sau khi đã nói giới kinh nên cùng nhau thọ trì. Nếu có Tỳ-kheo nghi, nói rằng: ‘Đó chẳng phải là kinh Phật chơn thật,’ và người ấy không thích kinh thì các Tỳ-kheo nên trục xuất kẻ ấy ra ngoài. Khắp thiên hạ, từ trong lúa sanh ra cỏ, cỏ là thứ hủy hoại, lúa là chơn thật, người ta phải nhổ sạch cỏ đi thì lúa mới chắc hạt. Tỳ-kheo xấu ác không thích kinh, không giữ giới, làm hư hoại các Tỳ-kheo tốt, thì chư Tỳ-kheo nên nhóm họp lại để trục xuất kẻ ấy ra. Trường hợp có những vị Tỳ-kheo hiền thiện, thông

hiếu kinh giới, thì các Tỳ-kheo nên đi đến chỗ Tỳ-kheo ấy để học hỏi, tu tập.”

Đức Phật nói:

“Các Tỳ-kheo đã thọ trì, đã biết, đã học, khi truyền trao giới kinh cho Tỳ-kheo nên nói: ‘Lúc đức Phật còn tại thế, đối với chôn kia, làng xóm kia, huyện kia, nước kia, bấy giờ có Tỳ-kheo kia cùng đi theo, Ngài đã giảng nói kinh giới này, vậy thọ trì kinh giới này không được lớn tiếng giận dữ cho rằng, không phải do Phật nói.’ Những điều được nói ra nên dạy dỗ lẫn nhau, tôn trọng và cúng dường nhau, kẻ lớn người nhỏ hãy cùng nhau kiểm chế, không để Phật Bát-nê-hoàn rồi mà không tôn kính cúng dường nhau. Nếu

cùng tôn kính cúng dường nhau thì chư thiên và dân chúng hỗ trợ, hoan hỷ, tất cả đều được phước, có thể làm cho kinh Phật được trụ thế lâu dài. Sau khi ta nhập Niết-bàn A-nan nên nói: ‘Ở chỗ kia có Tỳ-kheo thông hiểu kinh, trì giới. Tỳ-kheo mới tu học này nên đến chỗ vị Tỳ-kheo Trưởng lão hiểu kinh kia để theo vị ấy thọ học kinh giới.’ Các Tỳ-kheo mới tu học đến nghe kinh giới, không được nói rằng: ‘Đây không phải là vị trì kinh giới của Phật;’ mà hãy tôn kính cúng dường nhau. Nếu các Tỳ-kheo hòa hợp cùng nhau giữ đúng giới pháp thì bên ngoài có các hàng thanh tín sĩ, các hàng thanh tín nữ nghe các vị Tỳ-kheo Tăng hòa hợp giữ giới của Phật thì đều vui mừng lo cúng



đường đồ ăn, y phục và thuốc men trị bệnh cho các Tỳ-kheo Tăng. Như vậy là kinh Phật có thể được trụ thế lâu dài. Tỳ-kheo Tăng nên hòa hợp, tôn kính và thừa sự nhau, trên dưới cùng nhau theo đúng giới pháp. Khắp nơi trong cõi người, các nẻo địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ, do vì bất hòa cho nên rơi vào ba đường ác. Các Tỳ-kheo thọ trì kinh giới nên hòa hợp, không được cùng nhau tranh chấp, cười nói cho rằng: ‘Ta nhiều trí, ông ít trí.’ Dù trí nhiều, trí ít, tất cả đều phải tu hành. Nếu Tỳ-kheo hòa hợp dốc thọ trì kinh Phật, khiến cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, làm cho người trong thiên hạ được phước, chư thiên nơi các cõi trời đều hoan hỷ. Không nên ở trong kinh giới

mà lìa bỏ lời Phật dạy. Đối với lời Phật dạy, Tỳ-kheo đã thọ trì thì nên phụng hành.”

Đức Phật bảo A-nan nên trở lại nước Ba-tuần<sup>[135]</sup>. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng từ nước Phù-diên đi đến nước Ba-tuần, dừng chân trong vườn Thiên-đầu<sup>[136]</sup>. Dân chúng của nước Ba-tuần gọi là Chư Hoa<sup>[137]</sup>. Dân chúng Chư Hoa nghe Phật đi tới đây, dừng chân trong vườn Thiên-đầu, họ đều đến phía trước đánh lễ Phật, rồi tất cả đều ngồi xuống. Đức Phật thuyết giảng kinh cho họ nghe. Bấy giờ có một người tên là Thuần<sup>[138]</sup>. Cha của Thuần tên là Hoa

Thị<sup>[139]</sup>. Con của Hoa Thị lúc này vẫn còn ngồi lại, trong khi mọi người đã đi hết. Một mình Thuần ở lại trong giây lát thì đứng dậy, đi nhiễu quanh đức Phật ba lần, chấp tay thưa:

“Sáng mai mong Ngài cùng các Tỳ-kheo Tăng đến nhà con để thọ trai.”

Đức Phật yên lặng không trả lời. Thuần liền đến trước đức Phật đánh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở về nhà, trái tòa, thắp đèn để mời Phật và chư Tỳ-kheo.

Sáng mai, Thuần đi đến bạch với đức Phật là đã chuẩn bị xong xuôi. Đức Phật đứng dậy ôm bát cùng với đông đủ các Tỳ-kheo đi đến nhà Thuần để thọ trai. Trong số các Tỳ-kheo đi theo,

có một Tỳ-kheo có ý xấu, lấy nước uống trong bình bát đổ đi. Đức Phật liền biết và Thuần cũng thấy như vậy. Đức Phật ăn xong, Thuần lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước đức Phật và bạch Phật:

“Con muốn hỏi một việc là khắp trên trời dưới trời, không ai có trí tuệ hơn Phật, vậy trong thiên hạ có mấy hạng Tỳ-kheo?”

Đức Phật dạy:

“Có bốn hạng Tỳ-kheo: Một, hành đạo thù thắng. Hai, hiểu đạo, có thể giảng nói được. Ba, nương nơi đạo để sống. Bốn, làm ô uế đạo.

“Sao gọi là Tỳ-kheo hành đạo thù thắng? Đó là ý về đạo nghĩa của vị ấy

thuyết giảng không thể nào kể xiết. Vị ấy thực hành đạo lớn, tối thắng không thể so sánh, đã hàng phục được tâm lo sợ, chế ngự các pháp, dẫn dắt thế gian. Đó là hạng Sa-môn hành đạo thù thắng.

“Sao gọi là hạng Sa-môn hiểu đạo, có thể giảng nói được? Đó là vị ấy nêu bày được điều cao quý thứ nhất của đức Phật, lại còn phụng hành không có nghi ngờ, lại cũng có thể diễn nói đạo pháp cho người khác nghe. Hạng Sa-môn như vậy gọi là hiểu đạo có thể giảng nói được.

“Sao gọi là hạng nương nơi đạo để sinh sống? Đó là hạng luôn nhớ đến việc tự giữ gìn cho riêng mình, siêng năng học tập một mạch không lùi,

chăm chăm không mỏi, nhưng bị người, pháp tự che lấp. Đó là hạng Sa-môn nương nơi đạo để sinh sống.

“Sao gọi là hạng làm ô uế đạo? Đó là hạng chỉ làm những điều mình ưa thích, y lại vào tộc họ của mình, chuyên tạo hành vi ô trược làm khiến người khác bàn tán, chẳng nhớ lời Phật dạy, cũng không sợ tội lỗi. Hạng Sa-môn như vậy là làm ô uế đạo. Kẻ phàm nhân nghe hạng người này cho là hàng đệ tử có trí huệ thanh tịnh.

“Vậy Sa-môn có người thiện, có người ác, không phải là cùng một hạng giống nhau. Người bất thiện thì bị người thiện chê bai. Thí như trong lúa có cỏ. Cỏ là xấu, lúa là tốt. Những nhà

trong thế gian có con xấu ác, một đứa con làm ảnh hưởng cả gia đình. Một Tỳ-kheo xấu ác làm bại hoại các Tỳ-kheo khác, khiến nhiều người cho các Tỳ-kheo đều là xấu ác.”

Đức Phật dạy:

“Con người không nên cho nhan sắc, y phục là đẹp. Ý đoan nghiêm, thanh tịnh mới là đẹp. Con người không nên để cho hình tướng lừa dối.”

Đức Phật dạy Thuần:

“Nếu ai cúng cơm cho Phật và chư Tỳ-kheo Tăng, lúc chết được sanh lên cõi trời. Người hiểu biết kinh thì trừ bỏ tâm dâm, tâm nóng giận và tâm si mê. Không nên vì một người mà chê trách tất cả mọi người.

## QUYỂN HẠ<sup>[140]</sup>

Đức Phật ra khỏi nhà ông Thuần, bảo tôn giả A-nan đến nước Cưu-di-na-kiệt<sup>[141]</sup>. Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Tôn giả liền cùng các Tỳ-kheo Tăng từ nước Hoa thị đi tới nước Cưu-di-na-kiệt. Đức Phật bảo:

“Ta đang bệnh; cần phải ngồi nghỉ.”

Ngài gọi A-nan. A-nan thưa: “Dạ vâng.”

Đức Phật nói:



“Gần chỗ này có một con suối tên là Cưu-đôi<sup>[142]</sup>. Hãy cầm bát đến đó múc đầy bát nước lại đây. Ta muốn uống nước và rửa mặt.”

Tôn giả A-nan liền đến bên suối. Khi ấy có năm trăm cỗ xe đi qua trên dòng nước làm nước rất đục. A-nan liền múc nước đục đem đến, bạch đức Phật:

“Trên dòng nước có đến năm trăm cỗ xe đi qua làm cho nước rất đục. Nước này chỉ có thể rửa mặt, rửa chân chứ không thể uống. Ở vùng ấy lại có một con suối tên là Hê-liên<sup>[143]</sup>, nước rất trong, từ đây đến đó cũng không xa, con có thể tới suối kia lấy nước cho Thế Tôn uống.”

Đức Phật liền dùng nước đục để rửa mặt, rửa chân. Bệnh của Ngài có phần thuyên giảm. Bấy giờ có vị đại thần tên là Bào-mân<sup>[144]</sup>, người nước Hoa thị, cùng đi trên đường, từ xa trông thấy oai thần của đức Phật, dung mạo đoan nghiêm, đang ngồi một cách an tịnh. Đại thần Bào-mân liền đến trước đức Phật đánh lễ rồi ngồi xuống. Đức Phật giảng nói kinh cho ông nghe và ông rơi lệ khóc lóc. Đức Phật dạy:

“Có Tỳ-kheo nào đã từng nói kinh cho ông nghe chưa. Vì sao nghe kinh mà ông lại khóc?”

Bào-mân thưa:

“Có một người tên là La-ca-diêm<sup>[145]</sup> tụng kinh cho con nghe, khi ấy nước mắt con tuôn trào.”

Đức Phật hỏi:

“Ông ta tụng kinh gì?”

Bào mân thưa:

“La-ca-diêm ngồi bên gốc cây, tự suy tư về thân thể. Lúc ấy có năm trăm cỗ xe đi qua. Không lâu sau đó có một người đến hỏi: ‘Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua, tôn giả không nghe tiếng động sao?’. Đáp: ‘Ta không nghe.’ Người ấy nói: ‘Gần ngay nơi đây, tiếng xe ầm ầm như vậy, sao lại không nghe?’ Đáp: ‘Không nghe.’ Người ấy nói: ‘ Khi đó Tỳ-kheo ngủ à?’ Đáp: ‘Không ngủ.’ Người ấy nói:

‘Vậy sao lại không nghe tiếng xe chạy?’ Đáp rằng: ‘Ta đang nghĩ đến đạo, tự tư duy về năm tạng trong thân thể mình.’ Kẻ ấy nói: ‘Xe chạy qua như vậy mà lại không nghe tiếng xe!’”

Bào-mân thưa:

“Con đi nửa đường thì gặp một người đã thuyết pháp cho con nghe. Đó là Tỳ-kheo La-ca-diêm, người giữ đạo thâm diệu, không nghe tiếng ầm ầm của năm trăm cỗ xe chạy qua. Do đây con cảm phục nên khóc.”

Đức Phật nói với Bào-mân:

“Tiếng của năm trăm cỗ xe chạy so với tiếng sấm sét, tiếng nào lớn hơn?”

Bào-mân thưa:

“Cho dù có ngàn cỗ xe chạy, tiếng động vẫn không bằng tiếng sấm sét.”

Đức Phật bảo Bào-mân:

“Ngày trước ta ở tại xóm Ưu-đàm<sup>[146]</sup>, ngồi tư duy về nguồn gốc sanh tử của muôn loài. Bấy giờ trời đang mưa ào ào, sấm sét vang rền dữ dội, làm chết bốn con trâu và hai anh em người đi cày. Khi ấy nhiều người xúm lại để xem. Có một người đi đến chỗ ta, tới phía trước đánh lễ. Ta hỏi: ‘Người ta làm gì mà tụ tập đông quá vậy?’ Người ấy thưa: ‘Vừa rồi sấm sét đã giết chết bốn con trâu và anh em người đi cày, tại sao Phật không nghe; hay là lúc ấy Phật đang ngủ chăng?’ Đức Phật trả lời: ‘Ta không ngủ. Ta

đang ngồi tư duy về đạo.’ Người ấy nói: ‘Đạo của Phật sâu xa như vậy, tuy Ngài không ngủ mà vẫn không nghe tiếng sấm sét vang rền dữ dội, là do Ngài đang suy tư về đạo một cách sâu xa.’ Người đó cũng rơi lệ.”

Đại thần Bào-mân thưa:

“Đạo của Phật sâu xa như vậy, từ nay về sau con xin thọ trì kinh giới của Phật.”

Bào-mân liền gọi kẻ tùy tùng tới, bảo trở về lấy tấm vải dạ dệt bằng kim tuyến<sup>[147]</sup> đem đến để ông dâng cúng đức Phật. Kẻ tùy tùng liền trở về nhà đem tấm dạ dệt bằng kim tuyến đến. Bào-mân dâng lên Phật, thưa:

“Mặc dù con biết đức Phật không dùng thứ này nhưng mong Ngài thương xót mà nhận cho con.”

Đức Phật liền thọ nhận. Bào-mân đánh lễ Phật rồi đi. Ông đi chưa bao lâu, đức Phật bảo A-nan:

“Hãy mang tấm da dết bằng kim tuyến, có màu vàng lại đây.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Con đã theo hầu Phật trên hai mươi năm chưa hề thấy tấm da nào đẹp như vậy.”

Đức Phật nói:

“Còn có cái hết sức đẹp.”

A-nan thưa:

“Sắc mặt của đức Phật ngày hôm nay đẹp như sắc tắm dạ vậy.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đức Phật có hai lần đạt được sắc diện đẹp như vậy. Đó là lúc đức Phật mới thành đạo, sắc diện đẹp như thế. Ngày hôm nay vào lúc nửa đêm ta sẽ nhập Niết-bàn nên sắc diện cũng lại đẹp như vậy.”

Đức Phật lại bảo A-nan:

“Hãy đi đến bên dòng suối Hê-liên, ta muốn tắm rửa thân thể.”

A-nan thưa:

“Dạ vâng.”



Đức Phật cùng A-nan đi đến bên dòng suối Hê-liên. Đức Phật cởi y, tự mình lấy nước để tắm rửa<sup>[148]</sup>. Đức Phật bảo A-nan:

“Sáng nay Ta thọ trai nơi nhà con ông Hoa thị tên là Thuần, rồi vào lúc nửa đêm ta sẽ nhập Niết-bàn. Hãy nói cho ông Thuần biết: đức Phật đã thọ trai nơi nhà ông, vào nửa đêm hôm nay Ngài sẽ nhập Niết-bàn. Vậy ông nên hoan hỷ. Hãy bảo ông Thuần đừng khóc lóc. Nếu ai cúng cơm cho đức Phật một lần sẽ được năm thứ phước. Đó là bữa ăn cuối cùng trước khi Phật Bát-nê-hoàn. Vậy ông Thuần sẽ được trường thọ, được đoan chánh, được phú quý, được tôn trọng, được sanh lên cõi trời. Đức Phật là bậc đáng tôn kính, ai

cúng dường cơm nước cho Ngài một lần là được năm thứ phước trên.”

A-nan bạch Phật:

“Có một Tỳ-kheo tên là Chiên-đàn<sup>[149]</sup>, tánh tình nóng nảy, ưa chửi mắng, thường tranh cãi với các Tỳ-kheo. Sau khi Phật Bát-nê-hoàn, con gặp các Tỳ-kheo như vậy làm sao để cùng nhau phụng sự kinh giới của Phật?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Sau khi Ta nhập Niết-bàn rồi, nếu gặp loại Tỳ-kheo như vậy thì hãy đừng quan hệ, các Tỳ-kheo hãy đừng nói với kẻ ấy. Như vậy Tỳ-kheo Chiên-đàn sẽ phải suy nghĩ, ôm lòng xấu hổ, hối hận vì thường tranh cãi với các Tỳ-kheo.”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Hãy trải giường cho ta, đầu quay về hướng Bắc. Lưng ta đau nhức, ta muốn nằm.”

A-nan liền trải giường, đặt gối. Đức Phật nằm nghỉ, nghiêng hông về phía bên phải, hai chân chồng lên nhau. Ngài nằm suy tư về đạo vô vi. Đức Phật đang nằm, bảo A-nan:

“Người có biết bảy sự về ý<sup>[150]</sup> không? Những gì là bảy? Một, có chí. Hai, hiểu rõ kinh. Ba, siêng tụng kinh. Bốn, không ham nằm, ưa thích kinh. Năm, chánh tâm. Sáu, tịnh tâm. Bảy, thấy trong thân toàn là đồ dơ bẩn. Tỷ-kheo có được bảy pháp này thì tự biết là mình đã giải thoát khỏi cuộc đời.”

A-nan có ý nghĩ là Phật đang mệt mỏi. Đức Phật bảo A-nan:

“Người nghĩ rằng Phật biếng nhác chẳng?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Người mà không biếng nhác đối với kinh, không biếng nhác ngồi dậy; người ấy muốn làm Phật thì có thể<sup>[151]</sup>.”

Nói xong, Phật ngồi dậy.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo tên Kiếp-tân<sup>[152]</sup>, đến nói với A-nan:

“Tôi muốn hỏi một việc.”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thánh thể của Phật không điều hòa, vậy nên thôi đi.”

Đức Phật từ bên trong biết có Tỳ-kheo muốn hỏi chuyện, Ngài bảo A-nan:

“Hãy bảo Tỳ-kheo ấy vào gặp ta.”

Đức Phật dạy:

“Người muốn hỏi gì cứ hỏi.”

Tỳ-kheo thưa:

“Ngài đang bị bệnh, xin đừng thuyết giảng kinh nữa. Phật đã nói về bảy sự. Chúng con nghe và sẽ thực hành theo. Phật không cần thuyết kinh nữa.”

“Vừa rồi ta mới nằm, A-nan nghĩ rằng đức Phật có ý mệt mỏi, sao lại

nằm. Do đó ta ngồi dậy nói về bảy việc.”

Tỳ-kheo thưa:

“Đức Phật là bậc tôn quý của trời và người, tại sao Ngài không lên trời lấy thuốc để trị cho hết bệnh?”

Đức Phật dạy:

“Như ngôi nhà cũ, thời gian lâu đều bị hư nát, nhưng đại địa thì sẽ tiếp tục an ổn. Tâm của Phật thì an ổn như đại địa, còn thân của Phật thì như ngôi nhà cũ. Tâm ta không bệnh, chỉ có thân ta mới có bệnh thôi.”

Đức Phật dạy:

“Hãy lo về bảy sự, lo cho thân mà giữ giới.”

Tỳ-kheo thưa:

“Nay Phật sắp nhập Niết-bàn vì thân có bệnh, huống chi là người phạm phu có xác thịt!”

Tỳ-kheo thưa:

“Loài chim yến sanh con, nhờ cha mẹ dứt mối mà được sống. Nay đức Phật bỏ chúng con mà nhập Niết-bàn, vậy chúng con biết nương cậy vào ai.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Ta đã từng nói rằng: Có sanh thì có tử. Tỳ-kheo nên nhớ việc thọ trì trọng giới của đức Phật.”

Tỳ-kheo ấy lui ra. Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Hãy đi nhanh đến rừng Diêm-kha-sa<sup>[153]</sup> trải giường, đầu quay về hướng Bắc, vào lúc nửa đêm hôm nay Ta sẽ nhập Niết-bàn.”

A-nan vâng lời đi đến đó, đặt giường ở trong rừng, đầu quay về hướng Bắc xong, trở về thừa:

“Con đã trải giường xong.”

Đức Phật đứng dậy đi đến Diêm-kha-sa, nằm lên giường, hông nghiêng về phía hữu. Có một Tỳ-kheo tên là Ưu-hòa-hoàn<sup>[154]</sup>, đến đứng ở trước đức Phật. Đức Phật bảo:

“Không nên đứng phía trước Ta!”

A-nan bạch Phật:



“Từ khi con đích thân làm thị giả đến nay là hai mươi lăm năm, con chưa từng thấy có Tỳ-kheo nào đi thẳng đến trước Phật mà không hỏi ý con.”

Đức Phật bảo:

“Tỳ-kheo này có oai thần lớn hơn cả chư thiên, nghe Phật diệt độ cho nên mới nóng lòng tự mình đến thẳng phía trước, muốn gặp Phật<sup>[155]</sup>.”

A-nan hỏi:

“Chỉ có vị thiên này biết Phật sắp diệt độ hay lại có các vị thiên khác cùng biết?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Từ cảnh giới nước Cưu-di-na-kiệt, trong khoảng bốn trăm tám mươi dặm,

đầu này nối tiếp đầu kia, không có một kẽ hở, đều là chư thiên; nghe Phật sắp Niết-bàn, họ đều thương tiếc, khóc lóc mà đi đến đây. Trong đó có vị cào đầu, bứt tóc, xé áo, tim muốn ngừng đập, ngất xỉu, than rằng: ‘Sao mà buồn quá! Đức Phật đã bỏ chúng ta. Ngài đã diệt độ vĩnh viễn! Sao mà nhanh thế! Phật là bậc sáng suốt tốt bậc, là con mắt của ba cõi, nay Ngài đã nhập Niết-bàn, ba cõi thành tối tăm’.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta đã từng nói rằng: ‘Trong trời đất này chẳng có cái gì mà chẳng bị hủy hoại; có sanh thì có tử. Kẻ ngu si thì cho rằng trời đất này là thường còn, Phật thì cho đó là hư không. Đất trời có

thành thì có hoại, thân này rồi cũng phải bỏ đi. Chỉ có thiện hay ác đi theo thân. Cha có điều xấu ác, con không bị tai ương. Con có điều xấu ác, cha cũng không bị tai ương. Mỗi người phải tự nhận lấy sự sống chết, thiện hay ác, tai ương hay lỗi lầm, tất cả đều tùy thuộc vào mình.”

A-nan bạch Phật:

“Sau khi Phật diệt độ, cách thức an táng thân thể của Phật phải làm như thế nào?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Người hãy im lặng, đừng lo. Sẽ có các Thệ tâm, Lý gia cùng nhau lo việc đó<sup>[156]</sup>.”

A-nan thưa:

“Họ theo phương thức gì để an táng tôn thể của đức Phật?”

Đức Phật bảo A Nan:

“Phương thức an táng cũng như phương thức an táng của Hoàng đế Phi hành<sup>[157]</sup>. Đức Phật còn hơn thế nữa.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Phương thức an táng ấy như thế nào?”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Lấy dạ trắng mới quấn quanh thân, tiếp đến lấy mười tấm vải kiếp-ba quấn lên trên dạ trắng, rồi đặt vào trong kim quan bằng bạc, dùng nước hoa rưới lên

vải kiếp-ba; lại dùng tất cả loại hương tốt để lên trên, lấy củi cây tử, cây chương, cây chiên-đàn chất chung quanh kim quan. Dùng lọng che lên kim quan, lấy củi chất trên dưới rồi trà-tỳ. Tra-tỳ xong thì thu lấy xá-lợi, dựng tháp, treo phan, tại ngã tư đường, đặt cái mâm lên trên; trống nhạc, hoa hương, đốt đèn cúng dường. Phương thức an táng của Phi hành hoàng đế là như vậy. Cách thức an táng đức Phật còn hơn thế nữa.”

Khi đức Phật nói như vậy, A-nan đứng ở phía sau Ngài tiếc thương khóc lóc, đặt đầu trên góc giường, thưa:

“Ngài diệt độ sao mà nhanh quá! Đất trời trở nên tối tăm.”

Khắp bốn phương, các Tỳ-kheo Tăng nghe đức Phật sắp diệt độ đều khóc lóc trở về. Họ nói với nhau: ‘Sợ không còn thấy được Phật.’ Có Tỳ-kheo tăng bước đến, đức Phật hỏi:

“Tỳ-kheo A-nan ở đâu?”

Thưa:

“Tôn giả A-nan ở gần sau góc giường, đang cúi đầu khóc nghẹn ngào.”

Các Tỳ-kheo chảy nước mắt thưa:

“Đức Thế Tôn diệt độ sao mà nhanh quá!”

Đức Phật dạy:

“Lúc đi qua các thôn xóm, ta đã có cho biết trước rằng: ‘Khoảng chín mươi ngày trở lại ta sẽ nhập Niết-bàn. Lúc này, bốn chúng đệ tử ở xa vài ngàn dặm, tất cả đều trở về’.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Chớ có buồn rầu. Sở dĩ như vậy, vì người đã hết lòng hầu Phật trên hai mươi năm; có tâm từ đối với Phật; thân thì cung kính, miệng thì thận trọng; có lòng đại hiếu đối với Phật. Thị giả của Phật thời quá khứ cũng như A-nan, thị giả của Phật thời vị lai cũng như A-nan. Người biết ý Phật; biết lúc nào nên cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào gặp Phật, lúc nào thì không nên cho. Trong công việc hầu hạ

chuyện ăn uống, lúc nào nên ăn, nên uống, khi nằm, khi đứng, luôn hợp với ý của Phật, chưa từng mất oai nghi. Tỳ-kheo hay hàng Thệ tâm nào thích nghe kinh hay không thích, A-nan nói ra đều chân thật. A-nan đã hết lòng hiếu thuận đối với Phật, vậy thì khóc lóc làm gì?”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe bậc Phi hành hoàng đế có bốn đức khó làm. Những gì là bốn đức?”

“Các Tiểu quốc vương và các Thệ tâm, Lý gia cùng các dân chúng, đến dưới cửa vua. Phi hành hoàng đế đều gặp họ, bằng tâm hòa thuận, dịu dàng để chỉ dạy, thuyết giảng phương pháp trị nước cho các vua, là phải trị túc,



đừng cầu mong. Còn sự hành trì của hàng Thệ tâm thì lấy sự thanh tịnh làm đầu. Các Lý gia và dân phải đến chỗ thờ Phật để nghe Sa-môn giảng dạy về cách sống chơn chánh, nơi nhà thì phải tu hạnh hiếu thuận, theo chỗ an định, dùng tâm từ ban bố cho tất cả. Các vua, Thệ tâm, Lý gia và thứ dân không ai là không hoan hỷ, khen ngợi Thánh đế đã làm cảm động cả chư thiên. Phi hành hoàng đế có bốn đức như vậy.

“Tỳ-kheo A-nan cũng có bốn đức: Nếu có Trừ cận nam, Trừ cận nữ, thanh tín sĩ, thanh tín nữ đi đến chỗ A-nan để hỏi kinh giới thì A-nan có thể trình bày quảng diễn cho họ một cách đầy đủ. Bốn chúng đệ tử chẳng ai là chẳng hoan hỷ cáo từ lui ra. Họ đều hết lời

khen ngợi. Đó là đức thứ nhất trong bốn đức của A-nan.

“Lại có bốn chúng đệ tử không hiểu sự thâm diệu của kinh, đi đến chỗ của A-nan để hỏi những điều còn nghi. A-nan giải thích rõ các mối nghi của họ, chỗ nào cũng được khai mở, khiến người nghe không chán, khi ra về, không ai là không khen ngợi. Đó là đức thứ hai trong bốn đức của tôn giả A-nan.

“Các bậc cao đức trong bốn chúng nhìn thấy A-nan đứng hầu bên trái đức Phật, ai cũng hết lời khen ngợi. Đó là đức thứ ba trong bốn đức của A-nan.

“Đức Phật thuyết giảng kinh, bất luận nhiều hay ít, A-nan đã nghe qua đều

nhớ nằm lòng rồi truyền lại cho bốn chúng, hoàn toàn không thêm bớt. Đó là đức thứ tư trong bốn đức của A-nan.”

A-nan bạch Phật:

“Cách đây không xa có những quốc độ như nước Xá-vệ, nước Sa-chi, nước Đàn-ba, nước Vương-xá, nước Ba-la-nại, nước Duy-da-lê<sup>[158]</sup>. Nơi các nước lớn ấy, văn minh nghĩa giáo đầy đủ, mong đức Phật nên đến những chốn đó để diệt độ. Sao Ngài không tới các nước lớn ấy mà chọn một huyện nhỏ, lại còn ở ngoài cửa thành, một xóm thừa thớt, một huyện thấp hèn, để nhập Niết-bàn?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đừng bảo đây là một xóm nhỏ. Vì sao như vậy?”

“Vào thời xa xưa ở xứ Cưu-di-na-kiệt này có tên là Cưu-di-việt-vương<sup>[159]</sup>. Khi ấy trong nước hết sức an lạc, không có các bệnh tật, lúa thóc dồi dào, dân chúng đông đúc, cuộc sống sung túc, trong nhà có con hiếu thảo. Thành từ Đông sang Tây dài bốn trăm tám mươi dặm, thành Nam-Bắc dài hai trăm tám mươi dặm. Thành có bảy lớp đều dùng ngói nung nhiều lớp ghép lại, dùng vàng ròng, bạc trắng, lưu ly, thủy tinh để làm tường thành, cũng dùng bốn loại báu làm ngói lợp. Thành cao sáu trượng bốn thước, ở bên trên rộng hai trượng bốn thước. Trong thành có cây báu, hoa phát ra ánh sáng năm

màu. Đường đi có ba lối, hai bên đều dùng bốn báu để lót đường, có ngói lợp lên trên, hai bên là nhà ở, điêu khắc chạm trổ đẹp đẽ giống như trên cõi trời. Có các thứ âm nhạc, các loại đàn cầm, đàn sắt do nam nữ thuần nhất ca ngợi đạo đức. Nhạc về đạo có mục đích giúp cho trí tuệ thêm sáng suốt, khiến dân chúng không có ưu sầu, sợ sệt, tâm thường hoan hỷ. Trên đầu họ không có trang điểm nhưng hương trí tuệ tỏa khắp. Vị Thánh vương ở cõi này tên là Đại Khoái Kiến<sup>[160]</sup>, hiệu là Phi hành hoàng đế, điều khiển binh đội thông minh nhất thế gian, dùng đạo trị dân, dân chúng không trái với vương pháp. Nếu dân chúng muốn phi hành, hễ nghĩ thì thân liền bay đến đó. Nhà vua có

bảy báu, tự nhiên sanh ra: Bánh xe bằng vàng báu bay được. Voi trắng có thần lực. Ngựa thần màu xanh. Ngọc Minh nguyệt. Vợ là Ngọc nữ ở trên trời. Quan là bậc Thánh chủ kho báu. Quan là bậc Thánh coi về binh.

“Nhà vua có bốn đức. Lúc còn thơ ấu, lúc làm Thái tử, lúc lên ngôi vua, lúc bỏ nước, lúc diệt dục làm Sa-môn, đều trải qua mỗi thời kỳ là tám vạn bốn ngàn năm. Đó là đức khó có của vua Đại Khoái Kiến.

“Khi ăn uống thì tiêu hóa, thân thể không có bệnh lâu, lạnh nóng điều hòa, thân ý thường được an vui. Đó là đức thứ hai của nhà vua.

“Dung mạo oai nghiêm, khí sắc hơn đời, chỉ kém thua Đế Thích một chút, vua cho là không bằng. Đó là đức thứ ba của nhà vua.

“Khắp cả vòm trời, trọn cả cõi đất, người dân từ lớn chí nhỏ không ai là không yêu kính nhà vua, giống như người con chí hiếu mong cho cha mẹ đều được an lạc. Nhà vua cũng đem tâm thương yêu chúng sanh, xem tất cả như con đẻ. Nếu ai nghèo thì vua cho tiền của, đói cho ăn, khát cho uống. Già mà khốn cùng, nhỏ mà cô quạnh đều khiến cho ở chung như là quyến thuộc thân thích. Dùng nhà cửa, xe cộ để cứu tế khẩn cấp cho tất cả. Đó là đức thứ tư của nhà vua.

“Trong nước thường nghe mười hai loại âm thanh, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng loa, tiếng trống, tiếng múa, tiếng ca, tiếng nhạc, tiếng ca tụng nhân nghĩa, tiếng khen Phật là bậc tôn quý. Dân chúng trang sức bằng các thứ châu báu dệt thành như vô số loại ngọc Minh nguyệt, chuỗi anh lạc chiếu sáng, ăn uống ca nhạc giống như cõi trời Đao-lợi. Dân chúng luôn được sống trong cảnh yên vui, sung sướng.

“Khi nhà vua muốn đi du ngoạn thì bảo vị quan giữ xa giá tên là Tu đạt<sup>[161]</sup>. Nhà vua bảo:



“Hãy chạy xe từ từ! Lâu rồi mà ta không gặp các Thệ tâm, Lý gia. Nay ta muốn gặp họ.”

“Các Thệ tâm, Lý gia nghe nhà vua đang đi; người có đeo ngọc minh châu, bạch ngọc, bích ngọc, thanh ngọc, san hô, chiêm-đàn, các loại hương nổi tiếng liền đem dâng cho Thánh vương. Nhà vua không muốn nhận, nhưng những người ấy đều thành kính van nài, do đó nhà vua mới nhận. Vua ra lệnh cho vị quan coi về kho báu trả giá gấp đôi những vật đó. Dân chúng lớn nhỏ đều dùng các thứ hương hoa báu rải khắp trên mặt đất, chúc vua sống lâu vô lượng.

“Các Tiểu vương có đến tám vạn bốn ngàn người, nghe Phi hành hoàng đế muốn bố thí đều đến để phụ giúp. Họ đến đại điện, Hoàng đế muốn cùng các vua đều lên chánh điện. Các vua từ chối, thưa:

“Các nước của chúng thần đều có cung điện báu.”

Hoàng đế nói:

“Cung điện nhỏ của các vị không có gì đáng để nói. Hãy xem Minh điện, theo ta mà lên, đừng sợ!”

“Hoàng đế có chiếc xe báu và các Tiểu vương cũng vậy. Xe cao mười trượng có bốn bánh, từ trên xuống dưới đều làm bằng bảy báu, bên trên thì treo tràng phan màu sắc sáng chói phản

chiếu nhau. Xe này do sáu con ngựa kéo, những con ngựa ấy đều bay được. Đặc biệt có một chiếc xe của nhà vua đi do hai con ngựa mình trắng bờm và đuôi đen nhưng xe tự nhiên chạy. Xe đó gọi là Câu-la-kiệt, để Thánh đế cỡi. Tám vạn bốn ngàn xe đều đi trước dẫn đường cùng đến Minh điện. Minh điện tên là Ba-la-sa-đàn, ngang dọc bốn mươi dặm, dùng hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh làm tường, dùng bốn loại báu làm trụ, lấy ngói vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh lợp lên. Có năm mươi lớp tam cấp đều dùng hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh tạo thành. Các xà nhà, cột chống đều làm bằng hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh. Trong điện có

tám vạn bốn ngàn cái giường, tất cả đều làm bằng vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh. Các thứ màn che cũng được làm bằng các loại báu ấy. Có những thứ nệm dệt bằng vàng ròng, bạch ngân, lưu ly, thủy tinh, hoặc dệt bằng nhung đỏ, tất cả đều dùng để trải lên giường. Còn gối thì do những tay nghề trên cõi trời dệt thành.

“Này A-nan, tường vách quanh cung điện có bốn lớp: tường bằng vàng ròng, tường bằng bạch ngân, tường bằng lưu ly, tường bằng thủy tinh. Ao tắm được làm bằng bốn thứ báu, chu vi bốn mươi dặm. Hễ ao bằng vàng ròng thì đường cấp lên xuống bằng bạch ngân. Hễ ao bằng bạch ngân thì đường cấp lên xuống vàng ròng. Hễ ao bằng lưu ly thì

cấp bằng thủy tinh. Hễ ao bằng thủy tinh thì cấp bằng lưu ly. Trong ao tự nhiên sanh hoa sen có bốn màu: xanh, hồng, tía, trắng thường nở trong ao suốt mùa hè. Bên ngoài thì có cây hoa tỏa hương thơm ngát. Phía dưới cung điện có bốn con đường, đều dùng bốn báu để làm lan can cho hai bên lối đi, mỗi lan can dài hai mươi dặm. Trước cấp bậc của cung điện có bốn cây báu, mỗi cây cao bốn mươi dặm, bóng cây che phủ cả mặt đất. Cây bằng vàng ròn thì lá bằng bạch ngân, cây bằng bạch ngân thì lá bằng vàng ròn, cây bằng lưu ly thì lá bằng thủy tinh, cây bằng thủy tinh thì lá bằng lưu ly. Nhà vua ở dưới cung điện để tự suy nghĩ, không ở trên điện, dùng lời lẽ ôn hòa

nói với các vua, các vua đều không dám lên điện.

“Vua Đại Khoái Kiến ra lệnh cho quan hầu cận thỉnh các Sa môn, Thệ tâm hiệu kinh, trì giới lên điện trước nhất. Trên điện đã dọn đủ thứ đồ ăn thượng vị, lại còn ban tặng ngọc báu quý giá. Các Sa môn, Thệ tâm đi rồi nhà vua liền đắm chìm trong tư duy: ‘Thọ mạng là vô thường.’ Ngài và một người hầu cùng lên Minh điện, bảo:

“Ta muốn các phu nhân, kỹ nữ, cận thần, các vua hãy lui ra.

“Nhà vua ngồi trên giường bằng vàng ròng, chân để trên ghế bằng bạch ngân, tự mình suy niệm một cách sâu xa về hành động của sự dâm dật, nào có ích

gì cho ta mà kẻ ngu si phần nhiều tham đắm, không biết đó là tai họa. Nay ta tuy thọ đến ba mươi ba vạn sáu ngàn năm, nhưng cái gì có thanh thì sẽ có suy, có hợp hội thì sẽ có sự chia ly. Thân là loại mục nát rồi trở thành tro bụi mà thôi. Nay bốn điện báu này, ai có thể bảo tồn lâu dài được? Đối với một thân ta chỉ cần một cái nhà nhỏ để ở là đủ, cần gì phải dùng đến cung điện bốn mươi dặm và tám vạn bốn ngàn cái giường?

“Nhà vua từ nơi giường bằng vàng ròng bước đến giường bằng bạch ngân, để chân lên ghế bằng vàng, chỉ suy tư về con người để khiến cho tâm tham lam, ganh ghét, giận dữ, ngu si, tà dâm được thanh khiết, vì bốn sự phi thường

luôn hủy diệt nên chẳng cái gì tồn tại. Quán thấy thế gian là vô thường, vậy thân ta làm sao mà tồn tại lâu dài được?

“Nhà vua từ giường bằng bạch ngân đi đến giường bằng lưu ly, để chân lên ghế thủy tinh, nói:

“Ngọc nữ nơi hậu cung của ta có đến tám vạn bốn ngàn người, ta sẽ bảo lui về hết, dùng họ chỉ thêm sự trói buộc. Người nữ chứa đầy sự xấu ác, hãy bỏ đi chớ để cho tâm ý bị ô uế.

“Nhà vua từ giường lưu ly bước đến giường thủy tinh, đặt chân lên ghế lưu ly, lại tư duy về: ‘Vạn sự đều xấu ác, chỉ có pháp Vô vi là an lạc. Hãy trừ bỏ tâm ý ô trược nơi ta, hãy cầu đạo Vô



vi. Nay ta tuy làm Hoàng đế Phi hành cao quý như vậy, nào có ích gì cho thân?’

“Người hầu đến trước nhà vua thưa:

“Các Ngọc nữ báu hỏi nhà vua ở trong điện sao lâu quá, họ đều muốn tới trước để bái yết nhà vua.

“Vua bảo người hầu:

“Ra lệnh cho vị quan coi về kho báu bảo với các phu nhân ai về nhà nấy, hãy mang theo trong người các thứ châu báu danh tiếng tùy theo ý muốn. Còn các vị vua, quân thần, ngựa trời, voi báu, đều bảo là lui ra hết.

“Vua Đại Khoái Kiến liền bước lên lầu cao, từ xa nghe thấy các

thứ âm thanh ‘than trời, trách đất’. Vua hỏi:

“Tiếng gì thế?

“Người hầu thưa:

“Đó là tiếng kêu than khóc lóc của đám Ngọc nữ nhà trời, các vị vua, đám quần thần, cả voi báu, ngựa trời. Tất cả đều hết lòng luyến mộ thiên vương, không một ai có thể rời bước được. Vua bảo:

“Hãy đem cái ghế nhỏ lại đây, đặt ở dưới điện, mời Ngọc nữ báu, các vị vua, bá quan, các thứ voi báu, ngựa báu và kẻ hầu. Đệ nhất hoàng hậu ngồi cạnh nhà vua.

“Vua lại bảo các thể nữ xinh đẹp hầu hạ các phu nhân. Hoàng hậu giơ tay chỉ các nữ bá, nói:

“Dung nhan của các thiên nữ tươi đẹp lạ thường, thân mặc y phục của trời, thế gian thật ít thấy! Mong ngài hãy nên lưu tâm! Có voi bá, ngựa trời; ngựa tên là Hoàn thanh<sup>[162]</sup>. Các thứ anh lạc bá như: Bạch châu, Dạ quang hiện rõ soi sáng cả nước. Các vị vua khắp bốn phương đều cần có ánh sáng của bậc thánh nhân để họ kính thờ, xưng mình là bề tôi, hết lòng hiếu thuận, trung hậu, ái mộ thiên vương.

“Vua Khoái Kiến bảo:

“Ta đời đời vốn có tâm từ bi. Người nữ trong thế gian ganh ghét nhau, gây tai ương xấu ác cùng khắp, làm ảnh hưởng lâu dài đến thân vua, đó chính là tai họa lớn. Ta muốn xa lìa. Từ nay về sau, nếu gặp các người nữ thì Ta xem họ như là em gái của ta.

“Các phu nhân cùng than khóc, thưa:

“Tại sao đang lúc còn sống lại nỡ xa lìa chúng tôi?”

“Tất cả đều vứt hết đồ trang sức nơi thân, ngã nhào xuống đất. Hoàng hậu thì càng áo nảo, sầu thảm, nói:

“Này Thiên vương, vậy chúng tôi biết nương tựa vào ai?

Vua bảo:

“Mạng người rất ngắn, nhưng sự lo buồn lại nhiều. Thân là vật hư nát, chẳng biết chết đi lúc nào. Từ nay ta giữ tâm, sùng kính uy đức của bậc Sa-môn, xa lìa cả những người nữ thân thuộc, chỉ có đạo là tôn quý, tự lo tu thân không thể lo các chuyện khác được.

“Ngài lại nói với các vị Tiểu vương:

“Mạng người ngắn ngủi nhưng sự lo buồn thì dài, nên tự thương lấy thân mình, hễ có sanh thì có tử. Hãy giữ tâm hạnh chơn chánh, từ ái, hiếu thuận, sự vinh hoa khó giữ mãi được.”

“Các Tiểu vương đều cúi đầu, chí thành thưa:

“Các nước trong bốn cõi thiên hạ đều trông cậy vào Thiên vương. Thường nghe các bậc Thánh từng khen ngợi về vùng đất này, không thể nêu rõ hết được. Vua và trăm quan hẳn là thần thánh nên châu báu của đất nước này nhiều khác nào như trên cõi trời. Vậy Thiên vương nên dốc lòng thương xót chúng dân mà thay đổi thánh ý đó đi!

“Nhà vua bảo các Tiểu vương:

“Tuổi thọ con người rất ngắn, mà nỗi lo lắng của người đời thì lại nhiều. Hãy tự lo cho thân mình, mạng người chỉ trong hơi thở. Hễ có sanh thì có tử, hãy lìa bỏ hành vi tham dâm, uế trước đi!”

“Nhà vua đứng dậy đi lên cung điện, ngồi trên giường bằng vàng ròng, giữ

tâm từ bi rộng lớn hướng về các phu  
 nhon, trăm quan, các Tiểu vương, dân  
 chúng, voi, ngựa, mọi loài lao khổ  
 trong mười phương; đem tâm từ bi  
 thương xót, muốn khiến cho họ biết  
 đến Phật. Rồi Ngài từ giường bằng  
 vàng đi đến giường bằng bạc, suy tư về  
 đạo Vô vi. Từ giường bằng bạc ngài đi  
 tới giường bằng lưu ly, suy tư về hạnh  
 từ bi nhằm cứu vớt chúng sanh. Từ  
 giường lưu ly, ngài lại đi tới giường  
 thủy tinh, suy tư về hạnh đại hiếu,  
 muốn cứu độ những người thân trong  
 vô số kiếp. Tự mình suy tư về toàn bộ  
 cơ thể trong con người là dơ nhớp. Nhà  
 vua bảo:

“Ngày xưa ta đã từng mắc một chứng  
 bệnh như có sợi dây bằng tre siết nơi

cổ, như dùi gỗ xuyên qua thân. Thân là đồ chứa sự khổ, đâu đủ để làm chỗ nương tựa?”

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

“Hoàng đế Phi hành Đại Khoái Kiến ấy chính là thân ta. Nhà vua sau khi mãn tuổi thọ thì sanh lên cõi trời Phạm thiên. Ai biết thân Phật đã từng làm hoàng đế Phi hành, tu tập chánh pháp? Lại có bốn đức, bảy thứ báu tự nhiên xuất hiện. Từ cảnh giới Cưu-di-na-kiệt dài bốn trăm tám mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, đều ở tại trong thành này. Trước đây ta từng bảy lần đem thân mình gắn bó với vùng đất này. Nay ta đã đoạn trừ được. Tâm mong cầu các định về niệm, không, vô



tướng<sup>[163]</sup>, cắt đứt nguồn gốc của sanh tử. Từ nay về sau ta không còn tái sinh nữa.

“Này A-nan, người hãy vào thành báo cho dân chúng biết:

“Hôm nay, vào lúc nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Bát-nê-hoàn. Nếu ai có điều gì nghi ngờ, hãy gấp đi đến để đức Phật giảng giải cho, đừng để sau này phải hối hận mãi. Rằng Phật ở tại xóm nhỏ, mà chúng không đến thọ bầm lời dạy.”

A-nan như lời Phật dạy, đi báo cho dân chúng biết. Dân chúng vô cùng ngạc nhiên, thưa:

“Đức Phật vì sao lại ở tại một xóm nhỏ để diệt độ?”

Mọi người nghe tin, ai cũng than thở, khóc lóc, vừa ngạc nhiên, vừa thương tiếc, cùng bảo: ‘Cớ sao như vậy?’

Nhà vua nghe biết sự việc này, ngạc nhiên hỏi:

“Vì sao ở đây có sự than khóc?”

Vua bèn sai quan hầu ra ngoài dò hỏi? Dân chúng nức nở, nghẹn ngào tâu:

“Tôn giả A-nan cho biết là: đức Phật sắp diệt độ, ai còn nghi ngờ điều gì hãy đến để thưa hỏi. Do đó nên chúng tôi than khóc.”

Quan hầu trở về tâu với vua:

“Tôn giả A-nan báo cho dân chúng vùng này biết là đức Phật sắp nhập

Niết-bàn, hãy đến để hỏi những chỗ còn nghi ngờ. Vì thế nên họ khóc lóc.”

Nhà vua liền cho gọi Thái tử A-thần<sup>[164]</sup>, bảo:

“Con hãy đi đến chỗ đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, cung kính thăm hỏi tin tức, thỉnh nguyện đức Thế Tôn hãy chọn nơi chánh điện để nhập Niết-bàn, đừng ở chỗ xóm nhỏ hẹp ấy.”

Thái tử thưa:

“Nếu đức Thế Tôn không đồng ý thì phải làm thế nào?”

Vua bảo:

“Hãy thọ giáo và trở về cùng thật nhanh.”

Thái tử đi đến chỗ đức Phật. Tôn giả A-nan thưa với đức Phật:

“Quốc vương nước Cưu-di sai Thái tử đến, con chưa dám cho vào.”

Đức Phật nói:

“Hãy cho vào.”

Thái tử vào, gieo năm vóc xuống đất, cung kính đánh lễ sát chân Phật rồi quỳ dài thưa:

“Nhà vua bảo con đến đánh lễ Phật, cung kính hỏi thăm tin tức. Chúng sanh bị đắm chìm nơi vực thăm mênh mông, chỉ có đức Phật mới cứu vớt được. Nay đức Thế Tôn sắp diệt độ, sao mà nhanh quá! Ngài nên chọn nơi hoàng cung mà

nhập Niết-bàn, chớ nên ở nơi xóm nhỏ.”

Đức Phật bảo A-thần:

“Cám ơn phụ vương của Thái tử. Ta đã từng nói ngày trước Ta là hoàng đế Phi hành, là vị Thánh đế sau cùng, tên Đại Khoái Kiến. Ta đã từng bảy lần gắn bó với vùng đất này. Lần đây nữa là thứ tám. Nay ta đã thành đạo, không còn thọ thân nữa để phải an táng trong đất. Cám ơn phụ vương của ngươi, cảm phiền Thái tử.”

Thái tử im lặng trở về cung ra mắt vua cha trình bày rõ sự việc. Nhà vua kinh ngạc, rơi lệ tiếc thương, rồi ra lệnh cho dân chúng trong nước hãy đến chỗ Phật để thọ giáo pháp giác ngộ.

Vua lại sai người ấn định giờ giấc để đến chỗ đức Phật. Vua cùng với mười bốn vạn người tề tựu đông đủ bên ngoài chỗ đức Phật. Nhà vua thưa với tôn giả A-nan:

“Tôi cùng với mười bốn vạn dân muốn đến xin thọ giới của Phật.”

Tôn giả A-nan hướng về đức Phật nêu đầy đủ ý của vua. Đức Thế Tôn liền bảo:

“Thật tội nghiệp cho vua và dân chúng!”

Tôn giả A-nan thưa:

“Có thể nói với nhà vua như thế nào?”

Đức Phật đáp:

“Hãy khoan! Hãy để họ lần lượt vào gặp ta”

Nhà vua cùng các bậc hiền giả cao đức trong nước đồng bước tới chỗ Phật. Tất cả đều cung kính đánh lễ Phật rồi chấp tay mà đứng. Lúc này nơi phía trước đức Phật, chẳng có đèn đuốc gì cả. Đức Phật bèn phóng luồng hào quang từ giữa đánh đầu, chiếu sáng đến hai ngàn dặm. Đức Phật cảm ơn nhà vua và dân chúng của ngài đã khổ cực đến đây. Nhà vua kính lạy đức Phật và bạch:

“Đức Thế Tôn có những lời chỉ dạy gì để chúng con phụng hành?”

Đức Phật nói:

“Ta đã bảo sứ giả: Phật đã thuyết giảng kinh trong bốn mươi chín năm, quốc vương và chư vị hiền thiện đều tự chấp hành. Nhà vua hãy trở về hoàng cung. Vào lúc nửa đêm hôm nay ta sẽ nhập Niết-bàn. Vua và trăm quan, dân chúng không nên khóc lóc thương tiếc.”

Đức Phật lại bảo nhà vua:

“Ta thấy<sup>[165]</sup> có sanh tất phải có diệt vong, vậy khóc than để làm gì? Hãy dẫn lòng mình xuống, theo đúng pháp, xa điều ác, tự thương thân mình, siêng năng tu điều đức, thân cận người hiền. Việc gì xảy đến hãy suy nghĩ kỹ, đừng nên tàn bạo. Mạng người khó được, phải thương yêu muôn họ. Kẻ sáng



suốt thì quý trọng, kẻ ngu si thì ân xá. Thế gian có nhiều điều tà vạy, hãy tự thương mình, hãy tự làm tốt cho mình.”

Nhà vua và các bậc hiền đức đều xin cáo từ.

Nhà vua ra đi cách chỗ đức Phật năm dặm thì cho binh lính dừng lại.

Trong nước này có vị cao niên, thọ một trăm hai mươi tuổi, tên Tu-bạt<sup>[166]</sup>. Bây giờ đang đêm khuya, ông chợt thức giấc vì thấy hào quang của Phật chiếu sáng cả thành. Nhà lại không có ai, ông liền đi ra khỏi thành bước nhanh về chỗ đức Phật, thưa với tôn giả A-nan:

“Vì tôi mới được nghe biết về việc đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, tâm tôi có chỗ nghi ngờ muốn được nêu bày với đức Thế Tôn.”

Tôn giả A-nan đáp:

“Đã gần nửa đêm, Phật sắp vào Niết-bàn, chớ nên làm phiền Ngài.”

Tu-bạt thưa lại:

“Vậy tôi không thể được lãnh hội gì chăng? Tôi nghe nói hàng vô số kiếp mới có một đức Phật ra đời. Nay tôi đến đây là để thưa hỏi về chỗ còn nghi ngờ mà chỉ có đức Phật mới giải thích được.”

Tôn giả A-nan bảo:

“Thôi đi, không nên hỏi nữa.”

Đức Phật biết Tu-bạt đang ở bên ngoài muốn thưa hỏi về chỗ nghi ngờ, nên gọi tôn giả A-nan:

“Sao lại không cho Tu-bạt vào để nêu bày về chỗ còn nghi ngờ ấy?”

Tôn giả A-nan thưa:

“Con thấy đã gần nửa đêm, Phật sắp diệt độ, con sợ ông ta vào chỉ làm phiền cho Phật. Nay Ngài sắp bỏ Dục giới ba cõi để nhập vào cõi Vô vi.”

Đức Phật dạy:

“Hãy để cho ông ấy vào.”

Tôn giả A-nan liền đưa Tu-bạt vào. Biết mình được vào gặp Phật, ông ta vô cùng sung sướng, toàn thân rung động, bước đến trước đức Phật, cung kính

đảnh lễ. Đức Phật thấy Tu-bạt tuổi cao, hơi thở yếu ớt, bèn chỉ ghế bảo ngồi. Đức Phật hỏi Tu-bạt:

“Ông có những nghi ngờ gì?”

Thưa:

“Đức Phật là vị Trời trên các Trời trong ba cõi, thần thánh không thể lường được, là đấng Chí Tôn không gì sánh bằng; đã khai thị giáo hóa, dẫn dắt muôn loài trong bốn mươi chín năm, Tiên thánh, Phạm vương, Đế Thích không ai là không kính lễ. Con có tám người đồng chí hướng, đó là Cổ-quy thị, Vô-tiên thị, Chí-hành thị, Bạch-lộ-tử thị, Diên-thọ thị, Kế-kim-phản thị, Đa-tích-nguyên thị và Ni-kiền Tử<sup>[167]</sup>. Đó là tám người thuộc loại có trí tuệ,

nhưng đây chỉ là thứ ánh sáng yếu ớt, khéo che đậy cuộc sống sung mãn, râu tóc tuy mượt mà nhưng trong lòng chứa đầy ba độc, bên ngoài thì chạy theo dục lạc, ngồi lại thì bàn toàn chuyện xa vời, thư tịch hư dối, nói điều không thật, chẳng đưa đến chánh đạo, vậy đó là duyên gì?”

Đức Phật bảo Tu-bạt:

“Ý nghĩa nơi kinh của họ trái với kinh của Phật. Đó là con đường sanh tử, chỉ là để mong cầu phú quý. Chí của đạo ta là dứt mong cầu, niệm Không, không đua theo vinh hoa của thế gian, thanh tịnh vô vi, lấy điều ấy làm vui.”

Tu-bạt thưa:

“Sao gọi là đạo Vô vi?”

Đức Phật dạy:

“Diệt trừ mọi hệ lụy của sinh tử trở về cội nguồn, không còn bị sanh tử nữa, đó là Vô vi. Chí hướng của những người kia đều có tám thứ ác. Những gì là tám? Đó là Thờ cúng quỷ thần, bói quẻ, dối trá giết hại, đó là một.

“Đối với những người trong gia đình thì tham lam keo kiệt, không phụng thờ đạo hiếu, tham ái đủ thứ một cách tà vạy mà dục vọng vẫn chưa dừng. Đó là thứ hai.

“Nói hai lưỡi; nói lời ác độc, mắng nhiếc; nói dối, nói thêu dệt, chưa từng nêu bày điều thiện khiến cho kẻ ngu si bỏ điều ác. Đó là thứ ba.

“Sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Đó là thứ tư.

“Thường ôm lòng oán hận, bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn anh em, vợ con, dòng họ, tâm tà vạy làm điều ô uế, không khéo giáo hóa, dẫn dắt, thường tự kiêu, tự đại muốn cho người ta sợ mình, kính mình. Đó là thứ năm.

“Ngày đêm ôm lòng tà, không sợ pháp luật, khinh chê bậc hiền thiện, tôn quý kẻ ô trược, xa lìa người chơn chánh, giao thiệp với người ác. Đó là thứ sáu.

“Nghe nói có bậc hiền trí, Sa-môn, Phạm chí hiểu kinh thì hoài nghi, ganh ghét, hủy báng một cách hư ngụy. Đó là thứ bảy.

“Không tôn kính tiên tổ và hết lòng hiếu thảo với cha mẹ; không tôn kính bậc hiền minh mà đua theo kẻ phản tặc; hủy bỏ điều nhơn từ chơn chánh; mê muội chạy theo thế tục ô trược, đáng xấu hổ. Đó là điều ác thứ tám.

“Ông tự nói rõ ra rằng đức Thế Tôn thuyết giảng kinh bốn mươi chín năm, mà tám người ấy không đến để mong được giáo hóa. Họ là những người ôm giữ tám điều ác này, há lại thích được giáo hóa theo con đường thanh tịnh sao? Nếu họ có chính thức đến thì Phật cũng nhờ sạch tám sự xấu ác ấy trong tâm của ông. Vậy hãy thận trọng chớ có hời Phật. Nếu giữ tám giới này<sup>[168]</sup> thì có thể chứng được bốn đạo Câu cảng, Tàn lai, Bất hoàn, Ứng chơn<sup>[169]</sup>.



Thực hành tám giới này thì tâm mình phải chơn chánh, đó mới là Phật tử. Nếu có kẻ phàm phu chuyên làm bậc thầy dẫn đường, đứng đầu việc giáo hóa mà phạm tám giới này thì đều là kẻ yêu tinh, độc hại, hãy nên xa lánh, từ bỏ, cẩn thận chớ nghe lời dụ dỗ<sup>[170]</sup>.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Nay Ta ở trong ba cõi, chỉ một mình, giảng nói và hành hóa chánh pháp không có người thứ hai sánh bằng. Nếu có điều gì còn nghi ngờ cứ hỏi, đừng ngại.”

Tu-bạt quý mọp, cúi đầu, bạch:

“Đúng như Phật nói. Con gần như để mất thân mình, lại còn rơi vào nẻo ngu si, cuồng loạn.”

Đức Thế Tôn lại nói:

“Ông đã hiểu tám giới này chưa?”

Thưa:

“Đã hiểu.”

Ông lại cúi đầu thưa:

“Con muốn từ bỏ cái chí thấp kém của mình để xin giữ lấy hạnh thanh tịnh của hàng Sa-môn.”

Đức Thế tôn lại nói:

“Ông thành tâm chăng?”

Thưa:

“Mong Phật rủ lòng thương xót, cho con được làm Sa-môn.”

Râu tóc Tu-bạt liền tự rụng xuống đất, mình đắp ca-sa, tâm dốc suy tư về điều Phật dạy, bỗng nhiên dứt hết mọi tưởng niệm, nhất tâm thanh tịnh, giống như hạt ngọc minh nguyệt, liền đạt đạo quả Ứng chơn. Ông lại tự suy nghĩ:

“Ta không nên để Thầy ta nhập Niết-bàn trước.”

Ngay khi đó ông liền nhập Niết-bàn.

Đức Phật gọi các Tỳ-kheo vào nói:

-Sau khi Ta diệt độ, nếu có người thế tục bỏ nhà, dứt trừ mọi cầu nhiễm, muốn làm Sa-môn, gia nhập vào hàng ngũ Tỳ-kheo tăng, trước hết phải thử thách trong ba tháng để biết chí nguyện của kẻ ấy cao hay thấp<sup>[171]</sup>.

“Ở thế gian có bốn loại người: Một hạng nghèo khổ không thể tự sinh sống được, nên muốn làm Tỳ-kheo. Một hạng bị nợ nần không thể trả được cho nên muốn làm Tỳ-kheo. Một hạng đang ở trong quân đội, nhưng lúc đó không cần thiết nữa, cho nên muốn làm Tỳ-kheo. Một hạng là bậc cao sĩ đức hạnh thanh tịnh, nghe rằng trong vô số đời mới có một đức Phật xuất hiện, lại được xem kinh điển của Phật, vô cùng vui mừng, tâm đã thức tỉnh, bỏ nhà, bỏ dục, không ham sự vinh hoa của thế gian, để làm Tỳ-kheo.

“Sau khi Ta nhập Niết-bàn rồi, hễ có người đến xin xuất gia tu tập hãy xem chí hướng của người ấy, nhìn xem lúc ngồi lúc đứng, để ý về lời nói, quán sát

lúc đi bộ, biết được hành động kẻ ấy hướng về thiện hay ác, dụng tâm cầu đạo có thích tinh tấn không? Xét kỹ trong ba tháng, nếu thấy kẻ ấy chí cao, hạnh thanh tịnh, có thể thừa chúng cho làm Tỳ-kheo. Thân đã làm Tỳ-kheo rồi phải chọn bậc kỳ cựu thông tỏ giới luật để làm thầy. Thọ trì mười giới<sup>[172]</sup>, tuân giữ giới trong ba năm, siêng năng không biếng trễ, các bậc hiền thiện đều có thể chấp nhận trao cho vị ấy hai trăm năm mươi giới<sup>[173]</sup>, mười giới là căn bản, hai trăm bốn mươi giới là lễ nghi. Nếu ở đời sau này dốc thi hành pháp ấy thì trời, thần các bậc đều luôn cung kính, hoan hỷ. Đối với giới pháp của Phật, các Tỳ-kheo phải suy tư thật kỹ, không được cho là Phật đã nhập

Niết-bàn rồi thì sinh lười biếng, làm điều trái với pháp. Những việc làm của đức Phật, các đệ tử phải nên nhớ nghĩ, lãnh hội, kẻ lớn người nhỏ kính nhường lẫn nhau, không được làm trái đạo nghĩa. Nếu ai không ưa thích đắc đạo, ham chuộng sự tôn vinh thì nên đọc kinh này. Ai muốn cầu sống lâu, muốn sanh lên cõi trời hãy đọc kinh này. Nhưng chủ đích quan trọng nhất của đức Phật là hướng về đạo giải thoát. Sau khi ta nhập Nê-hoàn, đừng để vì Phật mất rồi mà nói là không có chỗ nương tựa. Hãy nương tựa vào giới, kinh. Sau khi ta nhập Nê-hoàn rồi, hãy tôn kính cúng dường lẫn nhau. Hãy xem kinh, thờ giới, giữ hai trăm năm mươi giới, nên thay nhau cung kính

phụng trì, giống như con hiếu thảo phụng sự cha mẹ. Những Tỳ-kheo trưởng thượng phải dạy cho kẻ hậu học, giống như lúc ta còn tại thế. Hàng Tỳ-kheo đi sau nếu bị bệnh tật thì các Tỳ-kheo kỳ cựu phải lưu tâm săn sóc, thăm hỏi tin tức. Người đọc giáo lý, hiểu giáo lý, hãy dạy bảo trong sự hòa thuận, nên dốc thọ trì giới của Phật, để đạo ta được trụ thế lâu dài.

“Ta nhập Nê-hoàn rồi, hàng vợ con của các bậc hiền thiện, tìm hiểu, sau đây thì nhớ nghĩ: ‘Đời của ta có Phật, có kinh điển vi diệu. Đức Phật ở thế gian vừa mới nhập Niết-bàn. Chúng ta đều có lòng chí hiếu đối với đức Phật, hết lòng đối với kinh.’ Những người ấy đến lúc mạng chung đều được sanh lên

trời. Các người đừng cho là Ta đã mất rồi thì không phụng hành kinh giới. Cẩn thận chớ có biếng trễ, kiêu mạn.

“Này các Tỳ-kheo, các người hãy nhìn kỹ dung mạo của Phật. Phật không dễ gặp được. Sau này mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn năm mới lại có Phật ra đời. Ở đời khó gặp Phật, kinh pháp khó được lãnh hội, chúng Tăng khó được nghe biết. Chỉ có Phật là khó thấy.

“Trong cõi Diêm-phù-đề có loại cây được tôn quý tên là Ưu-đàm-bát<sup>[174]</sup>, có quả mà không hoa. Cây Ưu-đàm-bát hễ có hoa vàng thì thế gian mới có Phật ra đời. Ngay bây giờ ta sẽ Bát-nê-hoàn, các người đối với kinh nếu có điều



ngghi ngờ gì thì đang lúc Phật còn tại thế sẽ giải thích cho. Nay các mối nghi không được giải tỏa thì về sau sẽ gây tranh cãi kéo dài. Đang lúc ta còn, hãy mau hỏi những chỗ còn hồ nghi.

Bấy giờ, tôn giả A-nan ở phía sau đức Phật, cúi đầu thưa:

“Từ lúc đức Phật chỉ dạy đến giờ, các Tỳ-kheo tăng không có nghi ngờ gì cả. Đệ tử tự nói: ‘Chúng con không có nghi ngờ gì đối với đấng Thiên trung thiên’.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đã gần nửa đêm, chớ nên gây tiếng động.”

Đức Phật liền đứng dậy, ngồi thẳng, suy tư một cách sâu xa về nguồn đạo,

bỏ mọi thiện ác cả trong ba cõi. Ta nay tuổi đã hơn bảy mươi chín, chỉ đoạn trừ sanh tử, hồ thẳm của nẻo luân hồi, tư duy quán sát một cách sâu xa, từ Tứ thiên vương, lên đến Bất tướng nhập, từ Bất tướng chuyển trở về nơi thân, tự suy tư về thân bốn đại hiện rõ sự xấu ác, chẳng có gì là quý giá<sup>[175]</sup>.

Đầu đức Phật quay về hướng Bắc, co tay làm gối, nằm nghiêng về hông bên hữu, hai gối chồng lên nhau, liền nhập Bát-nê-hoàn. Đất trời chấn động mạnh. Chư thiên rải hương hoa, than khóc thương tiếc: ‘Đấng pháp vương đã diệt độ, chúng ta biết nương tựa vào ai?’

Quốc vương cùng bốn mươi vạn dân chúng nghe tin hầu như đều ngất xỉu,

hướng về chỗ Phật mà than khóc: ‘Chúng sanh bị suy tổn lớn, sao mà đau đớn đến nỗi này!’ Có người chết giấc rồi sau mới tỉnh lại.

Vua Đế Thích thứ hai bảo chư thiên: ‘Đức Phật thường dạy đã sanh ra thì không ai là không chết! Các vị hãy nhớ nghĩ đến chơn lý: vô thường-khổ-không-vô ngã, đừng có than khóc nữa.’

Vị thiên vương thứ bảy cũng hiện xuống bảo: ‘Hào quang của Phật đã tắt. Đức Phật còn phải xả bỏ thân, các vị thì mong cầu cái gì? Khóc thương thảm thiết như vậy cũng chẳng được chi cả.’

Các Tỳ-kheo thì vật vờ trên mặt đất gào khóc cùng nói: ‘Con mắt của ba

cõi sao mà tắt nhanh thế? Từ nay về sau, thế gian sẽ tăm tối mãi.’

Người thì đứng khóc, có người không dám nhìn vào thi thể của đức Phật, có người suy nghĩ một cách sâu xa: Lúc Phật còn tại thế thường dạy: ‘Hễ có sanh thì có tử, khóc lóc cực thân như vậy đâu có lợi gì cho việc hiểu rõ giáo pháp.’

Tỳ-kheo A-na-luật <sup>[176]</sup> bảo tôn giả A-nan:

“Thôi đi! Này các Tỳ-kheo, không ai bảo các vị phải than khóc. Cả nhà vua và trăm quan, dân chúng, cả chư thiên trên trời, xin hết thấy chư vị đừng quá buồn sầu xúc động nữa.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Hãy nhìn chư thiên trên trời xem thử có bao nhiêu vị?”

Tôn giả A-na-luật nói:

“Trong chu vi bốn trăm tám mươi dặm, trước sau nối tiếp nhau đều là các vị chư thiên tôn quý. Nếu dùng một cây kim nhỏ ném lên trời thì cây kim ấy cũng không có chỗ để rơi xuống đất.”

Tôn giả A-na-luật khuyên chư thiên đừng sầu não nữa, nhưng chư thiên càng đau lòng gấp bội. Tôn giả A-na-luật nói với tôn giả A-nan:

“Đức Phật không bảo chúng ta làm công việc khâm liệm. Tôn giả hãy đến báo cho các Thệ tâm, Lý gia biết: ‘Chúng ta có thể tâm liệm nhục thân

của đức Thế Tôn được, nhưng đức Thế Tôn có bảo hãy để các Thệ tâm, Lý gia lo liệu công việc đó, sau này khỏi phải ân hận’.”

Tôn giả A-nan liền đến chỗ các Thệ tâm, Lý gia thuật lại sự việc như vậy. Các Thệ tâm, Lý gia khóc lóc thưa:

“Đức Thế Tôn diệt độ, chúng con hầu như bơ vơ, hàng hiệu biết lúc nào cũng một lòng gắn bó với đức Thế Tôn.”

Có năm trăm người đến chỗ đức vua tâu:

“Xin cho chúng tôi được quyền an táng trọng thể đức Thế Tôn.”

Nhà vua nói:

“Đức Phật mất rồi, chúng sanh cô độc! Nên giữ tâm hòa thuận, đừng tranh chấp, hãy giữ lòng hiếu thảo. Đức Phật luôn thương xót các người con của Ngài; luôn khiến cho tất cả được hưởng phước vô lượng.”

Nhà vua nói như vậy, khiến ai cũng ghen ngào nức nở. Các Lý gia và dân khiêng kim sàng của Phật vào thành vua. Chư thiên dùng lọng báu trang nghiêm che phía trên giường. Cờ phướn dẫn đường, hương hoa xen lẫn các thứ báu vật rơi xuống như tuyết. Mười hai loại nhạc đều cùng tấu lên, Trời, Người, Rồng, Quỷ chẳng ai là chẳng thương tiếc. Lý gia thưa:

“Lúc còn tại thế, đức Thế Tôn có bảo cách thức khâm liệm thi thể của Ngài như thế nào?”

A-nan đáp:

“Lúc Phật còn tại thế đã dạy: ‘Nên khâm liệm nhục thân của Ngài theo cách thức an táng hoàng đế Phi hành. Đối với đức Phật còn hơn thế nữa’.”

Lý gia thưa:

“Phương pháp khâm liệm hoàng đế Phi hành thì như thế nào?”

Đáp:

“Dùng dạ mới quấn chặt quanh thân; dùng vải kiếp-ba mới quấn thêm một lớp nữa, rồi đặt vào trong quan tài bằng bạc. Dùng dầu thơm rảy lên thân, lấy



lọng báu che ở trên. Dùng hương chiên-đàn, củi mật hương, củi cây tử, củi cây chương chất ở phía trên dưới quan tài, bốn mặt cao rộng đều ba mươi trượng, rồi đốt lửa lên để trà-tỳ<sup>[177]</sup>. Mười hai thứ âm nhạc cùng lúc hòa tấu, dùng hoa thơm tươi tốt tung rải trên cao. Trà-tỳ xong, thu lấy xá lợi, loại bỏ tro tàn, dùng nước hoa thơm rửa thật sạch, bỏ trong bát vàng, để bát ấy trên giường bằng vàng, nên đặt trong cung, trai giới trên điện, xong chín mươi ngày thì chọn nơi ngã tư đường, dựng tháp, lập đàn tràng, treo cờ phướn, hoa hương, âm nhạc để cúng dường. Đó là phương thức an táng hoàng đế Phi hành. Đối với đức Phật thì phải hơn thế.”

Các Thệ tâm, Lý gia rơi nước mắt, thưa:

“Dạ vâng, chúng con sẽ làm đúng như lời dạy bảo sáng suốt ấy. Xin đề trong bảy ngày.”

Các Lý gia đồng thưa với vua:

“Chúng thần muốn khâm liệm thánh thể của đức Thiên Tôn, kính mong vua chiếu cố.”

Vua đáp:

“Được.”

Lý gia rước cái giường vàng trên đặt kim quan của Phật, trở lại từ cửa thành phía Tây đi vào, để giữa thành trong bảy ngày. Lúc khâm liệm Ngài có đến ba mươi vạn dân chúng. Dân chúng

dùng mười hai bộ nhạc tấu lên, ngày đêm thắp đèn sáng trưng khắp cả thành chu vi mười hai dặm, mỗi bước mỗi bước đều có đèn. Vua Đế Thích thứ hai đem theo mười vạn chư thiên, mang theo mười hai bộ danh nhạc của trời từ cõi trời Đao-lợi đến viếng đức Phật. Hoa hương, các thứ châu báu treo ở không trung, cách mặt đất ba dặm. Chỉ có một mình trời Đế Thích đi đến hỏi tôn giả A-na-luật:

“Đức Phật có dạy bảo gì không?”

Tôn giả A-na-luật thuật lại đầy đủ những lời đức Phật dạy cho Đế Thích. Trời Đế Thích thưa:

“Đã có đầy đủ các vật báu, kỹ nhạc, hoa hương để dùng cho việc liệm. Tôi

muốn đứng ra lo việc an táng cho đức Phật, vậy có được không?”

Đáp:

“Đề tôi hỏi lại đã.”

A-na-luật đem ý của trời Đế Thích nói với tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan đáp:

“Khi Phật còn tại thế, Ngài không nói tới trường hợp chư thiên và quốc vương lo công việc khâm liệm. Ngài chỉ dành sự việc đó cho các Thệ tâm, Lý gia thôi. Vậy xin cảm ơn các vị Phạm thiên, Đế Thích. Mong chư vị hiểu rõ ý Phật. Trời Đế Thích bèn cho chư thiên biết ý kiến của tôn giả A-nan.”

Chư thiên thưa:

“Bậc vua trời tôn quý của ta lo liệu công việc ấy một cách chu đáo, há không bằng người thế gian sao?”

Đáp:

“Không nên nói như vậy? Phải tuân giữ theo lời dạy của đức Thế Tôn, cẩn thận chớ làm điều không hay.”

Các Thệ tâm, Lý gia liền thưa:

“Chúng con tính nâng cái giường xá-lợi của đức Phật lên để đưa ra theo lối vào cửa thành phía Tây, nhưng cái giường ấy vẫn không nhúc nhích.”

Các Lý gia đồng thưa:

“Nếu cái giường không nhấc lên được thì làm sao đưa ra khỏi thành?”

Tôn giả A-nan hỏi tôn giả A-na-luật:

“Cái giường vì sao lại không nâng lên được?”

Đáp:

“Chư thiên vì muốn được làm công việc khâm liệm nhục thân của đức Phật nên đã khiến cho cái giường không thể lay động.”

Tôn giả A-na-luật nói:

“Tôi sẽ nói cho Phạm, Thích cùng chư thiên biết.”

Tức thì tôn giả A-na-luật liền lên nói với Phạm, Thích:

“Tôn giả A-nan xin cảm ơn ý muốn lo việc tổng táng của chư thiên, nhưng việc này chính là ý của đức Phật.”

Phạm, Thích và chư thiên thưa:

“Chúng tôi đã mang theo dụng cụ cho việc tổng táng đến đây, nên để cho chúng tôi lo việc phía phải, còn quốc vương và dân chúng thì ở phía bên trái kim sàng của đức Thế Tôn, dùng nhạc trời, hoa hương để tiến đưa được không?”

Đáp:

“Tôi sẽ trở về báo lại.”

Tôn giả A-na-luật trở về, đem ý của chư thiên nói lại đầy đủ cho tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nói:

“Nếu họ muốn làm công việc khâm liệm thì rõ ràng là trái với lời dạy của đức Phật, nhưng vì lòng hiếu mà tiến đưa thì được.”

Tôn giả A-na-luật liền báo cho Phạm, Thích biết ý kiến của tôn giả A-nan. Chư thiên đều hoan hỷ, liền hạ xuống đứng nơi phía bên phải kim sàng của đức Phật. Nhà vua và dân chúng thì đứng ở phía bên trái. Lý gia thưa:

“Có thể khiêng kim sàng của đức Phật ra cửa thành phía Tây không?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Được!”

Thế là, phía bên phải, trước là Đề Thích, sau là Phạm vương. Phía trái thì



trước là tôn giả A-nan, sau là quốc vương sở tại. Tất cả cùng đưa tay nắm lấy chân của kim sàng. Các Thệ tâm, Lý gia thì dùng lụa quấn nơi hai chân trước của kim sàng. Trời người cảm động xót thương cùng tiến đưa. Chư thiên, rồng, quỷ thần rải hoa, các thứ báu, danh hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng hoa tất cả đều đi theo sau. Vua và dân chúng cũng cùng dường đủ thứ như vậy. Bên trên thì trời người thương tiếc, ca ngợi công đức của Phật, dưới thì dân chúng tiếp tục hát những bài hát buồn. Trời, rồng, quỷ, thần, vua quan, dân chúng cùng một lúc bi ai, xúc động, đau lòng than: ‘Đức Phật diệt độ như vậy, chúng sanh biết nương cậy vào đâu?’

Đoàn tiên đưa đi ra theo cửa thành phía Tây<sup>[178]</sup>, đến điện Châu-lê-ba-đàn<sup>[179]</sup> có giảng đường lớn, họ để kim sàng của đức Phật ở trên giảng đường. Các Thệ tâm, Lý gia, như lời chỉ dạy để lại của đức Phật, dùng gấm mới quấn quanh nhục thân, lấy vải kiếp-ba một ngàn tám quấn chéo nhau ở phía trên, rồi bỏ vào trong cái quan bằng bạc, dùng dầu thơm rải khắp thân Ngài, dùng lọng trời che ở trên. Các Lý gia cùng đưa kim quan xuống khỏi điện, để ở giữa sân, lấy củi chiên-đàn hương, củi mật hương, tử chương và củi chiên chất cao rộng ba mươi trượng. Trời, thần, quỷ, rồng, các vua quan, dân chúng đều lấy hoa hương

tung rải trên củi. Lý gia đốt củi, lửa vẫn không cháy. Họ hỏi tôn giả A-na-luật:

“Vì có gì mà lửa đốt không cháy?”

Đáp:

“Có bậc đệ tử kỳ cựu của đức Phật là tôn giả Đại Ca-diếp, đi khắp nơi để giáo hóa, nay đang trên đường trở về. Tôn giả Đại Ca-diếp dẫn hai ngàn đệ tử cùng với chư thiên nhiều vô số, tất cả đều muốn được nhìn thấy đức Phật một cách trọn vẹn, vì vậy nên khiến lửa không cháy.”

Lý gia thưa:

“Xin vâng theo lời dạy, chờ tôn giả Đại Ca-diếp.”

Lúc này, Đại Ca-diếp đang cùng bốn chúng đệ tử, mỗi chúng là năm trăm người, tạm nghỉ mệt trên con đường trở về.

Có kẻ dị học tên là Ưu-vi<sup>[180]</sup>, từ chỗ đức Phật đi đến, tay cầm một cành hoa trời, tên là Mạn-đà-lặc<sup>[181]</sup>, thấy tôn giả Đại Ca-diếp cùng với hai ngàn đệ tử theo sau. Ưu-vi đến trước tôn giả Đại Ca-diếp đánh lễ, chào hỏi. Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

“Ông từ đâu đi đến đây?”

Thưa rằng:

“Tôi từ nước Na-kiệt đến.”

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

“Ông có biết đức Phật là bậc Đại sư của tôi chăng?”

“Vâng, tôi có biết. Ngài đã diệt độ cách nay bảy ngày. Tôi ở chỗ đó nên có được cảnh hoa trời này.”

Bảy giờ, các đệ tử có người chưa thấy được chân lý, nghe đức Phật diệt độ thấy đều kinh ngạc, hết sức đau buồn than: ‘Tại sao lại như vậy? Chúng sanh biết nương cậy vào ai?’ Có người đã thấy được chơn lý, đã hiểu một cách sâu xa lời dạy của đức Phật, thì nói: ‘Thế gian đều là vô thường, mọi sự thương yêu đều như huyễn mộng, có ai sống mãi đâu!’

Trong chúng Tỳ-kheo có một vị Tỳ-kheo tuổi cao nhưng tâm trí lại tối tăm,

không đạt được Thánh ý, thấy chúng Tỳ-kheo đau lòng, xúc động như vậy thì đứng lại và nói:

“Xin chớ buồn sầu nữa! Lúc đức Thế Tôn còn tại thế, lúc nào cũng răn dạy cấm đoán: đây là điều phi pháp, kia là điều phi nghĩa. Thọ trì cái này, làm như vậy là không trái phạm. Nay Thế Tôn đã qua đời thì chúng ta được tự do, há lại không thích thú sao?”

Chúng Tỳ-kheo đều cho lời nói như vậy là sai, nên cùng nhau thưa với trời. Trời bèn nắm Tỳ-kheo già ấy bỏ ra ngoài chúng. Tôn giả Đại Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lên đường gấp.”

Bốn chúng đệ tử, vô số trời, người đều buồn khóc mà đi, cùng đến chỗ đức Phật, nhiễu quanh điện ba vòng, cung kính đánh lễ, đau đớn thương tiếc. Tôn giả Đại Ca-diếp nhìn thật kỹ vào kim quan của đức Phật, trong lòng tự nghĩ: ‘Ta trở về trần, không thấy được Thầy ta. Chẳng biết đâu, chân của đức Thế Tôn ở chỗ nào?’ Đức Phật bèn đáp lại bằng cách duỗi hai chân ra ngoài. Tôn giả Đại Ca-diếp liền áp nhẹ đầu mặt mình vào chân đức Phật, ca ngợi công đức của đức Phật bằng bài kệ:

Ngài vì không 'sinh, già',

Và cũng không 'già, chết';

Ngài vì không tụ hội,

Không cùng kẻ ghét chung;

Ngài cũng vì không đề  
Yêu thương mà ly biệt;  
Nên mới cầu phương tiện,  
Để đạt đến chỗ này.

Ngài vì năm ấm này,  
Rốt ráo không tái thọ;  
Cũng không còn tạo tác,  
Để thọ năm ấm ấy.

Vì chấm dứt khổ đau,  
Và trừ luôn gốc hữu;  
Nên mới cầu phương tiện,  
Khiến đạt được như vậy.  
Phật vì đoạn thế gian,



Ái dục đã trừ sạch;  
Nên gọi là Nhẫn nhục,  
Bỏ phiền não thế gian.  
Phật vì tự an lạc,  
Cùng an ổn thế gian;  
Cho nên con chấp tay,  
Cung kính đánh lễ Phật.  
Pháp Phật đã giảng nói,  
Là nguồn sáng thế gian;  
Phật Chí Tôn chỉ nẻo,  
An ổn không chương ngại;  
Cũng hóa độ muôn loài,  
Khiến không còn già, chết.

Vì sao người thế gian,  
Lại không thọ ân Phật?  
Trăng sáng trên bầu trời,  
Để phá tan đêm tối.  
Mặt trời chiếu trên không,  
Để soi sáng ban ngày;  
Điện xẹt trên trời cao,  
Để chiếu soi mây sáng.  
Hào quang Phật chiếu ra,  
Để sáng soi ba cõi;  
Tất cả các sông ngòi,  
Sông Côn-lôn hơn hết.  
Tất cả vùng nước lớn,

Biển cả là lớn nhất;  
Tất cả ngôi sao sáng,  
Mặt trăng là sáng nhất.  
Phật là mắt thế gian,  
Tối tôn trong trời đất;  
Phật vì cứu độ đời,  
Vì ban bố phước đức;  
Phật chỉ dạy, giáo hóa,  
Đến nay đã phân minh.  
Do vậy mà hôm nay,  
Đệ tử Phật thọ, hành;  
Tất cả trời và người,  
Cung kính cùng đánh lễ.

Tôn giả Đại Ca-diếp tán thán đức Phật xong, thì trời, thần, quỷ rồng, vua quan, dân chúng đều đánh lễ nơi chân Phật. Sau đấy thì hai chân Phật thu vào kim quan trở lại. Trời, người, quỷ, rồng thấy vậy thấy đều nức nở, thương tiếc. Tôn giả Đại Ca-diếp và các Tỳ-kheo cùng nhau thăm hỏi, chia buồn. Các Thệ tâm, Lý gia bèn đốt lửa trà-tỳ. Chư thiên tung rải hương hoa, đều nói rằng: ‘Vì sao chúng sanh lại cùng khốn như thế này?’

Hào quang của đức Phật thường chiếu thẳng lên cõi trời thứ bảy là cõi Phạm thiên. Những chỗ tối tăm, khuất kín trong mười phương, nơi mà chúng sanh không nhìn thấy nhau được, nhờ hào quang của đức Phật cùng lúc sáng

rực nên hân hoan nói: ‘Ánh sáng ở đâu thế?’

Các Lý gia bàn bạc, khi nhục thân của đức Phật đã cháy xong, họ liền lấy nước hoa rưới lên cho lửa tắt, rửa sạch xá-lợi, đựng đầy trong bát bằng vàng. Y trong và ngoài của đức Phật vẫn còn nguyên như cũ. Trong khi vải kiếp-ba quần quanh thân Ngài đều cháy hết. Họ lấy bát chứa xá-lợi để trên kim sàng rồi đưa vào cung, đặt trên chánh điện. Trời người tung rải hoa, ca nhạc, đốt đèn đi bộ quanh thành, đèn thấp sáng trên mặt đất đến mười hai dặm. Tôn giả A-nan nói với tôn giả A-na-luật:

“Cám ơn các vị trời, rồng, xin chư vị hãy trở về nơi chốn của mình.”

Trời, rồng, quỷ, thần đều rơi nước mắt, thưa:

“Mặt trời, mặt trăng của ba cõi đã mất. Thế gian sẽ mãi bị tăm tối. Lễ an táng sắp dứt hay còn kéo dài trong bao lâu nữa? Dân chúng đông đảo như muốn đuổi gấp chúng ta đi. Vậy chúng ta làm gì bây giờ?”

Đáp:

“Dân chúng nhao nhao muốn dâng hoa hương, vậy chư vị nên tạm thời trở về, để dân chúng được giải bày tâm lòng của mình.”

Đế Thích hỏi tôn giả A-na-luật:

“Ngày nào thì sẽ dựng tháp của đức Thế Tôn?”

Tôn giả A-na-luật hỏi tôn giả A-nan.  
Tôn giả A-nan thưa:

“Sau chín mươi ngày, sẽ chọn ở giữa ngã tư đường dựng tháp, lập đàn tràng.”

Chư thiên đồng nói:

“Vì duyên có gì chờ đến chín mươi ngày?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Bốn chúng đệ tử còn ở xa, họ đang vội vã trở về để mong được nhìn thấy xá-lợi của đức Phật.”

Bấy giờ, chư thiên cùng một lúc cung kính lễ bái. Đế Thích đi trước, chư thiên theo sau, nhiễu quanh chánh điện ba vòng, buồn khóc trở về.

Hai vạn Tỳ-kheo lo việc gìn giữ xá lợi của Phật. Lại cảm tạ quốc vương, xin vua trở lại cung. Vua và các quan lễ bái lần nữa buồn bã nhiều quanh chánh điện ba vòng rồi trở về cung. Nhà vua bảo các phu nhân, thê nữ đều phải phụng trì giới cấm trong suốt chín mươi ngày. Các Thệ tâm, Lý gia cũng thực hành trai giới trong thời gian ấy. Dân chúng khắp bốn phương xa đều nghe đức Phật đã diệt độ.

Bốn chúng đệ tử ở nước Cưu-di<sup>[182]</sup>, đều mang theo hương hoa để cúng dường. Ai nấy đều khóc thương sâu thẳm, chật ních đường xá. Họ nhiều quanh chánh điện ba lần, cúi lạy dưới đất, giậm chân thương tiếc, than thở: ‘Tại sao lại như thế này?’ Các vị vua ở



cách xa trong vòng ngàn dặm thì cùng đi với Thái tử. Các vị vua ở ngoài ngàn dặm thì sai Thái tử đốc suất dân chúng cùng đi đến chỗ đức Phật, nhiễu quanh chánh điện, tiếc thương, dâng hoa hương cúng dường. Ai đến trước thì về trước, ai đến sau thì về sau.

Các Tỳ-kheo đồng hỏi tôn giả A-nan:

“Phương pháp an táng cúng dường xá-lợi như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Nên đi về hướng Đông, cách thành ba mươi dặm, ở đây có thôn Vệ-trí<sup>[183]</sup>, sẽ đến chỗ ngã tư đường trồng trái lập tháp, dựng đàn tràng, lấy ngọc làm ngói, viên ngói mỗi bề rộng ba thước, tháp cao rộng mười lăm thước, xá-lợi

đựng trong bát vàng để ngay chính giữa. Dựng tháp xong thì lập đàn, treo cờ phướn trên cao, thắp hương đốt đèn, quét sạch, rải hoa, dùng mười hai bộ nhạc, sáng tối tấu lên để cúng dường. Các Thệ tâm, Lý gia hãy cùng nhau lo hoàn thành bảo tháp để Phạm vương, Đế Thích, quý, rồng, vua quan và dân chúng tiền đưa xá lợi Phật.”

Lý gia cung kính vâng lời, làm đúng như lời chỉ dẫn của tôn giả A-nan.

Tôn giả Đại Ca-diếp, các bậc A-la-hán và tôn giả A-na-luật cùng nhau bàn luận: Ba mươi vạn dân chúng, vua và các quan hiện tại khi mạng chung sẽ được sanh lên chỗ của Ngài Di-lặc<sup>[184]</sup> tại trời Đâu-thuật. Khi đức Di-lặc thành

Phật, thuyết giảng kinh lần thứ nhất, có chín mươi sáu ức Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán. Ngài Di-lặc sẽ thuyết giảng kinh cho các chúng sanh rằng: ‘Các thần thông này đều là của đức Phật Thích-ca Văn!’ Bây giờ làm tháp thì hãy treo cờ phướn, thắp hương, đốt đèn, thực hành đúng theo giới pháp của Phật, công việc này đều giao cho thanh tín sĩ và thanh tín nữ vậy.

Tôn giả Đại Ca-diếp và A-nan cùng các vị A-la-hán luận bàn tiếp: ‘Vua nước Cưu-di sau khi mạng chung sẽ sanh về đâu?’. Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

“Vua nước ấy mạng chung sẽ sanh lên cõi trời thứ mười hai là Thủy vi<sup>[185]</sup>”.

Sau khi đức Di-lặc hạ sanh, thành Phật, ông ấy sẽ có tên là Tu-đạt<sup>[186]</sup>, tạo dựng cung điện cho Phật Di-lặc, nhà giảng dạy đạo<sup>[187]</sup>, như tinh xá Văn Vật<sup>[188]</sup>, vườn Cấp-cô-độc. Y phục, thức ăn uống, thuốc men chữa bệnh luôn cúng dường đầy đủ cho Tỳ-kheo tăng.”

Tôn giả A-nan hỏi tôn giả Đại Ca-diếp:

“Quốc vương nước Cưu-di tại sao không ở chỗ đức Phật Di-lặc mà chứng đạo quả Ứng chơn?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

“Tâm dục của vua ấy chưa nhàm chán đối với các khổ của sanh, lão, bệnh, tử, buồn sầu cho nên không đạt được đạo quả Ứng chơn vậy.”

Tôn giả Đại Ca-diếp nói với A-nan:

“Ai không nhàm chán đối với bao nỗi khổ, lo của sanh tử thì rốt cuộc chẳng chứng đắc đạo.”

Tôn giả A-nan nói:

“Tôi đã nhàm chán nó từ lâu rồi, tại sao không đắc đạo?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

“Tôn giả chỉ vâng giữ giới luật mà không tư duy về trong, ngoài thân, tư duy về sự ô uế của thân chuyển biến theo dòng sanh tử nên chưa đạt được.

Có tám nước ở ngoài biên giới<sup>[189]</sup> nước Cưu-di nghe tin đức Phật đã diệt độ, xá-lợi hiện đang được lưu giữ tại nước Cưu-di, tức thì họ đều huy động

quân binh kéo đến đòi chia phần xá-lợi.  
Vua nước Cưu-di nói:

“Đức Phật đã ngự tại nước tôi, nay Ngài đã diệt độ, thì tôi sẽ lo việc cúng dường. Các vị từ chốn xa xôi khổ nhọc tới đây mong được chia phần xá-lợi, điều đó không thể được.”

Tám vị vua kia đáp:

“Chúng tôi thành thật mong muốn được chia phần xá-lợi. Nếu ông không chia cho chúng tôi, chắc chắn chúng tôi phải ra lệnh cho quân binh chống cự để đoạt lấy.”

Trời Đế Thích thấy tám vị vua cùng nhau tranh cãi để được phần xá-lợi đem về nước cúng dường, liền hóa thành một vị Phạm chí tên là Truân-khuất<sup>[190]</sup>,

chấp tay đến trước chỗ tám vị vua để giải thích:

“Xin cho tôi nói một lời: Lúc đức Phật còn tại thế, các vua luôn phụng hành, tôn kính lời dạy của Ngài là phải luôn từ bi. Phạm là bậc chủ của muôn dân thì không nên tranh chấp mà nên thực hành bốn sự bình đẳng, chia đều xá-lợi của Phật ra, khiến cho các nước đều có bảo tháp, để khai mở sự tối tăm của dân chúng, giúp họ được biết có Phật, lấy đó làm giềng mối ngõ hầu đạt được phước đức lớn lao.”

Trời, thần, quỷ, rồng, các vua và dân chúng cùng nhau khen ngợi:

“Lành thay, Truân-khuất! Ngài đã rộng thí phước điền cho chúng sanh.”

Vậy là họ cùng nhau nhờ Truân-khuất chia xá-lợi ra làm tám phần bằng nhau. Truân-khuất tự lấy bát vàng của cõi trời, bên trong bát dùng đường mía<sup>[191]</sup> bôi lên để chứa xá lợi, mỗi vua một phần. Các vua được xá-lợi rồi thì buồn vui lẫn lộn, đều lấy hương hoa, cò phướn bằng tơ năm sắc, thắp hương đốt đèn, sáng tối tấu nhạc. Truân-khuất cung kính xin số mật xá-lợi còn lại ở trong bình để đem về lập tháp thờ. Các vua đồng ý cho, ông liền bỏ xá-lợi vào bình. Bấy giờ có một đạo sĩ tên là Hoàn-vi<sup>[192]</sup> cũng đến chỗ vua để xin xá-lợi. Vua bảo:

“Đã phân chia hết cả rồi, hiện chỉ còn số cháy thành than, nên tự mình đến đó mà lấy.”



Ông đạo sĩ liền đến chỗ trà-tỳ lấy phần cháy thành than xong thì dùng hương hoa cúng dường. Lại có người ở vùng Già-ca-kiệt<sup>[193]</sup> cũng tới để xin xá-lợi. Nhà vua bảo là đã phân hết rồi, chỉ còn có phần tro thôi. Người ấy liền đến lấy phần tro kia thờ cúng trong chín mươi ngày.

Tôn giả Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên cùng nhau bàn bạc: ‘A-nan theo hầu Phật rất lâu, riêng được gần gũi với đức Phật. Những gì đức Phật đã giáo hóa, nêu giảng, chỉ dạy rộng khắp, A-nan đều ghi nhớ kỹ trong tâm, không chỗ nào là không hiểu rõ. Chúng ta hãy nhờ A-nan đọc tụng lại pháp luật để đại chúng dựa theo đây mà lãnh hội, ghi chép.’

Tỳ-kheo Tăng cũng cùng nhau bàn luận: ‘A-nan chưa chứng đạo quả sợ còn có tâm tham, che giấu những chỗ ý nghĩa vi diệu, không chịu nói hết.’

Có những Tỳ-kheo Tăng thì bảo: ‘Nên tạm lập ra một tòa cao, chư thánh vân tập, các vị Tỳ-kheo tăng nhân đó nêu câu hỏi, trên dưới ba lần, hỏi về chỗ cốt yếu của kinh thì mới có thể biết được sự thành thật.’

Vua nước Cưu-di lập bảo tháp để thờ Phật, lại xây phòng ốc, thiên thất rộng rãi đẹp đẽ để chứa ba ngàn Tỳ-kheo ở trong đó tụng kinh, tọa thiền. Nhà vua sai vị đại thần tên là Ma-nam đem ba ngàn binh lính luân phiên lo canh gác bảo tháp. Tôn giả Đại Ca-diếp và tôn

giả A-na-luật cùng báo cho các Tỷ-kheo tăng là sẽ kết tập kinh luật của Phật là bốn bộ A-hàm. Tôn giả A-nan theo hầu Phật, một mình luôn được gần gũi với đức Phật. Đức Phật vì sự phóng túng không biết kiềm chế của chúng sanh nên tạo ra một bộ A-hàm; vì những người hung dữ nóng giận, bội nghịch, nên tạo ra một bộ A-hàm; vì hạng người ngu si tăm tối, xa lìa đường chánh nên tạo ra một bộ A-hàm; vì những người bất hiếu với cha mẹ, xa lìa các bậc hiền thiện, không ghi nhớ ân sâu của Phật nên không lo báo đền, do đó tạo thành một bộ A-hàm.

Chúng Sa-môn thưa:

“Chỉ có tôn giả A-nan là bậc biết rõ về bốn bộ A-hàm, cho nên phải nhờ tôn giả đọc tụng.”

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

“Tôn giả A-nan chưa chứng đạo quả, sợ còn có ý tham không nói hết các kinh.”

Chúng Tỳ-kheo thưa:

“Hãy đem việc trước đây để chất vấn tôn giả A-nan. Nên mời tôn giả A-nan lên chỗ ngồi cao, các bậc hiền thiện ở dưới nêu hỏi về kinh.”

Mọi người đều nói:

“Lành thay! Rất hợp với việc lớn.”

Các Sa-môn trị sự liên hợp thánh chúng giục tôn giả A-nan ra mắt. Thánh chúng đều an tọa, mời tôn giả A-nan tiến lên mau. A-nan bước lên, cung kính đánh lễ Thánh chúng.

“Người nào được quả Ứng chơn Sa-môn thì vẫn ngồi như cũ. Người nào chưa đắc quả Ứng chơn thì hãy đứng dậy.”

Sa-môn trị sự mời tôn giả A-nan lên ngồi trên tòa cao ở chính giữa. A-nan từ chối, nói:

“Đó không phải là chỗ ngồi của tôi.”

Thánh chúng đều nói:

“Vì để đọc tụng kinh Phật nên mời tôn giả ngồi ở chỗ ấy, nhằm nói lại

giáo pháp tối thượng của đức Phật mà ngài được lãnh hội cho chúng tăng nghe.”

A-nan liền ngồi. Chúng Hiền thiện hỏi:

“Tôn giả có bảy điều lỗi lầm, vậy tôn giả có biết chăng? Đức Thế Tôn lúc còn tại thế đã bảo: ‘An vui thay trong cõi Diêm-phù-đề!’ Vậy mà ngài vẫn cứ làm thính không đáp<sup>[194]</sup>.”

Vị Sa-môn trị sự gọi A-nan. A-nan liền đáp:

“Phật là bậc Thánh tôn vô lượng Chánh đẳng giác, há lại không được tự tại hay sao mà phải chờ tôi nói? Giả sử đức Phật còn trụ thế trong một kiếp, thì

đức Di-lặc Chí Tôn làm sao mà sớm được thành Phật?”

Thánh chúng im lặng. A-nan thì không sợ hãi. Thánh chúng cùng nói:

“Xin ngồi lại chỗ cũ để biết giáo pháp mà ngài tuyên đọc tụng cùng với chánh pháp mà đại chúng được lãnh hội là giống nhau, không gì hơn là xin mời ngài ba lần lên tòa đọc tụng chánh pháp.”

Tôn giả A-nan ba lần xuống tòa, rồi lại lên tòa nói:

“Y-diệm ma tu-đàn. Y-diệm ma tu-đàn<sup>[195]</sup> là: ‘Tôi nghe từ Phật.’ Các Tỷ-kheo tăng nghe lời nói mở đầu của tôn giả A-nan: ‘Y-diệm ma tu-đàn’, ‘Tôi nghe từ Phật’, tất cả đều nghẹn ngào

nức nở, nói: ‘Biết làm sao đây?’ Đức Phật mới đây vẫn còn tại thế mà nay lại nói: ‘Tôi từ Phật nghe như vậy.’

Trời, thần, quỷ, rồng, đế quan và muôn dân, bốn chúng đệ tử, không ai là không thương tiếc.

Tôn giả Đại Ca-diếp tuyên chọn trong chúng Hiền Thánh được bốn mươi vị A-la-hán<sup>[196]</sup>, theo tôn giả Anan để nghe tụng đọc về bốn bộ A-hàm: mỗi bộ A-hàm sáu mươi xấp lựa<sup>[197]</sup>. Chép kinh chưa xong, ở trong miếu thờ Phật tự nhiên sanh ra bốn cây danh mộc. Một cây tên là Ca-chiên, một cây tên là Ca-tử-diên, một cây tên là A-hóa, một cây tên là Ni-câu-loại<sup>[198]</sup>.”



## Các Tỳ-kheo tăng nói:

“Chúng ta đem tâm từ bi chép bốn bộ A-hàm, tự nhiên sanh ra bốn cây thần diệu. Bốn bộ A-hàm chính là cây đạo<sup>[199]</sup> của đức Phật. Do đó phải cùng nhau hết lòng giữ gìn. Giới của Tỳ-kheo tăng gồm có hai trăm năm mươi giới thanh tịnh. Giới của Tỳ-kheo ni gồm có năm trăm sự. Giới của Ưu-bà-tắc gồm có năm. Giới của Ưu-bà-di gồm có mười<sup>[200]</sup>. Khi chép kinh xong, các Tỳ-kheo tăng mỗi người phải tự thực hành kinh giới, cùng nhau trao truyền giáo hóa cho đến ngàn năm. Trong ngàn năm ấy, có người giữ đúng giới nên được ở chỗ của Phật Di-lặc là cõi trời thứ tư<sup>[201]</sup>. Đức Thế Tôn Di-lặc sẽ vì chư thiên giảng nói kinh pháp.

Nay, trong chúng hội đều là những người trì giới của đức Phật Thích-ca Văn, tương lai sẽ sanh đến cõi ấy. Đức Phật Di-lặc nói: ‘Các vị hãy siêng năng tinh tấn thực hành đầy đủ những điều khó làm, nhiều ít cũng phải thọ trì giới luật. Sau khi Phật đã Nê-hoàn<sup>[202]</sup> hãy tạo tám miếu thờ<sup>[203]</sup>. Cái thứ chín là tháp thờ cái bình chứa xá-lợi. Cái thứ mười là tháp thờ phần xá-lợi vụn thành than, tháp mười một là tháp thờ tro dư.’

Kinh nói<sup>[204]</sup>: ‘Đức Phật đản sinh là ngày mùng tám tháng tư, ngày mùng tám xuất gia, ngày mùng tám đắc đạo, ngày mùng tám diệt độ. Ngài xuất gia học đạo, vào tháng sao Phất<sup>[205]</sup>. Ngài thành đạo vào tháng sao Phất. Ngài Bát Nê hoàn, vào tháng sao Phất<sup>[206]</sup>.’ Cỏ

cây đều sanh hoa lá, cây cối khắp cả nước đều lại xanh tốt um tùm. Đức Phật đã Bát-nê-hoàn rồi, vị Thiên trung Thiên của ba cõi, ánh hào quang đã tắt, tắt cả muôn loài trong mười phương đều tự quy y Phật<sup>[207]</sup>.”

---

[1]. Bản Hán, *Phật Bát-nê-hoàn kinh*, Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ dịch, Đại I, No. 5, tr. 160b- 168a. Tham chiếu, *Phật thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 2. Hậu Tần Hoảng thỉ niên Phật-đà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch (Đại I, No. 1(2) tr. 11a-16b.)

[2]. Bản Hán: Quyển thượng, No. 1(2) sđd.: 'Đệ nhất phần Du hành kinh đệ nhị, sơ'

[3]. Hán: Văn như thị 聞如是.

[4]. Diêu sơn, 鷲山 (núi Kên kên); No. 1(2) sđd.: Kỳ-xà-quật, 耆奢崛.

[5]. Hán: Vương-xá quốc, 王舍國; No. 1(2) sđd.: La-duyệt thành, 羅閱城; hay La-duyệt-kỳ, 羅閱祇, tức thành Vương-xá, thủ phủ nước Ma-kiệt-đà vào lúc bấy giờ.

[6]. Ma-kiệt, 摩竭.

[7]. A-xà-thế, 阿闍世; No. 1(2), cũng vậy.

[8]. Việt-kỳ, 越 祇; No. 1(2) sđd.: Bạt-kỳ, 跋 祇, tên một thị tộc, nhà nước thị tộc, vào lúc bấy giờ.

[9]. Vũ-xá, 雨 舍; như No. 1(2).

[10]. Thệ Tâm, 逝 心; No. 1(2) sđd.: dòng dõi Bà-la-môn, 婆 羅 門.

[11]. Hán: Cấp-tật Thần xá, 急 疾 神 舍; xem cht. 91. Trong bản Pāli, Phật giảng bảy pháp bất thối này cho những người Vajjī tại miếu thần Sāranda.

[12]. Hán: vô thủ vô nguyện 無 取 無 願. So sánh Pāli: apaññattam na paññāpentī, “không thiết chế điều không được thiết chế.”

[13]. Hán: thừa thiên tác địa 承天則地.

[14]. Hán: ứng chơn, 應真 chỉ Thánh giả A-la-hán.

[15]. Hán: Giới pháp, 戒法; No. 1(2) sđd.: bất thối pháp, 不退法; có bảy pháp bất thối của quốc vương, và bảy pháp bất thối của Tỳ-kheo.

[16]. Pháp khả cửu, 法可久; No. 1(2) sđd.: Pháp bất khả hoại, 法不可壞.

[17]. Hán: thượng hạ tương thừa dụng khởi tọa 上下相承用起坐; văn Hán tối nghĩa; có lẽ Pāli chuẩn: sakkaroti garukaroti māneti pūjeti: cung kính, tôn trọng, thừa sự, cúng dường.

[18]. So sánh Pāli: (...) uppannāya tanhāya ponobhavikāya na vasam gacchanti, “các Tỳ-kheo không bị chi phối bởi khát ái dẫn đến tái sinh đời sau...”

[19]. Hán: ngũ diệt 五 滅 (?)

[20]. Hán: kính úy thừa dụng 敬 畏 承 用, xem cht. 17.

[21]. Hán: nhập giả 入 者.

[22]. Hán: tha sự 他 事, việc của người khác.

[23]. Hữu vi 有 為, đây chỉ pháp thế gian, hay chuyện thế sự. Tham chiếu Pāli: (...) na kammārāmā bhavissanti.

[24]. Hán: *bất đầu dư hành* 不投餘行: không bị lôi cuốn bởi các hành hữu dư, tác thành đời sống khác; đưa đến tái sinh. Tham chiếu Pāli: na pāpicchā bhavissanti na pāpikāṇaṃ icchānaṃ vasaṃ gatā.

[25]. Bảy pháp này, giữa hai bản No. 5 và No. 1(2) hoàn toàn không giống nhau.

[26]. Hán: kinh giới 經戒, chỉ Thánh giới.

[27]. Hán: kinh pháp 經法, chỉ Thánh Pháp.

[28]. No. 2 và No. 1(2) sđd.: có một vài chi tiết giống nhau, ngoài ra hoàn toàn khác nhau.



[29]. Hán: bắt đắc hạ đạo 不得下道; có lẽ Pāli: na oramattakena (...) āpajjanti.

[30]. Xem cht. 17.

[31]. Hán: kinh 經, đây chỉ giáo pháp của Phật.

[32]. Hán: đương dữ thân cạnh 當與身競.

[33]. Hán: lục tình 六情, hay lục trần, chỉ sáu ngoại cảnh.

[34]. Hán: đương dữ tâm tránh 當與心諍, “hãy cãi nhau với tâm.”

[35]. Văn đủ có lẽ là Tỳ-kheo tăng ngôn thọ giáo 比丘言受教 như các đoạn trước.

[36]. Hán: *trừ cần* 除飡, “trừ sự đói kém.” Pāli: *dubhikkha* (?), cùng ngữ nguyên với *bhikkhu*: tỳ kheo.

[37]. Xóm Ba-lân, 巴鄰; còn gọi là Ba-liên-phát, 波連弗; hay Hoa-thị thành, 華氏城. No. 1(1): Phật khởi hành từ Ma-kiệt-đà đi đến Ca-lan-đà Trúc viên; rồi từ đây đi tiếp đến Ba-lăng-phát. Trong bản Pāli, Phật từ Rājagaha đi Ambalatthika; từ đây đi đến Nalanda, trú trong rừng Pāvārikambavana; rồi từ đây đi đến Pātaligāma (Ba-lăng-phát).

[38]. La trí, 羅致 (?), có lẽ là Ambalatthi trong bản Pāli; nhưng tại đây Phật giảng về thành tựu của giới-định-tuệ, chứ không giảng về bốn sự khổ như trong bản Hán này.

[39]. Hán: tứ thông, 四痛.

[40]. Nguyên văn Hán: Chư sở ác kiến nhứt tại mục tiền, 諸所惡見日在目前; đây muốn nói đến điều mà thành ngữ Hán Phật thường gọi là oán tắng hội khổ: phải hằng ngày tụ hội với những gì mình ghét. Trong tám khổ, đây chỉ kể bốn khổ tự nhiên, và chỉ thêm hai khổ xã hội: xa lìa người mình yêu, chung đụng với người mình ghét.

[41]. La-trí 羅致, No. 1(2), Phật từ Trúc Viên 竹園 đi đến Ba-liên-phát.

[42]. Ba lân, 巴鄰; No. 1(2), Ba-lăng-phát, 波陵弗. Xem cht. 25.

[43]. No. 5, Quỷ thần, 鬼神; bản No. 1(2) không có.

[44]. No. 5, thệ tâm lý gia, 誓心理家; chỉ Bà-la-môn và cư sĩ (hay gia chủ); xem cht. 10. No. 1(2): Thanh tín sĩ, 清信士. Tham chiếu Pāli: assosum kho pāṭaligāmikā upāsakā, “các ưu-bà-tắc thôn Pāṭaligāma nghe đồn rằng.”

[45]. Tham chiếu Pāli: paññcime gahapatayo ādīnavā dussīlassa sīlavipattiyā, “Này các gia chủ, có năm điều tai hại cho những ai ác giới, phá giới.”

[46]. A-vệ, 阿衛; chưa rõ địa danh này.

[47]. Hiền Thiện thần, 賢善神; có lẽ chỉ chủng loại, chứ không phải tên

riêng. Các bản khác không có chi tiết này.

[48]. Tứ phần dã, 四分野 tức tọa đời trời, thuật ngữ thiên văn Trung quốc.

[49]. Hán: nhân ý 仁意, chưa xác định được ý nghĩa gì.

[50]. Hán: tiểu thực, 小食. Chính xác là ngộ thực. Phật và chúng Tăng chỉ dùng một bữa (nhất tọa thực).

[51]. Hán: huyện quan 縣官.

[52]. Hán: quan bất khả hữu tham tâm, khốc tâm, tiến tâm, lạc tâm, khuyến tâm 官不可有貪心 酷心 進心 樂心 勸心.

[53]. Phậ thành môn 佛城門; No. 1(2): Cù-đàm môn, 瞿曇門.

[54]. Phậ khô, 佛溪; No. 1(2): bến đò mà Phậ đi qua được đặt tên là “bến Cù-đàm 瞿曇渡”.

[55]. Câu-lân, 拘鄰; No. 1(2): Câu lị, 拘利.

[56]. Hán: dĩ tuệ ưu thân 以慧憂身, ý nói, hãy quán sát thân bằng trí tuệ.

[57]. Hán: lạc độc 樂獨, ưa sự độc tôn hay độc cư.

[58]. Hán: Hỷ dự quốc, 喜豫國; No. 1(2): Na đà thôn, 那陀村.

[59]. Kiền đề thọ, 揅提樹; No. 1(2):  
Kiền chùy xứ, 揅椎處, Pāli:  
Ginjakāvasatha , ngôi nhà gạch.

[60]. Ưu-bà-tắc, 優婆塞; Skt.:  
Upāsaka; No. 1(2) sđd.: Cư sĩ, 居士;  
Pāli: Gaha-pati; Skt.: Grha-pati.

[61]. Danh sách mười vị Ưu-bà-tắc ở  
nước Hỷ dự: Huyền Điều, 玄鳥, Thời  
Tiên 時仙, Sơ Động 初動, Thúc Hiên  
式賢, Thục Hiên 淑賢, Khoái Hiên 快  
賢, Bá Tông 伯宗, Kiêm Tông 兼尊,  
Đức Cử 德舉, Thượng Tịnh 上淨.  
Danh sách mười hai vị cư sĩ ở Na-đà,  
theo No. 1(2): Già-già-la 伽伽羅 ,  
Gia-lăng-gia 加陵加, Tỳ-già-đà 毗伽  
陀 , Già-lị-thâu 伽梨利輸 , Giá-lâu

遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tầu-bà-đầu-lâu 藪婆頭樓, Đà-lê-xá-nậu 陀梨舍耨, Tầu-đạt-lê-xá-nậu 藪達利舍耨, Da-thâu 耶輸, Da-thâu-đa-lâu 耶輸多樓.

[62]. Bất hoàn, 不還; đây chỉ các cư sĩ đã chứng quả Bất hoàn, sau khi chết sinh lên cõi trời Tịnh cư, và nhập Niết-bàn ở đó.

[63]. Chính xác, chỉ trấn áp, làm cho vơi mỏng đi, chứ chưa diệt trừ hoàn toàn.

[64]. Câu-cảng, 溝港, nghĩa đen: “ngòi rãnh” tức đạo quả Dự-lưu 預流, hay Tu-đà-hoàn.



[65]. Ứng-chơn, 應真, còn gọi là A-la-hán, 阿羅漢, chúng A-ha-hán và nhập Niết-bàn trên các tầng trời Tịnh cư.

[66]. Nguyên Hán: phân-vệ 分衛, phiên âm, Pāli: piṇḍapāta.

[67]. Hán: si 癡, tức vô minh.

[68]. Nguyên Hán: *tự sắc* 字色.

[69]. Nguyên Hán: *tài* 裁, “trông trọt.”

[70]. Hán: thông 痛, “đau nhức.”

[71]. Hán: cầu 求, “mong cầu (hay tìm cầu).”

[72]. Hán: hợp đại khổ ám đọa tập 合大苦陰墮習.

[73]. Duy-da-lê quốc, 維耶梨國; No. 1(2), Tỳ-xá-ly, 毗舍離, hoặc Tỳ-da-ly, 毗耶離.

[74]. Nại viên, 柰園 (vườn xoài, có chỗ nói là vườn táo); đây chỉ khu vườn của kỹ nữ Am-bà-bà-lê, hay Am-ma-la. No. 1(2) .: tại Tỳ-da-ly, Phật ngồi dưới một gốc cây. Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đến nghe Pháp. Sau đó quy y và cúng khu vườn sở hữu cho Phật.

[75]. Nại nữ, 柰女; No. 1(2) sđd.: Am-bà-bà-lê, 菴婆婆梨, âm khác: Am-bà-ba-lị, 菴婆波利, Am-bà-la-bà-lị, 菴婆羅婆利, Am-bà-la, 菴婆羅 ; Pāli: Ambapāli-ganikā .

[76]. Hán: kiến lực 見力, tức Pāli: vipassana.

[77]. Văn dịch không rõ ràng. Nhưng, trên đây là bài giảng về việc Tỳ-kheo tu tập sống trong chánh niệm, chánh trí, bằng cách tu bốn niệm xứ: quán nội ngoại thân, v.v... Bài giảng có mục đích khiến các Tỳ-kheo nhiếp tâm để sẽ khỏi bị sắc đẹp của kỹ nữ Am-bà-bà-lê tác động.

[78]. Lý gia, 理家 tức gia chủ; gần âm với, No. 1(2), Lê xa, 隸車 một bộ tộc hùng mạnh vào lúc bảy giờ, thủ phủ ở Tỳ-xá-ly. Xem cht. 10 và 44.

[79]. Tân tự, 賓白 (?); No. 1(2) sđd.: Tịnh ký 并暨 (?)

[80]. Tần lai, 頻來, Nhất lai, 一來 (dịch âm: Tư đà hàm, 斯陀含), “người chỉ tái sinh dục giới nhiều lần (chính xác: một lần nữa) trước khi đắc quả A-la-hán và nhập Niết-bàn.

[81]. Ở trên là Tứ quả Sa-môn, 四果沙門: Dự lưu, Nhứt lai, Bất hoàn, A-la-hán (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán) là quả vị tu đạo của các hàng Thanh văn tiểu thừa Phật giáo.

[82]. Nguyên Hán: phản phục 反復, có lẽ mượn chữ kinh Dịch, quẻ Phục: phản phục chi vị đạo 反復之謂道, “đi rồi trở lại, đó là Đạo.”

[83]. Hán: bất cảm vọng triệu hô 不敢妄招呼, có lẽ muốn nói “không bị ma quỷ ám ảnh hay quấy nhiễu.”

[84]. Thệ tâm lý gia, tức Bà-la-môn cư sĩ, hay gia chủ Bà-la-môn. Xem cht. 10.

[85]. Trúc phương, 竹芳; No. 1(2) sđd.: Trúc lâm, 竹林.

[86]. Sa-la-đề, 沙羅提; No. 1(2) sđd.: đến hai nước, Tỳ-xá-ly 毗舍離, Việt kỳ 越祇.

[87]. Hán: kinh giới 經戒, chỉ Pháp và Luật.

[88]. Bất-tưởng-nhập, 不想入, tức phi tướng phi phi tướng xứ.

[89]. Xem cht. 52.

[90]. Duy-da-lê, 維耶梨; No. 1(2) sđd.: đi đến tháp Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔.

[91]. Hán: Cấp-tật thần thọ hạ, 急疾神樹下 (xem cht.4), có lẽ muốn nói là gốc cây ở gần tháp Giá-bà-la. Pāli: Cāpāla-cetiya . No. 1(2) sđd.: không có tên này.

[92]. Nguyên văn: tư duy âm phòng chi sự, 思惟陰房之事, nghĩa đen: “suy nghĩ về căn buồng bị che tối.” Ý muốn nói, A-nan bị Ma-vương che lấp tâm trí nên không biết thỉnh Phật trụ thế lâu hơn. No. 1(2) sđd.: Ma sở tế, 魔所蔽.

[93]. Có sự nhầm lẫn trong bản Hán dịch này. Thay vì là Ma Ba-tuần nói câu này, chứ không phải A-nan .

[94]. Danh sách các địa phương Phật đi qua và khen ngợi vẻ đẹp của chúng như là báo hiệu Ngài sắp nhập Niết-bàn: Việt-da quốc 越耶國, Danh-phù-phát 名浮沸, Diêm-phù-lợi 閻浮利, Việt-kỳ 越祇, Giá-ba quốc 遮波國, Tát thành 薩城, Ma kiệt 摩竭, Uất-đề 鬱提, Tây-liên-khê 醯連溪, Xuất-kim sơn 出金山. So sánh liệt kê của bản Pāli: thành Vesāli, miếu Udena, miếu Gotamaka, miếu Sattambaka, miếu Bahuputta, miếu Sārandada, miếu Cāpala. No. 1(2) không nêu danh sách này.

[95]. Hán: *ngũ sắc* 五色; đây không chỉ màu sắc của thị giác, mà chính xác nói đến màu da, tức chỉ năm sắc dân, yếu tố phân chia đẳng cấp xã hội của Ấn độ cổ đại.

[96]. Tứ pháp, 四法, chỉ cho Tứ thần túc, 四神足.

[97]. Xem cht. 88.

[98]. Nguyên Hán: A-nan phúc 阿難腹.

[99]. Hê-liên khô 醯連溪, phiên âm khác: Hy-liên-thuyền hà 希 [熙] 連禪河; tức Pāli, sông Hiraññavatī (Kim hà) Kusināra.



[100]. Ma, 魔; No. 1(2) sđd.: Ma ba tuần, 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant , ma ác, hay thần chế kẻ gây ra tội ác, xúi dục người khác làm ác.

[101]. Tệ ma 弊魔, chỉ ác ma; xem cht. 100.

[102]. Nguyên văn: Diệc khả phóng khí thọ mạng 亦可放棄壽命; No. 1(2) sđd.: Xả mạng trụ thọ 捨命住壽.

[103]. Đâu-thuật, 兜術; No. 2 (1) sđd.: Đâu-suất, 兜率; Pāli: Tusita; Skt.: Tusita.

[104]. Nguyên văn: Ngã kiến nhược đầu giác, 我見若頭覺.

[105]. Câu-lân, 拘鄰, xem cht.55.

[106]. Hoa-thị hương thổ, 華氏鄉土, có lẽ đồng nhất với Lực sĩ sanh địa 力士生地, tức “quê hương của những người lực sĩ” hay cũng gọi là Mạt-la quốc, mà thủ phủ là thành Câu-thi-na, nơi Phật sẽ nhập Niết-bàn. Phạn: malla: lực sĩ, malya: tràng hoa.

[107]. Thi-xá-hoàn, 尸舍洹. No. 2(2) sđd.: Thi-xá-ba 尸舍婆 tên một loại cây, Pāli: Simsāpa; tên khoa học: Dalbergia sisu. No. 1(2): Phật dừng lại trong rừng cây Thi-xá-bà, phía bắc thành Phụ-di. (Theo tài liệu Pāli, có một khu rừng Sinsāpavana tại Kosambī).

[108]. Hán: tuy cánh khô 雖更枯, không rõ ý.

[109]. Văn dịch không chuẩn về thành cú chuẩn liên hệ sự chứng quả A-la-hán. Hán dịch thường gặp: sanh dĩ tận, phạm hạnh dị lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu 生已盡梵行已立所作已辦不受後有.

[110]. Kiên-lê, 捷梨; No. 1(2) sđd.: Phật từ tháp Giá-bà-la đi đến thôn Am-bà-la, rồi đến thôn Chiêm-bà, rồi đến thôn Kiên-đồ. Trong bản Pāli: từ miếu Cāpālā-cetiya, Phật trở vào thành Vesāli , từ đó đi đến thôn Bhandagāma, đến thôn Hatthigāma, thôn Ambagāma, Jambugāma, dừng chân tại thị trấn Bhoganagara...

[111]. Kim tụ, 金聚; tức No. 2(2) sđd.: thôn Chiêm-bà, 瞻婆, Pāli:

Jambugāma. Ở đây, jambu được hiểu là jambunada hay jambodana, diêm-phù-đàn kim, tên loại vàng lấy từ cát ở Jambu, do đó dịch là Kim tụ, hay Xóm Vàng.

[112]. Thọ thủ, 授手. Pāli: Hatthigama.

[113]. Chính xác, đoạn này Phật giảng về sư tu tập cùng lúc ba môn giới, định và tuệ.

[114]. Yêm-mãn, 掩滿. Pāli: Ambagāma

[115]. Tham chiếu No. 1(2): tại thôn Ambà-la, Phật giảng, tu tập giới-định-tuệ đưa đến giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Bản Pāli, tại thôn

Bhandagāma, nội dung cũng tương đồng.

[116]. Tham chiếu No. 1(2): tu giới đắc định, được phước lớn. Pāli: định cùng tu với giới đưa đến kết quả lớn.

[117]. Tham chiếu No. 1(2): do tâm (định) và trí (tuệ) được tu tập đồng thời, sẽ giải thoát, dứt sạch các lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Bản Pāli cũng vậy.

[118]. Hán: thi đại 尸大, phổ thông phiên âm là thi-la 尸羅, tức Pāli: giới.

[119]. Hán: tam-ma-đề 三摩提, phiên âm phổ thông là tam-ma-địa hay tam-muội, tức định hay chánh định.

[120]. Hán: băng-mạn-nhã 崩 曼 若, phiên âm phổ thông: bát-nhã, tức tuệ hay trí tuệ.

[121]. Hỷ-dự, 喜 豫, Pāli: Ānanda-cetiya, chứ không phải là Nādika, No. 1(1) Na-đà thôn, như thấy ở cht. 58.

[122]. Hoa-thị tụ 華 氏 聚. No. 2(2) sđd.: Ba-bà, 波 婆; Pāli: Pāvā. theo tài liệu Pāli, Pāvā là một đô thị của bộ tộc Malla (xem cht. 106). Phật từ Bhoagagāma đi đến Pāvā. No. 1(2), Phật từ Phù-di (Pāli: Bhogagāma?) đi đến Pāvā.

[123]. Phu-diên, 夫 延; No. 2(2) sđd.: Phụ-di 負 彌. Tức Pāli: Bhogagāma.

[124]. Bốn nguyên nhân khiến cõi đất rung động: Ở đây được lập lại như trên.

[125]. Thệ tâm quốc, chỉ cho chúng hội những người Bà-la-môn.

[126]. Đệ tam Diêm thiên, 第三鹽天, Diêm cõi trời thứ ba, trong sáu cõi trời dục giới, cũng âm là Diêm-ma thiên, 焰摩天.

[127]. Đệ tứ Đâu-thuật thiên, 第四兜術天; Đâu-thuật cõi trời thứ tư, trong sáu cõi trời dục giới, tức thường gọi Đâu-suất thiên, 兜術率天.

[128]. Đệ ngũ Bất-kiêu-lạc thiên, 第五不憍樂天; Bất-kiêu-lạc cõi trời thứ năm, trong sáu cõi trời dục giới, còn gọi là Hóa-tự-tại thiên, 化自在天.

[129]. Đệ lục Ứng-hóa-thỉnh thiên, 第六應化聲天; Ứng-hóa-thỉnh là cõi trời thứ sáu, trong sáu cõi trời dục giới, còn gọi là Tha-hóa-tự-tại thiên, 他化自在天.

[130]. Liệt kê danh hiệu các trời thuộc Sắc giới các cõi trời Sắc giới, 色界: Phạm thiên 梵天, Phạm chúng thiên 梵眾天, Phạm phụ thiên 梵輔天, Đại phạm thiên 大梵天, Thủy hành thiên 水行天, Thủy vi thiên 水微天, Vô lượng thủy thiên 無量水天, Thủy âm thiên 水音天, Ước tịnh thiên 約淨天, Biến tịnh thiên 遍淨天, Tịnh minh thiên 淨明天, Thủ diệu thiên 守妙天, Cận tế thiên 近際天, Khoái



kiến thiên 快見天, Vô kết ái thiên 無  
 結愛天. Tham chiếu *Trường A-hàm*  
*kinh 20* (No. 1(20), cõi Sắc giới phân  
 ra Nhị thập nhị thiên, tức: Phạm thân  
 thiên 梵身天, Phạm phụ thiên 梵輔  
 天, Phạm chúng thiên 梵眾天, Đại  
 Phạm thiên 大梵天, Quang thiên 光  
 天, Diệu quang thiên 光妙天, Vô  
 lượng quang thiên 無量光天, Quang  
 âm thiên 光音天, Tịnh thiên 淨天,  
 Thiếu tịnh thiên 少淨天 五, Vô lượng  
 tịnh thiên 無量淨天, Biến tịnh thiên  
 遍淨天氣, Nghiêm sức thiên 嚴飾  
 天, Tiểu nghiêm sức thiên 小嚴飾天,  
 Vô lượng nghiêm sức thiên 無量嚴  
 飾天, Nghiêm sức quả thật thiên 嚴飾

果實天, Vô tướng thiên 無想天, Vô tạo thiên 無造天, Vô nhiệt thiên 無熱天才, Thiện kiến thiên 善見天, Đại thiện kiến thiên 大善見天, A-ca-ni-tra thiên 阿迦尼吒天.

[131]. Chỉ bốn cõi trời thuộc Vô sắc giới.

[132]. Danh sách bốn trời thuộc Vô sắc giới: Không huệ thiên 空慧天, Thức huệ nhập 識慧入獄, Vô sở niệm huệ nhập 無所念慧入, Bất tướng nhập 不想入. Danh hiệu được biết nhiều nhất: Không vô biên xứ thiên 空無邊處天, Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天, Vô sở hữu xứ thiên 無所有處天, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên 非想非非想處天.

[133]. Nhị thập bát thiên, 二 十 八 天: Sáu trời cõi dục, mười tám trời cõi sắc, và bốn trời cõi vô sắc như những chú thích trên.

[134]. Phật chỉ cho A-nan, khi kết tập kinh điển, mở đầu kinh bằng “Tôi nghe như vậy.” Văn dịch Hán ở đây không rõ.

[135]. Ba-tuần, 波 旬; No. 2(2) sđd.: Ba-bà 波 婆; Pāli: Pāvā

[136]. Thiên-đầu, 禪 頭; No. 2(2) sđd.: Xà-đầu, 闍 頭 圓.

[137]. Tức dân Mạt-la, tức tiếng Phạn là Malla, thường dịch là Lục sĩ. Trong bản Hán này, hiểu Malla là “bông hoa”

do liên hệ với từ mallikā: hoa mạt-li hay hoa lài.

[138]. Thuần, 純; No. 2(2) sđd.: Châu-na, 周那; No. 7, Thuần-đà, 純陀.

[139]. Hoa-thị 華氏 ; No. 1(2) sđd.: Châu-na, con trai một người thợ; Pāli: kammāraputta Cunda, Cunda con trai người thợ sắt.

[140]. Bản Hán: Quyển hạ, No. 1(2) sđd.: 'Du hành kinh đệ nhị'

[141]. Cưu-di-na-kiệt, 鳩夷那竭; No. 2(2) sđd.: Câu-thi-na-kiệt, 拘尸那胝; Pāli: Kusinagara.

[142]. Cưu-đôi, 鳩對; No. 1(2) sđd.: Câu-tôn 拘孫.

[143]. Suối Hê-liên 醯連; có lẽ là sông Hy-liên-thuyền (Pāli: Hiraññanavatī; xem cht. 99, quyển thượng). Nhưng, theo No. 1(2), giữa sông Câu-tôn (đây gọi là Câu-đôi, xem cht.3) và chỗ Phật dừng chân có một con suối nước đục. Sông Hy-liên-thuyền còn cách xa một quãng nữa.

[144]. Nguyên văn: Đại thần danh Bào-mân, 大臣名胞毘; No. 2(2) sđd.: A-la-hán đệ tử danh viết Phúc-quý 阿羅漢弟子名曰福貴.

[145]. La-ca-diêm, 羅迦鹽; chính xác phải đọc là Ca-la-diêm, tên người thường biết với phiên âm là A-la-la Ca-la-ma (Pāli: Ālāra-Kālāma), vị đạo sĩ mà đức Thích Tôn đã từng đến tham

vấn đạo sau khi Ngài rời cung vua. Trong bản Pāli, Pakkusa (tức Bào-mân ở đây) là đệ tử của Ālāra-Kālāma.

[146]. Ưu-đàm, 優曇; No. 1(2) sđd.: A-việt, 阿越; Pāli: Atuma.

[147]. Nguyên văn: hoàng kim chức thành điệp bố 黃金織成疊 (bộ mao 毛) 布.

[148]. No. 1(2): Phật uống nước, và tắm gội nơi sông Câu-tôn (Pāli: Kakutthā).

[149]. Chiên-đàn, 梅檀; No. 1(3) sđd.: Xiển-nộ 闍怒, còn phiên là Xiển-đà, 闍陀 hay là Xiển-na, 闍那; Pāli: Channa; Skt: Chandaka, tức là Xa-nặc,

車 匿 nguyên quân hầu mã của Thái tử.

[150]. Hán: thất ý chi sự 七意之事, tức bảy giác ý, cũng gọi là giác chi, hay bồ-đề phần (Pāli: satta sambojjhaṅgā), theo dịch ngữ thông dụng 1. niệm 念 (Pāli: satti), 2. trạch pháp 擇法 (dhamma-vicaya) , 3. tinh tấn 精進 (virīya) , 4. hỷ 喜 (pīti) , 5. khinh an 輕安 (passaddhi) , 6. định 定 (samādhi), 7. xả 捨 (upekkhā).

[151]. Chính xác, đoạn văn mô tả trạng thái nghỉ ngơi của Phật, nhưng bản Hán dịch dài dòng và tối nghĩa. Tham chiếu Pāli: (...) sato sampajāno utthānasaññaṃ

manasikaritvā, “chánh niệm, tỉnh giác, với ý tưởng ngồi dậy.”

[152]. Kiếp-tân, 劫 賓; No. 1(2) sđd.: không có tên cùng sự kiện này.

[153]. Diêm-kha-sa, 鹽 呵 沙, phiên âm, chỉ rừng sa-la song thọ, tức rừng cây sa-la mọc đôi. Pāli: yamaka-sālā.

[154]. Ưu-hòa-hoàn, 優 和 洹; No. 1(2) sđd.: Phạm-ma-na, 梵 摩 那; Pāli: Upavāna.

[155]. So sánh với No. 1(2) và Pāli: Bảy giờ rất đông chư thiên muốn hầu Phật, nhưng vì uy lực của Tỳ-kheo này quá lớn che mắt, khiến chư thiên không vào được. Vì vậy, Phật bảo Tỳ-kheo tránh ra.



[156]. Tức việc đó để cho các Bà-la-môn cư sĩ lo.

[157]. Phi hành hoàng đế, 飛行皇帝  
tức Chuyển luân Thánh vương 轉輪  
聖王.

[158]. Các đô thị lớn, trù phú, thời Phật.

[159]. Cưu-di-việt-vương, 鳩夷越王;  
No. 1(2) sđd.: Câu-xá-bà-đề, 拘舍婆  
提; Pāli: Kusāvati.

[160]. Đại-khoái-kiến, 大快見;  
No.1(2) sđd.: Đại-thiện-kiến, 大善見;  
Pāli: Mahāsudassana.

[161]. Tu-đạt, 須達; No. 2(2) sđd.:  
không có tên.

[162]. Hoàn thanh 桓青, phiên âm của Vālahaka?

[163]. Hán: niệm không vô tướng chỉ định 念空無相之定; chỉ ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện.

[164]. A-thần, 阿晨. nhân danh và sự kiện này bản No.1(3) sđd.: không có, mà chỉ có sự kiện dòng Mạt-la.

[165]. Hán: Ngô văn, 吾聞.

[166]. Tu-bạt-đa-la, 須跋多羅; No. 2(3) sđd.: Tu-bạt-đa-la, 須跋多羅; Pāli: Subhadaparibbājaka , du sñ Subhada.

[167]. Danh sách các tông sư giáo tổ đương thời: Cố-quy-thị 故龜氏,

Vô-tiên thị 無 先 氏, Chí-hành thị 志 行 氏, Bạch-lộ-tử thị 白 鷺 子 氏, Diên-thọ thị 延 壽 氏, Kê-kim-phản thị 計 金 樊 氏, Đa-tích-nguyên thị 多 積 願 氏 và Ni-kiên tử 尼 揅 子. Tham chiếu bản No. 1(3) chỉ có sáu vị, như các ông Phất-lan Ca-diệp ? 闍 迦 葉 (Pāli: Pūraṇa-Kassapa). Mạc-giá-lê Kiều-xá-lợi 末 伽 梨 憍 舍 利 (Paḥli: Makkhali-Gosala ). A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la 阿 浮 陀 翅 舍 金 拔 羅 (Pāli: Ajita-Kesakambalā ). Ba-phù Ca-chiên 波 浮 迦 旃 (Pāli: Pakudha-Kaccāyana ). Tát-nhã Tỳ-da-lê-phát 薩 若 毗 耶 梨 弗 (Sañjaya Belatṭhi-Putta). Ni-kiên

Tử, 尼 乾 子 (Pāli: Nigaṇṭha-Nātha-Putta).

[168]. Theo bản No. 1(3) , đây Phật nói về tám Thánh đạo.

[169]. Còn gọi là Dự lưu 預 流, Pāli: Sotāpanna; Nhất lai; 一 來, Pāli: Sakadāgāmin; Bất hoàn 不 還 , Pāli: Anāgāmin; A-la-hán 阿 羅 漢, Pāli: Arahant. (dịch là Tu đà hoàn 須 陀 洹, Tư đà hàm 斯 陀 含, A na-hàm 阿 那 含, A-la-hán 阿 羅 漢.)

[170]. Đại ý, theo No. 1(2), và bản Pāli, Phật giảng cho Tu-bạt, vì các nơi khác không có tám Thánh đạo, nên không có các quả Thánh.

[171]. Đoạn này trái ngược với No. 1(2) và bản Pāli, theo đó, trước kia Phật quy định các tu sĩ ngoại đạo muốn xuất gia thì Tỳ-kheo, phải cho 4 tháng biệt trú để tìm hiểu tâm chí. Sau Phật Niết-bàn, quy định ấy nên bỏ.

[172]. Sa-di giới, 沙彌戒.

[173]. Tỳ-kheo giới, 比丘戒; cũng gọi là cụ túc giới 具足戒 (Upasampadā).

[174]. Ưu-đàm-bát, 優曇鉢; hay Ưu-đàm-bạt-la, 優曇跋羅; Pāli: Udumbara; Skt. Uḍumbara, cũng gọi là hoa linh thụ.

[175]. Trên là quá trình xuất-nhập Thiên định trước khi đức Phật vào Niết-bàn. Tham chiếu bản No. 1(3).

[176]. A-na-luật, 阿 那 律; có thiên nhân đệ nhất.

[177]. Nguyên văn: Xà-duy 蛇 維; No. 2(3) sđd.: Xà-duy 闍 維; hay trà-tỳ 荼 持 hỏa táng. Pāli: Jhāpetī.

[178]. No 1(3) sđd.: ra cửa Bắc.

[179]. Châu-lê-ba-đàn 周 黎 波 檀; No 2(3) sđd.: Thiên quan tự 天 冠 寺; hay Thiên quan miếu. Pāli: Makuṭṭha-(bandhana)-cetiya.

[180]. Hán: Hữu dị học giả danh Ưu-vi 有 異 學 者 名 優 為; No. 1(3) sđd.: Ngộ nhứt Ni-kiên Tử 遇 一 尼 乾 子.

[181]. Mạn-đà-lặc 曼陀勒; sđd.: Văn-đà-la 文沱羅; TNM: Mạn-đà-la 曼陀羅; Pāli: Mandarāva.

[182]. Cưu-di 鳩夷 tức Cưu-di-na-kiệt.

[183]. Vệ-trí 衛致; bản No. 1(3) không nói đến địa danh và chi tiết này.

[184]. Di-lặc 彌勒; Skt. Maitreya.

[185]. Thập nhị Thủy vi thiên 十二水微天, cõi trời thứ mười hai, tức phổ thông gọi là Quang âm thiên hay Cực quang thiên. Pāli: Ābhassara ..

[186]. Tu đạt 須達; Pāli, Skt.: Sudatta.

[187]. Hán: giảng thọ đạo đường 講受道堂.

[188]. Văn vật tinh xá 聞物精舍, có lẽ là Kỳ hoàn tinh xá 祇洹精舍 (Pāli: Jetavana), được dùng để so sánh.

[189]. No 5, không liệt kê tên các nước. Tham chiếu bản No. 1(3): Ba-bà 波婆 (Pāli: Pāvā), Giá-la-phả 遮羅頗 (Pāli: Allakapa), La-ma-già 羅摩伽 (Pāli: Rāmagāma), Tỳ-lưu-đề 毗留提 (Pāli: Veṭhadīpa), Ca-duy-la-vê 迦維羅衛 (Pāli: Kapila-vatthu; Skt. Capila-vastu), Tỳ-xá-ly 毗舍離 (Skt. Vaizāli), và Ma-kiệt 摩竭 (Pāli, Skt. Magadha).

[190]. Truân-khuất 屯屈; No. 1(3) sđd.: Hương tánh 婆羅門香性.



[191]. Hán: thạch mật 石蜜.

[192]. Hoàn-vi 桓 違; xem cht. 54.

[193]. Già-ca-kiệt 遮 迦 竭; No. 1(3) chỉ nói người ở thôn Tất-bát 畢 鉢; bản Pāli nói người Moryā ở Pippala . Các phiên âm và Pāli không gần nhau, nên khó xác định.

[194]. Buộc tội A-nan không khuyên thỉnh Phật trụ thế lâu hơn, dù Phật đã có gởi ý.

[195]. Y-diệm ma tu-đàn 伊 焰 摩 須 檀, phiên âm lời mở đầu các kinh, gần với Skt. hōṃ chūṃ, hay Pāli: evaṃ me sutam, hơn là gần âm với Skt. tiêu chuẩn: evaṃ mayā śrutam. Hán dịch

phổ thông: như thị ngã văn 如是我聞.

[196]. Truyền thuyết trong các Luật tạng nói: năm trăm A-la-hán.

[197]. Hán: lục thất sát tố 六十疋素, “sáu chục xấp lụa.” Khết tập lần đầu bằng khẩu truyền, chưa chép thành căn tự; cho nên Hán dịch ở đây không chính xác. Có thể hiểu: mỗi bộ A-hàm nguyên thủy được tập thành gồm 60 tụng, tức 60 lần đọc mới hết. Truyền thuyết các bộ phái không giống nhau.

[198]. Ca-chiên 迦梅, Ca-tỉ-diên 迦比延, A-hóa 阿貨, Ni-câu-loại 尼拘類. Hai cây đầu, chưa xác định được. A-hóa, phiên âm của Skt.

Azvattha (Pāli: assattha ), một cây cung, tên khoa học Ficus Religosa; đức Thích Tôn thành đạo dưới cây này, nên cũng được gọi là cây Bồ-đề. Ni-câu-loại, Pāli: nigrodha, cây bàng; Phật Ca-diếp thành đạo dưới cây này; xem No. 1(1).

[199]. Hán: đạo thọ 道樹, tức cây bồ-đề.

[200]. Nguyên văn: Ưu-bà-di giới hữu thập 優婆夷戒有十 (?), Hán dịch này có sự nhầm lẫn. Có lẽ môn nói là giới của sa-di.

[201]. Tầng trời thứ tư của Dục giới, chỉ trời Đâu-suất.

[202]. Trong bản Hán: *nê-viết* 泥曰.

[203]. Nguyên Hán: *tông miếu* 宗廟.

[204]. Trong bản: *Kinh viết*, 經曰

[205]. Nguyên Hán: Phát tinh 沸星;  
Skt. puṣya(-nakṣatra), tương đương sao  
Quỷ trong nhị thập bát tú. Tháng sao  
Puṣya, hay tháng Pauṣa tương đương  
khoảng tháng 12-Giêng dương lịch.

[206]. Tham chiếu No. 2(3) sđd.: Phật  
sinh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt  
độ thời nào? Sinh khi sao Phật mọc.  
Xuất gia khi sao Phật mọc. Thành đạo  
khi sao Phật mọc.

[207]. No. 5, đoạn văn từ: Quốc vương  
cùng bốn mươi vạn dân chúng nghe tin  
hầu như ngất xỉu, cho đến tất cả muôn  
loài trong mười phương đều quy y

Phật. Đây là những sự kiện xảy ra sau khi Phật vào Niết-bàn: Từ vua quan sĩ thứ thương khóc xót xa cho đến những bài kệ tán thán của chư thiên các cõi đối với ân đức công hạnh của Phật đối với chúng sanh ba cõi, cùng những sự kiện sắp xếp dự liệu cho việc Trà-tỳ làm sao cho đúng pháp, cho đến mọi sự kiện khác xảy ra quanh việc chia phần Xá-lợi cho các nước phụng thờ giữa hai bản trên những sự kiện chính thì đồng, nhưng về cách diễn tả sự kiện chi tiết thì không giống nhau. Đôi khi bản này có sự kiện này mà bản kia lại không và ngược lại, hay những sai khác nhau về nhân danh địa danh quốc độ vào lúc bấy giờ giữa hai bản như những chú thích đã ghi lại ở trên.

--- o0o ---

## Mục Lục Kinh Trường A Hàm

--- o0o ---